

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN
Phật lịch 2567 (DL. 2023)

138

THÁNG 5.2023



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **Internet Image**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **BA THÁNG XUÂN QUÝ MÃO** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 6
- **NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỚNG DUY THỨC**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 7
- **TIẾP XÚC VÀ CÙNG ĐƯỜNG PHẬT ĐẢN** (HT. Thích Thái Hòa), trang 10
- **KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN** (thơ Minh Đạo), trang 12
- **HOA NGHIÊM PHÁP GIỚI QUÁN**, t.t. (Tuệ Sỹ), trang 13
- **PHẬT HẠNH, ĐIỀU DỤNG...** (thơ Chúc Hiền), trang 18
- **Ý NGHĨA ĐÀN SANH VỀ NIỆM THIỀN** (Thích Phước Mỹ), tr. 19
- **THÔNG BÁO SỐ 2, CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN LẦN THỨ 2647** (GHPGVNTN Hoa Kỳ), trang 23
- **THÔNG BÁO SỐ 2, AN CƯ KIẾT HẠ VÀ ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN PL. 2567** (GHPGVNTNHNK), tr. 24
- **CÓ THỨ TÀI SẢN KHÔNG BAO GIỜ MẤT** (TN. Hằng Như), tr. 25
- **NGÀY TRỞ VỀ** (thơ Hồ Thanh Nhã) trang 27
- **TÂM THƯ V/V ẨM HÀNH ĐẠI TANG KINH VIỆT NAM** (HT Thích Nguyên Siêu), trang 28
- **HƯƠNG THƠM CỦA GIỚI** (Phật Pháp Thứ Năm – GĐPTVN), tr. 30
- **CUỘC HÀNH TRÌNH DÀI CỦA ĐỨC PHẬT TỚI CHÂU ÂU VÀ CHÂU PHI** (Huỳnh Kim Quang), trang 31
- **SEN NỞ DƯỚI CHÂN NGƯỜI** (thơ Nguyễn An Bình), trang 34
- **THÔNG BÁO SỐ 2 - Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 10** (HT Thích Tuệ Uy), trang 37
- **PHẬT LỊCH VÀ PHẬT ĐẢN** (Trần Việt Long), trang 39
- **TỨ CÚ LỤC BÁT "TRANG SỬ"** (thơ Vĩnh Hữu), trang 41
- **ĐỨC PHẬT RA ĐỜI NHƯ MẶT TRỜI CHÓI SÁNG** (Nguyễn Giác), trang 42
- **KHOÀI BÀN GẦN XA** (thơ Diệu Viên), trang 44
- **THE STORY OF A BHIKKHU WHO KILLED A SWAN** (Daw Tin), trang 45
- **NGỌC BẦU TRONG ÁO** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 46
- **CỨU NGƯỜI BỊ GIẶC CƯỚP** (Truyện cổ Phật giáo), tr. 47
- **MƯỚP XÀO** (Hàn Giang), tr. 48
- **TRUYỆN CỤC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **VÒNG QUAY VŨ TRỤ** (thơ Quy Hồng), trang 50
- **PHÒNG NGỪA SÂU RĂNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 51
- **PHẬT TÁNH TRONG "PHẬT SẼ THÀNH"** (Hạnh Chi), tr. 53
- **BẢN HOÀI NHƯ LAI** (thơ Đồng Thiện), trang 54
- **SẮC HƯƠNG ƯU-ĐÀM** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 55
- **ĐƯỜNG THỂ NHÂN MUÔN THUỞ** (thơ Thanh Nguyễn), trang 56
- **ĂN CHAY CÓ LỢI LẮM...** (TL Đào Mạnh Xuân), trang 57
- **TRẦN GIAN LÀ BỀ KHỔ HAY VUI?** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 58
- **CẢM NIỆM VỀ BA** (Anh em họ Lê), trang 60
- **CỜ TRỜI tập 1 - chương 3**, t.t. (truyện dài Vĩnh Hào), tr. 61
- **TỰ TÁNH** (thơ TT Lê Đình Cát), trang 65



Báo Chánh Pháp số 138, tháng 05 năm 2023, do Tổng Hội Cư Sĩ PGVN (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn ph. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

ĐỨC PHẬT DUYÊN SINH

Những gì được sinh ra trên thế gian này đều do sự kết hợp của nhân duyên, nói gọn là duyên sinh.

Trong vận hành của nhân-duyên, cái gì sở được, thấy được, nghĩ đến được, cảm giác được, đặt tên được, đều là do nhân duyên mà sanh khởi, không thể nào là một cá thể độc lập. Hư không không sở không thấy được, nhưng có thể nghĩ và đặt tên để phân biệt với cái không phải là nó, nên hư không cũng do duyên sinh, không thể tự hiện hữu một cách độc lập. Hư không không hiện hữu nếu chủ thể nhận thức về nó không hiện hữu, không sinh khởi. Hư không cũng không thể hiện hữu nếu vạn vật hữu hình và tâm thức trừu tượng, không hiện hữu. Nếu không nhờ hư không thì không thể nhận biết sự vật, và cũng nhờ sự vật mà biết có hư không chung quanh. Suy ra, một sự thể có mặt đối với chúng ta tất phải được nhận thức, đặt tên để phân biệt với một hay nhiều sự thể khác cả trong thời gian quá khứ, hiện tại và vị lai; thế nên, mọi sự mọi vật đều hiện hữu trong tương quan tương sinh, không có gì tự sinh, không có gì tự hiện hữu mà không nhờ sự hiện hữu đồng thời của những cái không phải là nó. Tất cả mọi sự mọi vật đều có liên hệ mật thiết với nhau để sinh, diệt. *"Cái này hiện hữu thì cái kia hiện hữu; cái này không hiện hữu thì cái kia không hiện hữu. Cái này sinh thành thì cái kia sinh thành; cái này hủy diệt thì cái kia hủy diệt"* (1).

Sự xuất hiện của đức Phật trên thế gian cũng không ngoài duyên sinh. Nhưng duyên sinh, nói theo Bát-bất (2) là bất sinh, nên cũng bất diệt. Cái gì được sinh ra từ những điều kiện nhân duyên, cái đó không có tự tánh, không thực hiện hữu, không thực sinh ra. Có nghĩa rằng sự sinh không có thật, vì vậy sự diệt cũng không có thật. Sinh-tử chỉ là ảo tưởng, ảo mộng, ảo giác.

Một cách nói khác của bất sinh - bất diệt là vô lai - vô khứ khi mô tả sự hiện hữu và tịch diệt của đức Phật: *"Như Lai ấy, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu - nên gọi là Như Lai."* (3)

Dù vậy, trên mặt hiện tượng, trên bình diện tục đế, người ta thấy đức Phật có sinh có diệt. Đại sư Long Thọ cũng "thấy" Phật hiện hữu nên đã cất lời ca tụng và đánh lễ ngay từ bài kệ mở đầu của *Trung Luận* (4):

*"Nói được [lý] nhân duyên ấy
Khéo trừ các thứ hý luận
Con cúi đầu lễ Phật"*

[Đã nói lý nhân duyên]

Đệ nhất trong các thuyết." (5)

Đại sư Long Thọ đã thấy Đức Phật sinh-diệt như

thế nào? Hãy nghe Đại sư Trí Quang: *"Phật không nhập diệt. Cái nhân bồ-tát hạnh của Phật làm cho sự sống lâu của Phật đã không bao giờ hết. Phật ở bên ta. Ta không thấy Phật chỉ vì ta thấy là thấy sống-chết mà Phật thì phi sinh-diệt. Nhưng mù nên không thấy mặt trời mà vẫn sống nhờ ánh sáng của nó. Ta không thấy Phật nhưng ơn hóa độ của Phật không rời bỏ ta, ta vẫn luôn luôn được hưởng."* (6)

Thấy (kiến) pháp thân Phật (7) thì mới thực sự thấy được một đức Phật bất sinh bất diệt.

Và dù thế nào, trong lịch sử nhân loại, hơn hai nghìn năm trăm năm trước, đã có một đức Phật sinh ra trong cõi đời ô trược, vượt lên từ cõi ấy như hoa sen vươn khỏi bùn lầy, trải bao khổ nhọc tìm cầu chân lý; và cuối cùng, sau 49 ngày đêm thiền định, vừa khi Sao Mai mọc, đã chứng được tuệ giác vô thượng.

Xin cung kính đánh lễ đức Như Lai, bậc toàn thiện toàn giác, đã tùy duyên ứng hiện để dẫn đạo chúng sinh, vượt thoát vũng lầy thống khổ của trần gian như sen xanh, sen trắng, sen đỏ, sen vàng... (8) theo thời gian, trước sau gì cũng sẽ ra khỏi mặt nước để tỏa ngát hương thơm trên mặt hồ.

- 1) *"Nhược thử hữu tắc bi hữu, nhược thử vô tắc bi vô, nhược thử sinh tắc bi sinh, nhược thử diệt tắc bi diệt..."* (Kinh Trường A Hàm).
- 2) *Bát-bất Trung Đạo là 8 nguyên lý phủ định của Luận sư Long Thọ (150 - 250, thế kỷ 1-2) nhằm phê bình và phá hủy mọi kiến chấp, thiên chấp của ngoại đạo và một vài bộ phái Phật giáo đương thời, gồm: Bất sinh, bất diệt; bất thường, bất đoạn; bất nhất, bất dị; bất lai, bất xuất.*
- 3) *"Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai"* (Kinh Kim Cang, Uy nghi Tịch tĩnh, đoạn 29)
- 4) *Bộ luận lập thuyết của Bồ-tát Long Thọ, làm nền tảng cho Trung quán tông tại Ấn độ vào thế kỷ thứ 1 & 2, và Tam Luận Tông tại Trung Hoa từ thế kỷ thứ 5 mà ngài Cưu-ma-la-thập được xem như là khai tổ.*
- 5) *Trung Luận, Phẩm thứ nhất, Phá nhân duyên, kệ thứ 2: "Năng thuyết thị nhân duyên / Thiên diệt chư hý luận / Ngã kế thủ lễ Phật / Chư thuyết trung đệ nhất."*
- 6) *Kinh Pháp Hoa, HT. Thích Trí Quang dịch - trích Lược dẫn, Lược nói chủ ý, trang 5.*
- 7) *"Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai"* - Kẻ nào nhìn Như lai qua sắc tướng, âm thanh, kẻ ấy đang lạc vào đường tà, không thể thấy được Như Lai (Kinh Kim Cang)
- 8) *Mượn hình ảnh từ một đoạn trong kinh Thánh Cầu (Ariyapariyesanā Sutta - Trung Bộ).*

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

THÁI LAN: Người dân hảo tâm của Pattaya phát quà cho người nghèo tại Chùa Chaimongkol

Vào ngày 1-4-2023, Chùa Hoàng gia Chaimongkol đã tổ chức lễ Luang Po Buddhachaimongkol và nghi lễ "Tay Krachat" hàng năm để hỗ trợ cho người nghèo.

Sư trụ trì Prarajasarn Sophon đã chào đón vị khách đặc biệt là ông Poramet Ngampichet, Thị trưởng Pattaya, đến tham dự buổi lễ.

Lễ "Tay Krachat" là hoạt động từ thiện, lần này đã trao tặng 1,150 túi nhu yếu phẩm cho người nghèo. Những món quà được tài trợ bởi gia đình Gulati và các thành viên của giáo hội bản xứ.

Những người mộ đạo đã quyên góp cho chùa bằng cách cúng dường áo cà sa, mua quan tài, cúng dường ảnh Phật trong ngày sinh của họ và phết vàng lá lên các tượng Phật.

Sự kiện này sẽ tiếp tục đến hết ngày 9-4 với một hội chợ chùa địa phương, với những người bán đồ ăn và thức uống, quần áo và hàng lưu niệm - bao gồm các gian hàng làm công đức và mạ vàng bức tượng Luang Po Chaimongkol.

Hàng ngàn người dân và khách du lịch dự kiến sẽ tham dự các lễ kéo dài một tuần này để làm công đức và vui chơi.

(Pattaya Mail - April 5, 2023)



Lễ "Tay Krachat" hàng năm để hỗ trợ cho người nghèo tại Chùa Chaimongkol, Pattaya (Thái Lan)
Photo: Pattaya Mail

NHẬT BẢN: Tượng Phật cổ bị đánh cắp từ chùa Nagano đã được tìm thấy cách đó 60 km

NAGANO, Nhật Bản - Một pho tượng Phật được thờ tại chùa Zenkoji ở thành phố Nagano đã được tìm thấy sau khi có thông báo mất tích vào sáng ngày 5-4-2023.

Đây là tượng Hòa thượng Pindola Bharadvaja, một nhân vật Phật giáo - được gọi là Binzuru ở Nhật Bản.

Pho tượng gỗ cao 80 cm mà ngôi chùa này rất tôn quý được cho là đã được điêu khắc cách đây hơn 300 năm.

Cảnh sát tỉnh Nagano đã tìm thấy pho tượng trong một chiếc xe ở thành phố Matsumoto, cách đó khoảng 60 km, sau khi dừng lại và thẩm vấn người lái xe.

Kẻ bị cáo buộc đã đánh cắp pho tượng này là Shintaro Morimoto, 34 tuổi, một người đàn ông không rõ nghề nghiệp đến từ quận Kumamoto phía tây nam Nhật Bản. Anh ta bị bắt vì nghi ngờ đánh cắp pho tượng Pindola Bharadvaja từ tòa nhà chính của ngôi chùa vào khoảng từ 8 a.m. đến 8:35 a.m. sáng ngày 5-4. Anh ta đã thừa nhận các cáo buộc, và cảnh sát đang điều tra các động cơ của anh ta. Pho tượng không bị hư hại đáng kể.

(The Mainichi - April 6, 2023)



Tượng Hòa thượng Pindola của Chùa Zenkoji được nhìn thấy tại ngôi chùa này ở thành phố Nagano vào ngày 1-4-2009
Photo: Asuka Ohira



Sư Meishin Hayashi, quản tự chính của Chùa Zenkoji, nói chuyện với các phóng viên tại nơi tôn trí tượng của Hòa thượng Pindola trong chùa ở thành phố Nagano vào 5-4-2023
Photo: Hideyo Suzuki

ẤN ĐỘ: Dự án Chư ni Tây Tạng thông báo hoàn thành việc nâng cấp sân trong tại Ni viện Dolma Ling

Dự án Chư ni Tây Tạng (TNP) - một tổ chức từ thiện đã đăng ký tại Hoa Kỳ có trụ sở tại Seattle và Quận Kangra của bang Himachal Pradesh, Ấn Độ - công bố rằng đã hoàn thành một sáng kiến đầy tham vọng nhằm mở rộng và cải thiện sân tranh luận cho các nữ tu sĩ Phật giáo của Ni viện và Học viện Biện chứng Phật giáo Dolma Ling.

Theo một báo cáo từ TNP, sân trong được mở rộng nói trên cung cấp thêm 60% diện tích được che phủ - thêm 232 mét vuông - cung cấp bóng râm và chỗ trú ẩn cho các nữ cô trong thời gian họ thực hành tranh luận hàng ngày trong tu viện.

Công việc cải tạo sân trong này bắt đầu vào tháng 1-2022, với việc mở rộng và xây dựng diễn ra theo 2 giai đoạn. Dự án đã hoàn thành hiện nay bao gồm mái thép và các khu vực kín để bảo vệ sân trên khỏi mưa, và có cửa sổ trượt để thông gió khi trời tiết nóng. Chỗ ngồi bằng đá bổ sung cũng đã được thêm vào. Và giai đoạn thứ hai đã chứng kiến việc bổ sung một mái nhà mở rộng trên khu

vực tranh luận mở rộng.

Ni viện Dolma Ling là học viện đầu tiên dành riêng cho giáo dục Phật giáo cao cấp cho các nữ tu sĩ Phật giáo Tây Tạng từ tất cả các truyền thống, và được TNP tài trợ hoàn toàn.

(Buddhistdoor Global - April 6, 2023)



Sân tranh luận tại Ni viện Dolma Ling được mở rộng và cải thiện



Công việc cải tạo sân trong của Ni viện Dolma Ling bắt đầu vào tháng 1 năm ngoái
Photos: TNP

ÚC ĐẠI LỢI: Hội nghị các Trung tâm Phật giáo Tây Tạng lần thứ nhất được tổ chức tại Sydney

Sydney, Úc Đại Lợi - Hội nghị đầu tiên của các Trung tâm Phật giáo Tây Tạng tại Úc được tổ chức tại Trung tâm Chức năng Aerial của Đại học Công nghệ Sydney vào ngày 26-3-2023. Tại đây các đại biểu đã nêu lên mối quan tâm về những vi phạm nghiêm trọng đến quyền tự do tôn giáo ở Tây Tạng và chính sách san bằng văn hóa và tôn giáo Tây Tạng của Trung Quốc.

Hơn 100 vị đại diện, giáo

viên và học viên từ các Trung tâm Phật giáo Tây Tạng khác nhau ở Úc đã tham gia hội nghị này.

Đây là lần đầu tiên Hội nghị thuộc loại này được tổ chức tại Úc, do Văn phòng Thông tin Tây Tạng ở Canberra tổ chức với mục đích tập hợp Trung tâm Phật giáo Tây Tạng, các giáo viên và các học viên tại Úc để thảo luận về giáo lý phổ quát của Phật giáo Tây Tạng và Đức Đạt lai Lạt ma thứ 14, cũng như tầm quan trọng của chúng đối với thế giới đương đại, và để tạo cơ hội học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau.

(Big News Network - April 2, 2023)



Hội nghị các Trung tâm Phật giáo Tây Tạng lần thứ nhất được tổ chức tại Sydney
Photo: ANI

HOA KỲ: Hội đồng thành phố San Jose đã phê duyệt việc xây dựng ngôi chùa Phật giáo theo kế hoạch của cộng đồng Cam Bốt

San Jose, California - Hội đồng thành phố San Jose tuần trước đã phê duyệt việc xây dựng ngôi chùa Phật giáo theo kế hoạch của cộng đồng Cam Bốt.

Nhiều người có mặt tại cuộc họp hội đồng, bao gồm khoảng một chục nhà sư Phật giáo, đã vỗ tay hoan hô. Các thành viên của cộng đồng Phật giáo đã làm việc trong nhiều năm để giành được sự chấp thuận cho ngôi chùa, vì nhiều cư dân địa phương đã phản đối dự án.

Theo kế hoạch của ngôi chùa, các buổi thiền định và tụng kinh thường xuyên sẽ thu hút 20 - 50 du khách. Tuy nhiên, chùa được phép có tới 300 du khách tại chỗ cho các sự kiện đặc biệt. Sẽ có 8 nhà sư sống trong khuôn viên chùa này.

Ngôi chùa sẽ tọa lạc trong khu phố Evergreen ở góc đông nam của thành phố San Jose.

Sau khi hoàn thành, đây sẽ là ngôi chùa Phật giáo lớn nhất trong Vùng Vịnh, bao gồm San Francisco và Oakland ở phía bắc. Nó cũng sẽ cung cấp một trung tâm cộng đồng dành cho tất cả mọi người và là ngôi nhà cho cộng đồng người Cam Bốt đang phát triển trong khu vực.

Cấu trúc rộng 1,300 mét vuông này đã được lên kế hoạch trong 4 năm.

"Chức năng của ngôi chùa là bảo tồn, giảng dạy và thực hành tôn giáo của chúng tôi," nữ Phật tử Lyna Lam của Hội Phật giáo Khmer phát biểu.

(Buddhistdoor Global - April 4, 2023)



Cuộc họp Hội đồng thành phố San Jose về việc xây dựng ngôi chùa Phật giáo theo kế hoạch của cộng đồng Cam Bốt
Từ sanjosespotlight.com

PHÁP: 'Jikji', cuốn sách Phật giáo lâu đời nhất thế giới in bằng bản kim loại có thể di chuyển, sẽ được trưng bày tại Paris

"Jikji", được UNESCO công nhận là cuốn sách cổ nhất thế giới được in bằng loại bản in kim loại có thể di chuyển được, sẽ được ra mắt công chúng lần đầu tiên sau 50 năm tại một cuộc triển lãm lớn ở Pháp.

Cuốn sách sẽ được trưng bày tại Thư viện Quốc gia Pháp từ ngày 12 đến 16 tháng 7, tại một cuộc triển lãm tập trung vào lịch sử của công nghệ in ấn.

"Jikji" là tên rút gọn của "Jikjisimcheyojeol", một văn bản được viết bởi nhà sư Baegun Gyeonghan vào năm 1372. Sách này là một bản tóm tắt các giáo lý của các nhà sư Phật giáo vĩ đại của Vương quốc Goryeo (918-1392).

Sách được in vào năm 1377 tại Chùa Heungdeok (ở Cheongju, tỉnh Bắc

Chungcheong), 78 năm trước Kinh thánh Gutenberg - cũng là một bản viết bằng kim loại có thể di chuyển, được in ở châu Âu vào năm 1455.

Vào năm 1972 nhà sử học Park Byeong-seon (1923-2011), từng là thủ thư tại Thư viện Quốc gia Pháp, đã chính thức chứng minh rằng cuốn sách này có trước Kinh thánh Gutenberg.

Ấn phẩm này ban đầu bao gồm 2 tập, nhưng chỉ có tập thứ hai tồn tại tại thư viện Pháp.

(heraldcorp.com - April 11, 2023)



Một đoạn trích từ "Jikji" lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Pháp
Photo: Yonhap

HÀN QUỐC: Thượng tọa Pomnyun Sunim dẫn đầu 1,250 học viên Hội Jungto Hàn Quốc hành hương đến Ấn Độ

Thượng tọa Pomnyun Sunim đã dẫn đầu 1,250 học viên - thành viên của Hội Jungto, cộng đồng Phật giáo quốc tế do ông thành lập - trong chuyến hành hương đến Ấn Độ và Nepal từ ngày 29-1 đến 10-2-2023.

Thượng tọa Pomnyun Sunim và 1,250 người hành hương từ Seoul đã đến New Delhi và sau đó đến nhiều địa danh linh thiêng ở Ba La Nại, Lộc Uyển, Dhungeshwari, Bồ Đề Đạo Tràng, Jethian, Venu Van, Linh Thứu, Vaishali, Kesariya và Câu Thi Na ở Ấn Độ.

Đoàn người hành hương Jungto tiến hành trì tụng phần kinh mô tả bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật tại Sarnath (Lộc Uyển), và sau đó thiền định trong khi hình dung cảnh Đức Phật thuyết pháp cho 5 vị tu khổ hạnh trong khung cảnh lịch sử và tôn

gi nghiêm đó.

Sau đó, những người hành hương tiếp tục đến thăm các thánh địa tại Lâm Tì Ni (Nepal), trước khi quay trở lại Ấn Độ để tiếp tục hành hương ở Sravasti, Jetavana và Sankissa.

(Bhutan Live - April 8, 2023)



Đoàn người hành hương Jungto tại Sarnath (Lộc Uyển)
Photos: Jungto Society

NEPAL: Lạt ma Zopa Rinpoche, Học giả Phật giáo đáng kính và là Người sáng lập FPMT, đã viên tịch

Tôn sư Gelug, học giả Phật giáo Tây Tạng và thiền giả, Lạt ma Thubten Zopa Rinpoche, có lẽ được biết đến rộng rãi nhất với việc thành lập "Tổ chức cộng đồng Phật giáo quốc tế để Bảo tồn Truyền thống Đại thừa" (FPMT), đã viên tịch tại Nepal lúc 9:30 sáng ngày 13-4-2023.

Những cộng sự thân thiết cho biết Rinpoche đã du hành ở những nơi có độ cao lớn ở quê hương Nepal, và đã bị ảnh hưởng bởi độ cao.

Lạt ma Zopa Rinpoche sinh tại vùng Everest của Thangme, Nepal, vào năm 1945, và khi mới ba tuổi ông được công nhận là tái sinh của Sherpa Nyingma yogi Kunsang Yeshe, Lawudo Lama.

Lama Zopa Rinpoche thành lập FPMT ở Nepal vào năm 1975 cùng với Lạt ma Thubten Yeshe và bắt đầu giảng dạy Phật giáo cho sinh viên phương Tây. Trong những năm kể từ đó, FPMT đã phát triển trên toàn cầu, với các trung tâm, dự án và hoạt động Phật pháp ở 37 quốc gia. Lạt ma Zopa Rinpoche đã phục vụ với tư cách là giám đốc tinh thần của FPMT kể từ khi Lama Yeshe qua đời vào năm 1984.

(Buddhistdoor Global - April 13, 2023)



Lạt ma Zopa Rinpoche
Photo: Facebook.com

BA THÁNG XUÂN QUÝ MÃO

*Xuân chưa đi mà hạ sắp đến rồi,
Mưa nắng bất thường khổ lắm ai ơi!
Trời: sáng mưa, trưa nắng chiều oi bức,
Khí hậu đổi thay mang khổ quá trời...*

*Mưa xuân mà hạt mưa rơi lộp độp...
Rớt xuống đều từng cục khắp đây sân,
Cỏ cây hoa lá đều bị tím bầm,
Mưa xuân như thế mấy ai vui vẻ?*

*Tất cả bà con từ già đến trẻ,
Cứ thi đua ho lộ khệ như nhau,
Có người ho khan, cứ mãi ôm đầu...
Cứ uống thuốc thể com, ôi chán ngán!*

*Tâm tư mọi người xem ra sâu thẳm,
Rồi cùng nhau tìm đến tận nhà thương?
Gặp bác sĩ để cho biết tỏ tường,
Bác sĩ bảo: năm này do chương khí.*

*Bệnh hoạn đầy cả năm châu bốn bể,
Nên ai ai cũng đều bệnh như nhau...
Các quốc gia trên thế giới điên đầu,
Đang cố điều nghiên để xoay thời thế...*

*Nói thì dễ nhưng làm không phải dễ,
Chỉ có tu hâu để được an vui,
Để vơi đi cuộc sống cứ luân hồi,
Xoay chuyển mãi cứ xuống lên xuống...*

*Con của Phật tìm cho mình đời sống,
Cố tịnh tu giữ giới mới an vui,
Cố giúp ích cho đạo và cho đời,
Hành chánh pháp thì cuộc đời quang đãng.*

*Hy vọng cố tu thì đời tỏ rạng,
Đừng để sương mù ngợp choáng đời ta,
Cố tâm niệm Phật để thoát ái hà,
Sớm thoát Ta bà tìm về Cực lạc.*

*Có như thế mới mong tâm an lạc,
Có như thế mới thoát khỏi sầu bi...
Lời Phật dạy ta cố mãi khắc ghi,
Mưa hay nắng không còn vì nó nữa...*



tho

Mạnh hạ, Apr. 10th, 2023

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC

HT. Thích Thắng Hoan

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

3)- Biệt Tánh Của Sự Hiểu Biết: (Biệt tánh của Năng Tri)

Biệt tánh của sự hiểu biết nghĩa là tánh chất riêng biệt của sự hiểu biết. Tám Tâm Thức sở dĩ có sự hiểu biết riêng biệt khác nhau là do Chứng Tự Chứng Phần của mỗi Tâm Thức. Về lãnh vực Năng Tri (Chủ thể nhận thức) của mỗi Tâm Thức gồm có ba phần: Kiến Phần, Tự Chứng Phần và Chứng Tự Chứng Phần.

a) Kiến Phần (Activities): là phần tác dụng của Tâm Thức để hiểu biết vạn pháp.

b) Tự Chứng Phần (Consciousness): là phần tự thể của Tâm Thức cũng gọi là phần thể tánh của Tâm Thức. Đây là chỉ cho phần hạt giống (chủng tử) của mỗi Tâm Thức để làm nguồn thể phát sanh tác dụng Kiến Phần.

c) Chứng Tự Chứng Phần (Form): là phần bảo vệ hạt giống Tâm Thức không bị biến tướng. Phần này còn có nhiệm vụ là cung ứng Kiến Phần tác dụng để hiểu biết và còn chỉnh lý Kiến Phần hiểu biết theo khả năng tánh của mình. Phần này cũng tương tự như bộ máy phát thanh có nhiệm vụ là gạn lọc và điều chỉnh âm thanh.

Thí Dụ: Dòng điện (Foundation Consciousness) thì chỉ có một loại, nhưng khi chạy vào bộ máy Ti Vi (Chứng Tự Chứng Phần) liền biến thành thể tánh (Tự Chứng Phần) thuộc loại điện Ti Vi chỉ chuyên chiếu hình (Kiến Phần). Dòng điện khi chạy vào bộ máy Radiô (Chứng Tự Chứng Phần) liền biến thành thể tánh (Tự Chứng Phần) thuộc loại điện Radiô chỉ chuyên phát thanh (Kiến Phần). Dòng điện khi chạy vào bộ máy bóng đèn (Chứng Tự Chứng Phần) liền biến thành thể tánh (Tự Chứng Phần) thuộc loại điện bóng đèn chỉ chuyên chiếu soi ánh sáng (Kiến Phần), v.v...

4)- Sự Biến Tướng Của Tâm Thức:

Tám Tâm Thức sở dĩ có sự hiểu biết không giống nhau là do bộ máy Chứng Tự Chứng Phần (Căn Thức) của mỗi Tâm Thức sai biệt nhau. Bộ máy Chứng Tự Chứng Phần thuộc loại hiểu biết hình thức nhìn thấy thì khiến cho dòng Tâm Thức biến thành Tự Chứng Phần mang tên Nhãn Thức để hiểu biết vạn pháp về phương diện nhìn thấy

hình sắc của sự vật. Bộ máy Chứng Tự Chứng Phần thuộc loại hiểu biết hình thức nghe tiếng thì khiến cho dòng Tâm Thức biến thành Tự Chứng Phần mang tên Nhĩ Thức để hiểu

biết vạn pháp về phương diện nghe tiếng của sự vật. Bộ máy Chứng Tự Chứng Phần thuộc loại hiểu biết hình thức ngửi mùi thì khiến cho dòng Tâm Thức biến thành Tự Chứng Phần mang tên Tỷ Thức để hiểu biết vạn pháp về phương diện ngửi mùi của sự vật. Bộ máy Chứng Tự Chứng Phần thuộc loại hiểu biết hình thức nếm vị thì khiến cho dòng Tâm Thức biến thành Tự Chứng Phần mang tên Thiệt

Thức để hiểu biết vạn pháp về phương diện nếm vị của sự vật. Bộ máy Chứng Tự Chứng Phần thuộc loại hiểu biết hình thức cảm xúc thì khiến cho dòng Tâm Thức biến thành Tự Chứng Phần mang tên Thân Thức để hiểu biết vạn pháp về phương diện cảm xúc của sự vật. Bộ máy Chứng Tự Chứng Phần thuộc loại hiểu biết hình thức nhận định thì

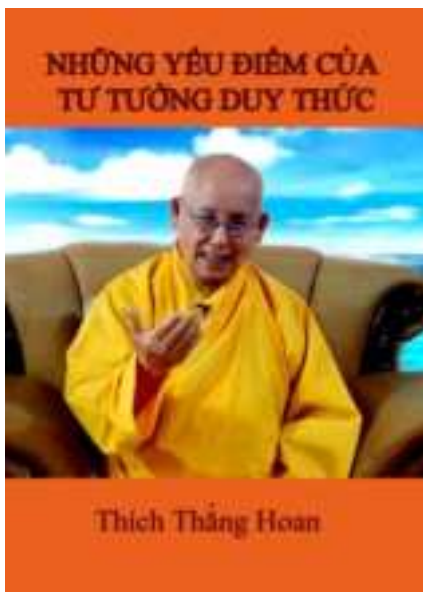
khiến cho dòng Tâm Thức biến thành Tự Chứng Phần mang tên Ý Thức để hiểu biết vạn pháp về phương diện phân biệt tánh chất, giá trị và ý nghĩa sự vật. Bộ máy Chứng Tự Chứng Phần thuộc loại chấp trước thì khiến cho dòng Tâm Thức biến thành Tự Chứng Phần mang tên Mạt Na (Ý) để hiểu biết vạn pháp về phương diện so đo. Bộ máy Chứng Tự Chứng Phần thuộc loại tàng trữ thì khiến cho dòng Tâm Thức biến thành Tự Chứng Phần mang tên Tạng Thức (Alaya) để hiểu biết vạn pháp về phương diện xây dựng và bảo trì.

CHÚ Y: Chứng Tự Chứng Phần của bảy Thức Trước gọi là Căn Thức. Còn Chứng Tự Chứng Phần của Tạng Thức (Alaya) chính và Vô Minh Nghiệp Tướng.

(Muốn biết rõ ý nghĩa bốn Phần, hãy xem lại Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển I, mục Thành Phần Của Tâm Thức, trang 148 và Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển II, trang 65 và 67)

5)- Nguồn Gốc Sanh Ra Tâm Thức:

a)- Theo nhà Duy Thức, nguồn gốc sanh ra Tự Chứng Phần của bảy Tâm Thức, từ Mạt Na Thức thứ bảy, Ý Thức thứ sáu và cho đến năm Tâm Thức ở trước chính là Tự Chứng Phần của Thức A Lại Da thứ tám, nghĩa là Kiến Phần Thức A Lại Da



thứ tám phát sanh tác dụng từ Tự Chứng Phần của chính Thức này chạy vào an trú trong Chứng Tự Chứng Phần của mỗi Tâm Thức biến thành Tự Chứng Phần riêng của những Thức đó để sinh hoạt hiểu biết vạn pháp, cũng giống như Kiến Phần của Thức A Lại Da phát sanh từ Tự Chứng Phần của chính Thức này chạy vào an trú trong một chủng tử của giống nào thì biến thành Thức Dị Thục của chủng tử giống đó làm nguyên nhân để sanh ra và kết thành Quả Dị Thục hoa trái cho chủng tử của giống đó.

Thí Dụ: điển hình như Anh A quá yêu thích cô M, tối lại anh nằm mơ thấy cô M cùng anh đi dạo cảnh trên một chiếc xe Toyota. Những hình ảnh (ngã tướng) của anh A và của cô M cùng với những cảnh trí (pháp tướng) nơi cõi mộng chính là Kiến Phần Thức A Lại Da của anh A tạo dựng theo nhu cầu để cho anh được toại nguyện. Chú ý, sáu Tâm Thức của anh A nơi cõi mộng chính là sáu Tâm Thức của anh A nơi cõi thực tại chung vào thân ngã tướng mộng của anh để sinh hoạt cùng với cô M nơi cõi mộng. Cho nên khi anh A tỉnh mộng vẫn còn nhớ rõ những kỷ niệm sinh hoạt với cô M nơi cõi mộng. Ngược lại cô M thực tế không biết rằng mình hiện đang có mặt và cùng sinh hoạt nơi cõi mộng kia với anh A, nguyên vì sáu Tâm Thức trong ngã tướng của cô M nơi cõi mộng của anh A kia không phải là sáu Tâm Thức của cô M hiện đang sinh hoạt nơi cõi thực tại. Sáu Tâm Thức trong ngã tướng của cô M nơi cõi mộng của anh A kia chính là do Kiến Phần sáu Thức Trước của anh A chung vào biến thành để cùng sinh hoạt với mình theo nhu cầu ao ước của anh.

b)- Nguồn gốc phát sanh ra Tự Chứng Phần của Tạng Thức (Alaya) thứ tám chính là Tạng Như Lai. Theo Kinh Nhập Lăng Già, trang 1,2,3 giải thích: "Tạng Như Lai bị ác tập của vô minh tự vô thì biến thành Tạng Thức (Tự Chứng Phần). Tạng Như Lai làm thể và Thức Tạng làm tướng... Tạng Như Lai có hai phần: Phần Chân Như Môn và Phần Sanh Diệt Môn. Tạng Như Lai theo Chân Như Môn thể tánh bình đẳng không sai biệt và theo Sanh Diệt Môn biến thành Tạng Thức (Alaya) tùy theo duyên nhiễm tịnh biến hiện các pháp trong lục đạo."

c)- Theo nhà Duy Thức, Tự Chứng Phần của Tạng Thức lấy Tạng Như Lai làm thể và Tự Chứng Phần của Tạng Thức chính là thức tướng của Tạng Như Lai. Còn Tạng Như Lai chính là trí tướng của Chân Tâm và lấy Chân Tâm làm thể. Tạng Như Lai còn có tên là Bát Nhã Vô Thượng Trí hay là Đại Viên Cảnh Trí.

Chú ý: Chân Tâm thí dụ như gương soi mặt, Tạng Như Lai thí dụ như ánh sáng của gương soi mặt, Tất cả cảnh vật đều ảnh hiện phía trong gương và ngoài gương soi mặt không có cảnh vật nào ảnh hiện cả. Đây cũng vậy, tất cả pháp tánh của chư Phật trong mười phương nơi thế giới chân

như và tất cả pháp tướng của tất cả chúng sanh nơi thế giới hiện tượng trong ba cõi đều sanh khởi phía trong của Tâm Chân Như, cho nên *Đại Thừa Khởi Tín Luận* cho Tâm Chân Như bao trùm cả thế giới chân như của các bậc Thánh và bao trùm cả thế giới mê vọng của các bậc phàm phu trong ba cõi. Sự bao trùm này của Tâm Chân Như cả thế giới của các bậc Thánh và cả thế giới của các bậc phàm trong ba cõi cũng giống như khối nước biển cả bao trùm cả các loại giống cá sống trong nước, ngoài nước không có các loại giống cá nói trên.

d)- Tạng Như Lai và Tạng Thức:

*)-Tạng nghĩa là tàng trữ, bảo trì và xây dựng muôn pháp ở trong. Tạng Như Lai là kho chứa thế giới pháp tánh chánh báo và y báo của mười phương chư Phật ở trong và xây dựng ba thân chánh báo (Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân) cùng với những cảnh giới pháp tánh y báo của chư Phật trong mười phương mà Kinh Nhập Lăng Già gọi là "Chân Như Duyên Khởi." Chân Như Duyên Khởi ba thân chánh báo và những cảnh giới pháp tánh y báo của chư Phật trong mười phương bằng phương pháp "Ảnh Hiện Trung" mà không phải bằng phương pháp "Duyên Sanh" giống như Tạng Thức. Những chánh báo ba thân và những cảnh giới pháp tánh y báo của chư Phật trong mười phương ảnh hiện trong Tạng Như Lai cũng tương tự như những cảnh giới bên ngoài ảnh hiện trong tấm gương soi mặt,

nên gọi là Ảnh Hiện Trung mà không phải duyên sanh. Sự tác dụng duyên khởi các ba thân chánh báo và các cảnh giới pháp tánh y báo của chư Phật trong mười phương cũng tương tự như khối năng lượng của điện thế không gian hội tụ chuyển hóa thành tương mặt trời để soi sáng thế gian.

*)- Tạng Thức trong Tự Chứng Phần cũng nghĩa là tàng trữ, là bảo trì và xây dựng muôn pháp trong ba cõi. Muôn pháp trong ba cõi đều được hiện hữu trong ruột của Tạng Thức và được bao bọc bởi Tự Chứng Phần của chính Thức này bảo trì, ngoài Tạng Thức này ra không có pháp duyên sanh nào hiện hữu và tồn tại cả. Các pháp duyên sanh ba cõi hiện hữu và tồn tại trong ruột của Tạng Thức nơi Tự Chứng Phần cũng giống như loài người hiện hữu và tồn tại trong ruột không khí của vũ trụ Cực Hánh Sắc nơi thế giới trần gian này.

Tạng Thức trong Tự Chứng Phần chính là biến tướng từ Tạng Như Lai cùng một bản chất với Tạng Như Lai được gọi là Trí Đại Viên Cảnh của Tâm Chân Như, trong Kinh Lăng Già Tâm Ấn hay Luận Đại Thừa Khởi Tín gọi là Trí Tướng của Tâm Chân Như. Tạng Như Lai chọn lấy Tâm Chân Như làm bản thể của mình thì Tạng Thức cũng chọn lấy Tâm Chân Như làm bản thể của mình, cho nên gọi Tâm Chân Như là bao trùm cả các bậc Thánh và các cõi phàm. Tâm Chân Như là nguồn gốc sanh khởi các cảnh giới pháp tánh chân thật của chư Phật trong thế giới chân như, còn Tạng Thức là



nguồn gốc sanh khởi các cảnh giới mê vọng sanh diệt trong ba cõi. Cho nên nhà Duy Thức cho Tâm Chân Như là thuộc về thể tĩnh (Static State) và Tạng Thức là thuộc về thể động (Dynamic State), nguyên vì Tạng Thức chính là nguồn gốc sanh ra vạn pháp trong ba cõi và Tạng Thức cũng gọi là Tâm Địa của vạn pháp trong ba cõi nói trên.

Tạng Thức bao trùm cả ba cõi nên gọi là Tạng Thức và ngoài Tạng Thức này ra ba cõi không thể hiện hữu, nên gọi Tạng Thức này là Thức Vô Biên Xứ. Tạng Thức này thuộc về thể không của ba cõi, có khoảng không gian vô tận, là nơi dung chứa và sanh khởi vạn pháp trong ba cõi, cũng tương tự như khoảng không gian Cực Hánh Sắc là thể không của địa cầu, chuyên chở và sanh khởi quả địa cầu hiện hữu tồn tại trong thể gian, cho nên Tạng Thức này cũng gọi là Không Vô Biên Xứ. Thể giới Vô Sắc là thể giới vọng hiện của thể giới pháp tánh chân như ảnh hiện trong Tạng Thức, cũng tương tự như thể giới mộng mơ chính là thể giới vọng hiện của thể giới thực tại trong Tạng Thức. Thức Tạng thì thuộc về Thức Vô Biên Xứ và có khoảng không gian vô tận dung chứa vạn pháp của ba cõi ở trong nên gọi là Không Vô Biên Xứ, cho đến Thể giới vọng hiện trong Tạng Thức cũng được gọi là Vô Sở Hữu Xứ. Ranh giới Tự Chứng Phần của Tạng Thức và Tạng Như Lai có khoảng không gian giữa chân và vọng, giữa Tâm và Thức, giữa ngộ và mê được gọi là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, cũng tương tự như khoảng không gian của quý đạo nằm giữa và không bị chi phối bởi hai áp xuất của mặt trăng và của quả địa cầu chúng ta đang sống.

e)- Vô Minh Có Từ Vô Thi:

Vô Thi nghĩa là không có nguyên nhân đầu tiên. Vô Minh nghĩa là tâm thức đối với các pháp bị mê mờ tối tăm không chút sáng suốt. Kinh Bản Nghiệp, quyển thượng giải thích: “Vô Minh là tâm không hiểu rõ các pháp”. Trạng thái vô minh này cũng giống như tâm thức con người mộng mơ, chun vào thể giới mộng mơ lúc nào cũng không biết, đó gọi là trạng thái tâm thức bị vô minh làm cho mê mờ.

(Muốn rõ tánh chất vô minh như thế nào xin xem *Khảo Nghiệm Duy Thức*, quyển II, trang 127, của tác giả thì sẽ rõ hơn)

Vô Minh có từ vô thi, nghĩa là vô minh không có nguyên nhân đầu tiên, đây là câu giải thích bao hàm ba ý nghĩa:

1)- Nguồn gốc phát sanh vô minh chính là tất cả chủng tử hữu lậu trong ba cõi. Theo *Khảo Nghiệm Duy Thức Học*, quyển II, trang 130, của tác giả giải thích: “Vô Minh thì phát nguồn từ các chủng tử hữu lậu, có khả năng ảnh hưởng đến tạng Như Lai và ô nhiễm Tạng Như Lai trong chân như biến thành Thức Tạng (Thức Alaya).” Tất cả chủng tử hữu lậu đều do muôn loài chúng sanh trong ba cõi tạo nên. Điều này được giải thích trong *Khảo Nghiệm Duy Thức Học*, quyển II, cũng trang 130 giải thích: “Tất cả chủng tử phiền não của muôn loài chúng sanh trong ba cõi nội kết trong Tạng Như Lai biến thành Vô Minh Nghiệp Tướng.” Nhưng muôn loài chúng sanh có từ vô thi thì Vô Minh cũng có từ vô thi.

2)- Vô Minh Nghiệp Tướng có một năng lực gọi là Hành (vô minh duyên hành). Hành của vô minh nghiệp tướng tạo thành bánh xe luân hồi trong ba cõi và xuất phát từ tâm điểm “O” của căn bản vô



minh nghiệp tướng. Hành của vô minh nghiệp tướng thúc đẩy và cuốn trôi sanh mạng cá thể của muôn loài chúng sanh trong ba cõi cứ liên tục sống chết và chết sống trong cái vòng tròn bánh xe luân hồi của vô minh nghiệp tướng do năng lực Hành quay mãi không ngừng. Điều này được giải thích rõ trong *Khảo Nghiệm Duy Thức Học*, quyển I, trang 212 và 213 cùng một tác giả. Bánh xe luân hồi của vô minh nghiệp tướng không có điểm khởi đầu vì thể muôn loài chúng sanh cũng không có điểm khởi đầu cho nên muôn loài chúng sanh được gọi là có từ vô thi.

3)- Trong Phật Giáo, có ba loại hiểu biết: hiểu biết qua kiến văn giác tri, hiểu biết qua tư duy liễu ngộ và hiểu biết qua đạt đạo tu chứng.

*- Hiểu biết qua kiến văn giác tri là hiểu biết của Ý Thức thứ sáu với sự hợp tác của năm Tâm Thức trước, đây là sự hiểu biết thuộc Văn Huệ.

*- Hiểu biết qua tư duy liễu ngộ là hiểu biết của Ý Thức thứ sáu với sự phối hợp của Tâm Thức Mạt Na thứ bảy, đây là sự hiểu biết thuộc Tư Huệ.

*- Hiểu biết qua đạt đạo tu chứng là hiểu biết của Ý Thức thứ sáu với sự cộng tác của Tâm Thức Mạt Na thứ bảy và Tâm Thức A Lại Da thứ tám, đây là sự hiểu biết thuộc Tu Huệ.

Sự hiểu biết của Ý Thức thứ sáu qua kiến văn giác tri thì không thể nào biết được Vô Minh có từ hồi nào. Sự hiểu biết của Ý Thức thứ sáu có sự cộng tác của Tâm Thức Mạt Na thứ bảy qua tư duy liễu ngộ thì hiểu biết mập mờ bởi văn kiện sách vở truyền thừa mà không thể trực diện được sự thật của sự kiện. Chỉ có sự hiểu biết của Ý Thức thứ sáu được sự cộng tác của hai Tâm Thức Mạt Na thứ bảy và A Lại Da thứ tám qua đạt đạo tu chứng thì mới biết được đích thực Vô Minh có từ hồi nào.

Thí dụ: Anh A và anh B gặp nhau trong thể giới mộng mơ, anh A hỏi anh B con người thiệt của mình như thế nào? Anh B trả lời với anh A rằng: chúng ta thức tỉnh thì sẽ rõ, tôi không thể giải thích cho anh hiểu được. Chúng ta thức tỉnh thì sẽ rõ chính là chúng ta đạt đạo tu chứng.

Thì đây cũng vậy, theo Phật Giáo, chúng sanh trong ba cõi đều thuộc về đại mộng của thể giới chân như pháp tánh. Do đó chúng ta không thể nào thấu triệt được Vô Minh có từ hồi nào. Chúng ta khi nào thành Phật chứng ngộ thì mới biết rõ sự xuất hiện đầu tiên của Vô Minh. Để đáp ứng một phần nào sự nghi vấn của chúng sanh, đức Phật giải thích tạm thời là Vô Minh có từ vô thi.

(còn tiếp)

TIẾP XÚC VÀ CÚNG DƯỜNG PHẬT ĐẢN

HT. Thích Thái Hòa

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Bảy bước đi của Bồ-tát Tất-đạt-đa trong ngày thị hiện đản sanh là tiêu biểu cho bảy yếu tố giác ngộ, hay nói theo thuật ngữ chuyên môn của Phật học là Thất giác chi hoặc Thất bồ-đề phần. Hễ bất cứ ai thực tập thành tựu được bảy yếu tố giác ngộ này thì vị đó có cơ hội trở thành bậc Giác ngộ hay trở thành một vị Phật.

Qua các kinh điển cho chúng ta biết, không riêng gì đức Phật Thích-ca Mâu-ni, khi thị hiện đản sinh Ngài đi bảy bước, trên bảy hoa sen, mà bất cứ đức Phật nào dù trong quá khứ hay trong tương lai, khi thị hiện đản sanh với tư cách của một vị Bồ-tát nhất sanh bồ xứ cũng đều đi bảy bước trên bảy hoa sen như vậy. Hoa sen là tiêu biểu cho sự vô nhiễm. Nghĩa là Bồ-tát nhất sanh bồ xứ sinh ra giữa thế gian, nhưng không bị những bụi bặm của thế gian làm cho ô nhiễm, trái lại còn có khả năng chuyển hóa những bụi bặm của thế gian thành hương thơm tinh khiết. Bảy bước trên bảy hoa sen ấy là tiêu biểu cho bảy yếu tố giác ngộ mà một vị Bồ-tát nhất sanh bồ xứ thực tập thành công và sẽ thành tựu bậc giác ngộ ngay trong cuộc đời đầy ô nhiễm này. Bảy yếu tố giác ngộ ấy gồm:

1. Trạch pháp giác chi

Trạch pháp giác chi là chi phần dẫn đến Thánh đạo vô lậu, do nội dung giác chiếu, chọn lựa gồm có đủ quán như ý túc, tuệ căn, tuệ lực và có sự quyết trạch giác phần, khiến cho các phiền não đã sanh liền diệt, những phiền não chưa sanh, thì vĩnh viễn không sanh, khiến Bồ-đề chưa sanh thì liền sanh và nếu đã sanh thì sẽ dẫn đến viên mãn.

Vì thế cho nên đức Phật Thích-ca Mâu-ni trước khi có mặt nơi thế giới Ta-bà này, Ngài đã lưu trú nơi cung trời Đâu-suất để quán chiếu và lựa chọn cõi nước, dòng dõi, cha mẹ giáng thần và vườn Lâm-tỳ-ni đản sanh.

Như vậy, yếu tố trạch pháp rất quan trọng. Khi xuất hiện nơi thế giới này rồi, Ngài chọn tiếp chỗ để hành thiền và thành đạo là Bồ-đề đạo tràng, nơi chuyển vận Pháp luân là Lộc Uyển, và nơi nhập Niết-bàn là rừng Sa-la ở Kusinaga.

Tiếp xúc với Phật đản là chúng ta tiếp xúc với khả năng trạch pháp của Ngài. Nhờ thực hành trạch pháp mà đức Phật đã thành công trên bước đường giác ngộ và giáo hóa chúng sanh.

Do đó, trạch pháp giác chi là tiêu biểu cho bước đi thứ nhất trong ngày thị hiện đản sanh của Ngài.

Vì vậy, Phật tử chúng ta phải thực tập trạch pháp giác chi để có khả năng loại bỏ tham dục, chấp ngã, loại bỏ mê tín, cuồng tín; viễn ly những tà sư ác hữu, thân cận những bậc thiện hữu tri thức, xuất hiện đúng thời, đúng chỗ đã chọn lựa để thăng tiến đời sống giác ngộ, giải thoát, làm lợi

ích cho hết thảy chúng sanh.

Nếu chúng ta sống thiếu trạch pháp thì chúng ta làm việc không đúng thời, nói năng không đúng lúc và không đúng chánh pháp, chúng ta sẽ nhận thầy tà làm thầy chánh, bạn ác làm bạn hiền, làm thân hữu để rồi đi dần vào con đường lầm lỗi ở trong sanh tử luân hồi, khó mong thoát khỏi.

Trong mùa Phật đản, Phật tử chúng ta thực hành trạch pháp giác chi, để khởi sinh chất liệu giác ngộ, nhằm cúng dường đức Phật và phụng sự chánh pháp.

2. Tinh tấn giác chi

Tinh tấn giác chi là nỗ lực biến trạch pháp giác chi trở thành hiện thực trong đời sống của mình, nên gọi là Tinh tấn giác chi. Nhờ có Tinh tấn giác chi mà các điều ác trong tâm đã sanh liền diệt, những điều ác chưa sanh thì vĩnh viễn không sanh; những điều thiện nơi tâm chưa sanh, thì liền sanh; những điều thiện nơi tâm đã sanh liền thăng tiến đến chỗ viên mãn. Tinh tấn giác chi là tiêu biểu cho bước chân thứ hai trong ngày đức Phật thị hiện đản sanh.

Lễ Phật đản, chúng ta tổ chức dựng lễ đài để cúng dường là đúng, tổ chức lay Phật để cúng dường là đúng, tổ chức tụng kinh để cúng dường là đúng, nhưng tất cả những tổ chức đó phải có nội dung thật sự của trạch pháp giác chi và tinh tấn giác chi, chứ không phải chỉ là hình thức hay đối phó. Nếu ta tổ chức chỉ để đối phó và hình thức, thì ta sẽ bỏ mất cơ hội tiếp xúc với ý nghĩa đích thực của Phật đản.

Ngày Phật đản rất nhiều người thiếu may mắn, vì họ phải lao đầu vào công việc làm ăn vất vả, có những vị đang đắm chìm vào công việc sát sanh tại các lò mổ, lò quay, hồ cá, hay bận rộn với việc điều khiển đất nước, tính toán lợi hại ở nơi các doanh nghiệp hoặc ở nơi thương trường, thì quả thật là không may cho họ. Nhưng cũng có những vị, ngày Phật đản có cơ hội đến chùa mà không hết lòng thực tập, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khiến tâm ý không lắng yên, nói và làm không đúng chánh pháp, thì quả thật không có sự phỉ phạm và rủi ro nào có thể so sánh.

Ngày Phật đản, ta đã phát tâm đi chùa lay Phật, tụng kinh thì dứt khoát ta đi và đến chùa lay Phật, tụng kinh một cách thâu đáo hết lòng, để cho cái đi chùa và cái lay Phật, tụng kinh của ta có kết quả như ta mong muốn và việc cúng dường lên đức Phật của ta có lợi lạc ngay cho bản thân của ta đời này và đời sau.

Nếu ngày Phật đản, ta không đủ điều kiện đến chùa thì ngày hôm đó ta lay Phật ở nhà, nếu ở nhà chưa có thờ Phật thì ta ngồi thật yên để lay Phật mười phương và lay Phật trong tâm ta, khiến cho mọi ý nghĩ xấu ác nơi tâm ta rơi rụng. Nếu ta nỗ

lực làm được như thế thì ta vẫn có cơ hội tiếp xúc với bước chân thứ nhất và thứ hai của đức Phật trong ngày đản sanh của Ngài. Đó là ý nghĩa của tinh tấn giác chi. Và ta đem chất liệu trạch pháp giác chi và tinh tấn giác chi ấy mà dâng lên cúng dường Phật đản.

3. Hỷ giác chi

Hỷ giác chi là chi phần giác chiếu đối với hỷ. Hỷ là vui thích. Sự vui thích do quá trình thực hành trạch pháp giác và tinh tấn giác mà sinh khởi. Như vậy, hỷ là niềm vui có cơ sở từ giác ngộ và để giác ngộ, chứ không phải niềm vui sinh khởi từ vô minh và mù quáng. Nói cách khác, do thực tập đời sống tinh giác, khiến niềm vui sinh khởi.

Hỷ giác chi là tiêu biểu bước đi thứ ba của đức Phật trong ngày Ngài đản sanh.

Cho nên ngày Phật Đản, ta hãy thực tập đời sống tinh thức và đem niềm vui do sự tinh thức đem lại để cúng dường ngày đản sanh của đức Phật. Cúng dường như vậy gọi là sự cúng dường tối thượng.

Mùa Phật đản, các tổ chức Phật giáo nên tổ chức những ngày thực tập đời sống tinh thức, đời sống vị tha vô ngã cho các giới Phật tử, để cho các giới Phật tử có niềm vui hỷ lạc trong chánh pháp, khiến cho tâm thức của họ sáng lên trong Phật pháp hơn là tổ chức mang tính hình thức nhưng hiệu quả chuyển hóa tâm thức khổ đau cho chúng sanh cũng như đóng góp vào sự an bình cho xã hội thì lại quá khiêm tốn.

Vì vậy, hỷ giác chi là tiêu biểu cho bước chân thứ ba, trong ngày thị hiện đản sanh của đức Phật.

4. Khinh an giác chi

Khinh an là tâm nhẹ nhàng, thanh thoát do thực hành các pháp phần giác ngộ đem lại. Trong ngày Phật đản, ta muốn có tâm này để cúng dường lên đức Phật thì phải thực tập buông bỏ những lời nói không dễ thương, những cử chỉ và hành động không dễ thương giữa ta với mọi người và cả muôn vật nữa. Quan trọng hơn hết là ta phải thực tập buông bỏ triệt để những hạt giống tham dục, hận thù, hờn oán, trách móc, mù quáng, nghi ngờ và ích kỷ ở nơi tâm ta, khiến cho tâm ta nhẹ nhàng và thanh thoát. Ta hãy đem chất liệu nhẹ nhàng và thanh thoát ấy cúng dường ngày Phật đản sanh. Ấy mới là sự cúng dường tối thượng.

Khinh an giác chi là tiêu biểu cho bước chân thứ tư trong ngày thị hiện đản sanh của đức Phật.

5. Niệm giác chi

Niệm giác chi là duy trì năng lượng của ý thức tinh giác hiện tiền. Các yếu tố trạch pháp, tinh tấn, hỷ và khinh an được duy trì bởi ý thức tinh giác hiện tiền. Ta đem ý thức duy trì năng lượng

tinh giác hiện tiền do sự thực tập mà có được ấy cúng dường đức Phật trong ngày đản sanh của Ngài, ấy là sự cúng dường Phật đản tối thượng.

Niệm giác chi là tiêu biểu cho bước chân thứ năm, trong ngày thị hiện đản sanh của đức Phật.

6. Định giác chi

Định giác chi là chi phần giác ngộ ở trong thiền định. Trong chi phần này có mặt của các niệm và định như niệm xứ, niệm như ý túc, niệm căn, niệm lực, định căn, định lực. Nhờ thực tập các niệm và định này sung mãn, chúng sẽ làm điều kiện để định giác chi sinh khởi. Mỗi khi trong đời sống của mỗi Phật tử chúng ta đã có định giác chi thì ta sẽ có những bước đi vững vàng trên con đường giác ngộ, ta sẽ không bị các dục thế gian lôi cuốn, không bị mọi luận điểm thị phi của thế gian chi phối và ngăn cản.

Phật tử chúng ta phải thực tập giác chiếu để trong đời sống của mỗi chúng ta có chất liệu của định giác chi và ta đem chất liệu của định giác chi ấy cúng dường Phật đản thì hiệu quả cúng dường của chúng ta có tác dụng làm cho Phật pháp trường tồn để chúng sanh lợi lạc. Cúng dường như vậy chính là sự cúng dường Phật đản tối thượng.

Định giác chi là tiêu biểu cho bước chân thứ sáu trong ngày thị hiện đản sanh của Đức Phật.

7. Xả giác chi

Xả giác chi là chi phần giác chiếu đối với xả. Xả là buông bỏ các tư niệm sai lầm liên hệ đến vô minh, liên hệ đến tham dục, liên hệ đến nhân duyên của sinh tử luân hồi. Hành xả là không đi theo hành nghiệp mê lầm của sinh tử, mà đi theo tinh giác, đi theo hạnh nguyện thoát ly sanh tử để độ đời.

Bất cứ ai thực tập được bảy chất liệu hay bảy bước đi trên con đường giác ngộ như thế một cách trọn vẹn, thì vị ấy có đủ điều kiện để tuyên bố: *"Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn."* Nghĩa là trên trời dưới đất, ta là vị độc tôn đối với bảy chất liệu giác ngộ.

Vì vậy, nếu ai thực hành đời sống giác ngộ viên mãn bảy chất liệu như vậy thì người ấy độc tôn trong thế gian, được thế gian tôn kính. Vì sao? Vì vị ấy sẽ thoát ly sinh tử ngay trong đời này, thoát ly hoàn toàn khổ đau do tham dục đem lại, hoàn toàn không còn bị tái sanh đời sau; có khả năng chuyển vận bánh xe chánh pháp để độ đời và có khả năng rộng lớn tiếng rống sư tử, khiến cho mọi sinh hoạt theo bản năng thú tính giữa thế gian đều bị rơi rụng, mọi tà kiến đều bị nhiếp phục, chánh kiến hiển bày.

Khi đản sanh, Bồ-tát Tất-đạt-đa, tức là tiền thân của đức Phật Thích-ca Mâu-ni tuyên bố *"Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn"* là có



gốc rễ từ sự thực hành ở nơi bảy yếu tố giác ngộ này, mà thuật ngữ chuyên môn của Phật học gọi là Thất Bồ-đề phần hay Thất giác chi.

Bảy yếu tố giác ngộ này là bảy tiến trình tu tập thiền định và quán chiếu dẫn đến đoạn trừ các lậu hoặc ở nơi tâm, khiến thành tựu các chất liệu của Thánh đạo vô lậu của tâm giác ngộ và giải thoát.

Cho nên, khi ra đời, Bồ-tát Tất-đạt-đa, tức là tiền thân của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, bước đi bảy bước trên bảy hoa sen là tiêu biểu cho tư cách của một vị Bồ-tát nhất sanh bổ xứ, sẽ thành tựu Phật hay thành bậc Giác ngộ do bảy yếu tố giác ngộ đem lại, khiến không còn bị nhiễm ô phiền não ngay trong đời này.

Tuy nhiên, ta biết rằng ở trong thế giới trời người không một ai thành tựu được bảy bước đi giác ngộ ấy một cách dễ dàng, và không một ai có khả năng tuyên bố “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn” mang tính thuyết phục và hấp dẫn như đức Phật Thích-ca Mâu-ni, khi Ngài mới đản sanh. Vì sao? Vì chính như Ngài đã nói: “Những gì Ngài nói là Ngài đã làm và những gì Ngài đã làm, thì Ngài mới nói”.

Mùa Phật Đản trở về, Phật tử chúng ta cố gắng tu học một cách hết lòng, sống và thực tập theo lời Phật dạy một cách sâu sắc. Như vậy, chúng ta mới có cơ hội tiếp xúc với những gì mà đức Phật đã dạy và dâng cúng Ngài những gì chúng ta có được qua sự thực tập. Nhất là chúng ta cần phải thực tập bảy bước đi của Ngài trong đời sống cho đến khi nào chúng ta có khả năng tự do đối với sinh tử.

Thực tập bảy bước đi của đức Phật trong đời sống dưới nhiều hình thức khác nhau. Chúng ta có thể thực tập trong lúc thở vào, thở ra hay đi đứng nằm ngồi, nói cười, ăn uống, làm việc và suy nghĩ. Qua những hành hoạt như thế, chúng ta có thể tiếp xúc với đức Phật mỗi ngày và cúng dường lên Ngài mỗi ngày bằng tất cả sự thực tập của mỗi chúng ta. Thực tập như vậy là chúng ta cũng đã làm cho đức Phật trong ta đang và sẽ đản sanh.

Ngày Phật đản, chúng ta phải làm thế nào để đức Phật thật sự có mặt với chúng ta, ngay trong đời sống qua bảy bước đi của Ngài. Được như vậy, chúng ta làm lễ kỷ niệm ngày Phật đản một cách có ý nghĩa. Trên đài sen, đức Phật sẽ nhìn chúng ta mà mỉm cười, tin tưởng và thương quý.

(trích Tập san Pháp Luân số 79)

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN

(Lộc lư ngũ bộ - Ngũ độ thanh)

*Lộng lẫy hoa ngàn hiển khắp nơi
Mừng thay, kính lễ Phật ra đời
Án dây pháp độ như rừng thẳm
Nghĩa rộng kinh truyền ví biển khơi
Bồi đã hằng soi nào dụng trí...
Vì luôn mãi chiếu chẳng qua lời.
Quần sinh hưởng phúc cầu tâm Nhã
Ngắm kỹ, duyên trần... chớ lại rơi...*

*Huyền linh pháp Phật tỏ bao trời
Lộng lẫy hoa ngàn hiển khắp nơi
Đại hỷ gieo từ luôn mãi thấm
Hoài minh độ chúng vẫn không rời
Nhân trần hưởng lộc càng duyên thắm
Cõi tạm nương Thầy chẳng phút ngại (*)
Hãy hỏ thân này... khi cát bụi
Đêm ngày sống trọn giữ đừng rời.*

*Vạn cõi nhuần ân tỏ đức ngài
Trần gian hưởng lộc, phúc bao người
Tưng bừng pháp diệu bày muôn nẻo
Lộng lẫy hoa ngàn hiển khắp nơi
Tướng mãi kinh huyền, tâm ác lặn
Nương dẫn trí Nhã, hạnh hiển coi
Từ bi rộng trái, Cam Lộ thấm
Nguyện cả nhân quần ...giữ nét tươi.*

*Ngàn thu Pháp Phật rõ không mờ
Ngõ đạo từ bi, xót kẻ lười
Chinh lại đường sân tình mãi lắng
Càng thâm bước hiểm miêng luôn cười
Yên bình tuệ Nhã lần muôn lối
Lộng lẫy hoa ngàn hiển khắp nơi
Hãy nguyện nương Thầy vui nẻo sáng (*)
Ưu phiền chẳng vương dạo vườn chơi.*

*Rõ đạo nguyên tu chớ nửa vời
Ngày đêm chẳng thôi niệm bao thời
Rèn cho huệ sáng thì sân xả
Gắng giữ nhân hoà để hận rơi
Lỡ sảy kinh Thầy... đau kiếp bạc (*)
Thường vun tuệ Nhã... vắng tâm hời
Nay mùa Phật Đản hoài ơn thấm
Lộng lẫy hoa ngàn hiển khắp nơi.*

thơ **MINH ĐẠO** kính đề

(*) 10 Danh hiệu của Đức Phật



HOA NGHIÊM PHÁP GIỚI QUÁN

Tuệ Sỹ

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

II. LÝ SỰ VÔ NGẠI QUÁN

Xác định tiên quyết: Lý là thể giới không phần hạn, thể giới của cái Một. Sự, những sai biệt, hữu hạn. Lý chỉ có Một, vì là không có phần hạn. Sự thì vô số, vì là phần vị sai biệt. Câu nói sau đây, từ xác định tiên quyết, có nghĩa như thế nào: «Lý là Lý tánh của Sự; và Sự là tướng của Lý»?

Ở đây, ý nghĩa tương quan vô ngại giữa lý và sự được phân trong năm cặp:

Tương biến. Biến nghĩa là biến hành, có khắp. Thí dụ nói: «Sóng có khắp trên mặt biển», tức là ở đâu có nước của biển thì có sóng của biển. Thí dụ khác: «mây đen giăng khắp cả bầu trời», trong tầm mắt chúng ta, bầu trời rộng đến đâu, mây đen giăng kín đến đó, không nhiều hơn, không ít hơn.

Tương thành. Sự và lý thành tựu lẫn nhau. Đây chỉ về mặt tác dụng. Cái hoàn toàn và cực thì tựu vào cái hữu cực để thành tựu tự thể và từ đó khởi lên tác dụng.

Tương hại. Sự và lý khuất tất lẫn nhau. Đây cũng là nói về mặt tác dụng cái vô cực tựu vào cái hữu cực, và như vậy nó chịu khuất tất để cái sau này che phủ cả.

Tương tác. Cặp này và cặp thứ 5 kế tiếp đều nói về mặt tự thể. Chính cái này là cái kia. Nói rõ

hơn: Toàn thể cái này chính là cái kia. Tức có nghĩa: Tức là. Thí dụ: cẳng tức là chân; Mồm tức là miệng.

Tương phi. Ngược với tương tác, ở đây chúng xác định tinh thể dị biệt: cái này không phải là cái kia, như tay không phải là chân chẳng hạn.

Năm cặp trên đây được diễn tả bằng một câu: «Lý sự dung dung, tồn, vong, nghịch thuận». Chữ dung thứ nhất chỉ cho dung giải hay tiêu giải và chữ thứ hai có nghĩa là dung hòa (để ý: không đồng nghĩa với hàm dung hay bao dung, có nghĩa là chứa đựng, bao bọc). Dung dung chỉ cho cặp tương biến, kể đến tồn, do lý không phải sự nên lý tồn tại như là ở ngoài sự, và ngược lại. Đây chỉ cho cặp tương phi: lý không phải sự. Tiếp theo, vong chỉ cho cặp tương tác; vì lý tức sự thì lý mất, chỉ còn có sự. Nghịch chỉ cho cặp tương hại; Lý và sự khuynh loát lẫn nhau. Sau hết là thuận, cặp tương thành.

Năm cặp vừa kể được khai triển thành mười sáu đây.

1. LÝ BIẾN Ứ SỰ

Trong tác dụng biến hành này, chủ động là Lý. Lý tánh không có phần hạn, do đó, không nói nó phân tán thành vô số mảnh vụn để có bao nhiêu sự là có bấy nhiêu Lý. Tức là, trong mọi sự đều có tác dụng tiến hành của Lý một cách toàn diện.

2. SỰ BIẾN Ứ LÝ

Cái có phần vị sai biệt, hữu hạn là Sự biến hành toàn diện trong cái không phần hạn là Lý.

Cả hai trường hợp chỉ mới được đề cập một cách rất khái quát. Chúng ta sẽ lấy một thí dụ, rồi từ đó khai triển những vấn đề liên hệ.

Thí dụ về sự tương biến giữa biển và sóng. Hình ảnh một biển lớn được phản chiếu toàn diện trong một làn sóng nhỏ. Đó là hình ảnh của Lý biến hành ở Sự. Cùng lúc mỗi một làn sóng nhỏ cũng được phản chiếu toàn diện, không dư không thiếu, trong biển lớn: sự biến hành ở Lý. Các vấn đề sau đây được đặt ra:

A. Một và nhiều: Toàn thể biển lớn đã lẫn mình toàn diện trong một làn sóng nhỏ, vậy có bao nhiêu biển tất cả để lẫn vào những làn sóng khác? Kể đến, một làn sóng nhỏ biến hành toàn diện trong biển lớn, thì còn biển nào nữa để những làn sóng nhỏ khác cũng biến hành như vậy? Bởi vì biến hành toàn, diện được hiểu như là choán chỗ một cách sít sao. Thí dụ, một bát nước đã đổ đầy chai, còn có chai nào khác để đổ những bát nước khác vào? Ta đặt các giả thiết:

Giả thiết thứ nhất: Một thì tất cả đều là một; Nhiều thì tất cả đều là nhiều. Nếu vậy; hoặc chỉ có Lý vì tất cả đều là một; hoặc chỉ có Sự vì tất cả đều là nhiều.

Giả thiết thứ hai: Nhiều tức là Một vì thể đồng nhất; Một tức Nhiều vì dung sai biệt. Nếu vậy, cái



Một của thể phân tán thành cái Nhiều của dụng. Tức là, Lý chỉ có Một nhưng được phân tán thành vô số Sự sai biệt. Ở đây, Sự chỉ biểu lộ một phần của Lý như sóng là một phần nhỏ trong biển lớn bao la. Chúng ta mất hẳn ý nghĩa tương biến, như đã nêu.

Thực sự, nếu ta bám chặt lấy thí dụ sẽ không bao giờ đạt được thấu đáo ý nghĩa của trong biển. Trong thí dụ, nói rằng hình ảnh toàn diện của một biển lớn được phản chiếu vừa vụn trong làn sóng nhỏ. Nói thể là hợp lý, và hiểu được, nhưng nếu nói, trong toàn thể biển lớn chỉ phản ánh một làn sóng nhỏ độc nhất, mà lại phản chiếu một cách vừa vụn, thì hơi khó hiểu, vì không thể tưởng tượng được một hình ảnh như vậy. Từ thí dụ, vượt qua thí dụ để đến thể giới thuần lý, sau đó trở lại, hình ảnh của thí dụ sẽ có một dáng vẻ khác hẳn trước kia.

Chúng ta quyết đoán: Lý là một, Sự là nhiều. Trong vô số Sự, mỗi Sự có đủ Lý, có một các toàn diện sít sao. Không vì vậy mà Lý trở thành nhiều. Ngược lại, trong Lý có Sự toàn diện, cũng không vì vậy mà Sự trở thành Một. Không phân tán thành Nhiều để biểu lộ tác dụng. Không qui tụ thành một để biểu lộ thể tính. Đó là ý nghĩa tương biến của Sự và Lý. Về tính cách hợp Lý của quyết đoán này sẽ được nói sau.

B. Lớn và nhỏ. Ta nhắc lại: Lý không có phần hạn, đồng với hư không, cái vô cùng lớn. Sự có phần vị sai biệt, vụn vặt, Nhỏ như hạt bụi. Nếu cái Lớn như hư không lẫn mình vừa vụn sít sao vào cái nhỏ như hạt bụi, thì Lớn có tự thu hẹp hình thể trở thành nhỏ cho vừa sức dung nạp của hạt bụi không? Ngược lại, hạt bụi Nhỏ lẫn mình cũng vừa vụn sít sao vào cái Lớn như hư không, nó có tự phóng đại theo tầm mức của hư không? Cả hai trường hợp, Lý và Sự đều tự hủy bản tính để thành tựu ý nghĩa tương biến? Nhưng nếu tự hủy thì không còn nghĩa tương biến, vì không còn Lý và Sự. Lời quyết đoán trên kia đã từng nói: Lý không có phần hạn, thì ở đây khi biến khắp Sự, nó không tự giới hạn theo chiều kích của sự nhỏ như hạt bụi. Ý nghĩa tương biến này vượt hẳn khả năng thí dụ thông tục.

C. Trong và ngoài. Ý nghĩa tương biến có thể được hiểu kèm theo một số ý niệm khác; thí dụ, ý niệm sở thuộc (Lý biến khắp sự vì là Lý của sự) và những ý niệm tương tự. Chung qui, chúng dẫn khởi từ các câu hỏi sau đây:

- Lý biến khắp sự theo nghĩa ở ngoài?
- hay ở trong?

Giả thiết ở ngoài. Như hai mặt kính phản chiếu lẫn nhau một cách toàn diện, chúng phải được đặt đối diện, tức là ở ngoài. Cũng vậy, Lý ở ngoài sự để có thể biến khắp trong một sự đồng thời biến khắp trong tất cả sự khác. Nếu ở trong, một lý chỉ có một sự, vì là Lý của sự. Như vậy sẽ có vô số Lý: Lý của hạt bụi, Lý của cọng cỏ... Nhưng, ở ngoài thì chỉ được phép nói là biến chiếu, tức phản chiếu toàn diện, chứ không được nói là biến hành. Điều này trái ngược với quả quyết về nghĩa của tương biến như đã thấy.

Giả thiết ở trong. Như nước biến hành trong một bình chứa, Tác dụng biến hành của Lý đối với sự cũng vậy? Biến hành theo tính cách này, hoặc Lý trở nên hữu hạn như sự, vì ở trong sự; hoặc sự trở thành vô hạn như Lý.

Trong mọi trường hợp, chúng ta không viện dẫn rằng thể đồng nhất và dụng sai biệt để thông

qua các nan giải. Thí dụ sau đây nghe hợp lý, nhưng không dùng được.

Bởi vì thể của hư không ở ngoài vật này đều là một, do đó, hư không vừa ở trong, vừa ở ngoài rỗng. Lý và sự cũng vậy. Hư không trong một vật rỗng là phần hạn của cái không phần hạn và tác dụng biến hành của nó là bị cắt xén theo thể tích của vật rỗng chứa đựng nó. Trong tác dụng tiến hành của Lý và sự, Ta muốn nói khác hơn: toàn diện Lý trong toàn diện sự, không có cắt xén. Cũng không biến chiếu như cả bầu trời vô hạn, ở ngoài mặt kính, phản chiếu toàn diện trong tấm kính nhỏ. Muốn nói được như thế, và nói bằng hình ảnh cụ thể, thì ta có thể hình dung là ngoài một vật rỗng không còn có hư không vô biên nào nữa; và trong khoảng hư không vô biên này, không có phần đoạn nào dành cho một vật nhỏ. Cả hai biến hành lẫn nhau toàn diện. Một hình ảnh như vậy quả thực chưa bao giờ xảy ra trong kinh nghiệm của ta, ngay cả tưởng tượng cũng không thể gọi được một hình ảnh như vậy. Dù vậy chúng ta có các qui củ sau đây để nói một cách hợp lý.

(1) Không dị biệt vì là Lý của sự nên mỗi Sự vi tiểu đều có toàn diện Lý. Và vì là Sự của Lý nên trong toàn Lý có toàn diện Sự.

(2) Không đồng nhất: tức Lý Vô hạn và Sự hữu hạn. Vì không đồng nhất nên trong toàn diện Sự có toàn diện Lý mà Lý không nhỏ lại. Cũng vậy, toàn diện Sự trong toàn diện Lý mà sự không lớn theo tầm lớn vô hạn của Lý.

(3) Không đồng nhất tức không dị biệt: không đồng nhất trong không đồng nhất tức là không dị biệt. Lý không phải là một với sự tức không phải khác với Sự. Không phải là một, nên Lý vẫn lớn vô hạn, và ngoài sự, nhưng vì không dị biệt, nên cũng ở trong sự và cũng bằng Sự - không phải nhỏ bằng.

(4) Không dị biệt lúc không đồng nhất: Vì không dị biệt, nên ở đâu có sự thì ở đó có lý; và Sự Lý không đồng nhất, do đó cả hai không đối đãi nhau theo chiều kích lớn nhỏ, phương vị trong ngoài.

Ghi chú: trong lối lập luận tứ cú, thông thường, ta biết (3) và (4) là thức cú của (1) và (2); chúng chứa đựng khái niệm tổng hợp: và, hay vừa () vừa (y). Ở đây, không dùng khái niệm và để liên kết mà dùng tức là. Nếu dùng và, ta gọi là tương nhập và tương tức là dụng và thể của tương quan duyên khởi, ta đã thấy ở cuối chương (1) của phần này trong tập sách này.

Tóm tắt: bằng lập luận tứ cú như vừa kể ta thừa nhận tính cách hợp lý của ý nghĩa tương biến. Nghĩa là, chúng ta có tất cả bốn quyết định về ý nghĩa tương biến; cả bốn không chống trái nhau.

3. Y LÝ THÀNH SỰ

Có hai khía cạnh của ý nghĩa thành tựu cần xét đến. Thứ nhất, sự thành tựu về mặt dụng: thể lực nhân quả mà ta đạt được trong các biểu lộ sai biệt. Thứ hai, sự thành tựu về mặt thể: căn nguyên tồn tại trong tác động của thời gian. Ta đạt được tác dụng sai biệt của thể lực nhân quả bằng các phương tiện giả thi thiết. Thí dụ, khi xét hiệu lực thực tế của các tương giao tác dụng, ta giả lập một thể lực chủ động, gọi nó là điểm tựa từ đó dẫn xuất công năng của tác dụng. Sự giả lập này được vận dụng bằng hai tiêu chuẩn: tùy tiện và tùy thuận. Giống như hai cây gậy tựa vào nhau mà đứng vững. Trong số hai cây đó, ta tùy

tiện đặt thế lực chủ động vào một. Nhưng phải tùy thuận theo trật tự nhân quả, tức là tùy theo chủ định của ta, muốn thực hiện cứu cánh bằng thế lực nào. Căn bản của tác dụng ở ngay trong thế nương tựa lẫn nhau; tác dụng của chúng làm căn cơ tồn tại cho chúng. Ý tưởng này được qui định trong trung luận, chương tứ đề XXIV. Qui định này nói: «Dĩ hữu không nghĩa cố, nhất thiết pháp đắc thành. Nhược vô không nghĩa giả, nhất thiết tắc bất thành». Theo đó không có gì cả.

Nói rộng sự diễn tả, ta nói căn nguyên của sự thành tựu là chân không, hay nói cách khác, là Lý tánh vô phần hạn. Như vậy, Lý tánh là căn nguyên để thành tựu tất cả mọi tác dụng sai biệt của Sự. Nói gọn lại: y cứ vào Lý mà Sự được thành tựu. Thành tựu trên cả hai phương diện: Thể và Dụng. Thể của Sự là vô tánh; Dụng của nó là tùy duyên. Do cô tánh – không có bản tánh quyết định – nên vận dụng của ta có tính cách tùy tiện. Do tùy duyên nên sự vận dụng phải tùy thuận với định luật duyên khởi: cái này có vì cái kia có.

4. SỰ NĂNG HIỂU LÝ

Ý niệm về lý tánh là ý niệm về Chân không; Ý niệm về một cái không có gì cả, vô hạn và vô phân biệt, tức vô tướng. Làm thế nào để biết được có một cái không có gì cả và không là gì cả, làm căn nguyên cho tất cả mọi tác dụng sai biệt của Sự? Có hai đường lối để biết: thân kỳ nhãn quan lại trên một sự độc nhất và nói rộng nhân quan theo tất cả sự trong thế tương giao tác dụng của chúng. Khi thân hẹp nhãn quan, Sự thể trở nên biệt lập, đơn độc tự hữu. Như vậy, trong giới hạn của tứ Sự thể không có tác động vì nó không di chuyển trên các vị trí để gây thế lực nhân quả giữa nó và những cái khác. Trong giới hạn của thời, Sự thể tự hữu được coi như vĩnh cửu, không sinh không diệt, không chịu sự chi phối của thế lực nhân quả; và như vậy tức là không tồn tại trong thế giới tương giao tác dụng. Một Sự thể không có tác động, không có vận hành để tồn tại; thì đó là hư vô, Sự thể không có là gì cả. Đương khác, nếu nói rộng nhãn quan, Sự thể mất hẳn tính cách tự hữu. Trong giới hạn của xứ, đó là sự hữu như là cộng hữu. Trong giới hạn của thời, Sự hữu như là tương sinh. Tương sinh và cộng hữu thế lực tác dụng của nó khởi lên từ đâu? Không từ chính nó. Như vậy, cộng hữu tức là giả hữu. Tương sinh tức là giả sinh. Căn nguyên đạt được lại là chỗ không có là gì cả. Kể cả hai trường hợp, ta nói, ở cá biệt đơn độc, căn nguyên của nó chính là nó; ở cộng đồng sinh hữu, căn nguyên của tất cả là tất cả. Sau đó, là nói: Lý tánh được biểu lộ ngay sự, sự cá biệt và sự cộng đồng. Hay nói: Lý được thành tựu từ sự. Sự thành tựu này cũng được xét theo hai phương diện: Thể và Dụng. Nơi đây, chúng ta vẫn trở lại qui định của trung luận đã được trích dẫn, và nhắc lại vẫn tắt: vì không cho nên có và vì có cho nên không.

Đã nói xong về cặp tương thành của Sự và Lý.

5. DĨ LY ĐOẠT SỰ

Nơi đây chúng ta trở lại một lần nữa về tác dụng của tâm hành và nhắc lại rằng, luôn luôn đó là tác dụng một chiều, Như giòng sông, chỉ có một hướng, là hướng ra cửa biển. Ở giới hạn của các sinh hoạt thực tế và thường nghiệm, trong một thời và một xứ, không bao giờ có hai ý niệm cực đoan tương phản cùng khởi một lần. Về giới hạn của xứ, hoặc trái hoặc phải. Về giới hạn của thời,

hoặc trước hoặc sau. Những giới hạn sai biệt như vậy tạo nên trật tự của tâm hành; và đối chiếu với nó là trật tự của vạn hữu. Cũng từ những giới hạn sai biệt này mà giả thi thiết các thế lực tác dụng của nhân quả. Vì tính chất giả thi thiết này, khởi từ trật tự của tâm hành, thế giới có vẻ như một cảnh trí đồng hàng. Nghĩa là trật tự của vạn hữu được sắp đặt theo dấu vết trên các lối mòn của nhân quả, mà trên đó, tâm hành đã từng đi qua và tái diễn. Thế giới như một Toàn thể tự cách hẳn thành hai phần đồng dạng để vừa là nhân và vừa là quả cho chính nó, tự nó là căn cơ cho chính nó. Hai phần này, một là Lý và một là Sự. Chúng đồng dạng trên một căn cơ độc nhất, trong một toàn thể vô hạn; do đó, khi tắt những giới hạn sai biệt của Sự được qui chiếu vào căn cơ Toàn thể, bấy giờ chỉ có một hình ảnh duy nhất có thể, dẫn khởi mọi tác dụng tâm hành, là hình ảnh vô hạn của Lý. Như vậy, Lý đã loại bỏ Sự, đã tước đoạt mất sự biểu lộ sai biệt của Sự, để cho thấy đâu là căn cơ của thế giới.

6. SỰ NĂNG ẨN LÝ

Trong cặp tương hại, vì tất cả những sai biệt của sự bị thu hút và biến mất vào Lý tánh nên dùng chữ đoạt. Nơi đây, Lý tánh bị che khuất bởi sự nên gọi là ẩn. Sự che khuất này có hai ý nghĩa. Thứ nhất, về mặt căn cơ mà nói, tất cả những sai biệt của sự lấy chúng là căn cơ cho chính chúng; ngoài nó ra, không có một căn cơ biệt lập nào khác. Thứ hai, về mặt tác dụng mà nói, tính cách vô hạn của lý tánh được biểu lộ ngay ở những giới hạn sai biệt của sự. Cả hai ý nghĩa chỉ có ý nghĩa chân thật trong chiều hướng phân biệt ngôn ngữ về năng và sở. Hậu quả của tất cả phân biệt ngôn ngữ đều nói lên tính chất trống rỗng và giả lập thi thiết của khái niệm. Nếu dừng lại ở hậu quả này, cả Lý và Sự đều là những thực tại bất thực và giả danh: bất thực về thể tính và giả danh về biểu lộ và tác dụng. Tuy vậy, một khi tâm hành căn cứ trên hậu quả đạt được bằng phân biệt danh ngôn này mà khởi lên tác dụng, bao nhiêu tương phản đối đãi đều mất hết ý nghĩa. Thí dụ, cần phải biệt năng và sở trong cặp tương hại, khi Lý chủ động thì Sự lẫn mất vào Lý: khi lấy Sự làm chủ động thì nó che mất Lý; mỗi cái vừa là năng vừa là sở, có như thế mới thành tựu ý nghĩa tương hại. Tác dụng của tâm hành chỉ có một chiều, do đó không có giới hạn phân biệt giữa năng và sở. Không phải bằng tính cách vừa kể mà nói tác dụng của tâm hành thực tiễn hơn phân biệt ngôn ngữ; mà chỉ vì là thế lực tác dụng sai biệt. Ngôn ngữ tác dụng trong chiều hướng trùng điệp: đến tức là đi. Tâm hành chỉ có một chiều: hoặc đến hoặc đi.

Với tác dụng một chiều của hành như vậy, khi nói, theo luật duyên khởi, mọi sự tùy duyên mà khởi, lời nói này thành ra rằng tùy duyên tác không duyên: không có năng và sở nên như vậy, tức là không có tác dụng theo tính cách tương giao giữa một chủ động và một thụ động. Nhưng không duyên thì không khởi; đó là vì kết quả ngược chiều của phân biệt ngôn ngữ: phân biệt hữu thành vô, phân biệt vô thì thành hữu. Dù tác dụng của ngôn ngữ hay của tâm hành, Sự là cái che khuất Lý.

7. CHÂN LÝ TỨC SỰ

Sự là cái che khuất Lý; ngoài thế giới biểu lộ của Sự không có Lý nào nữa. Hệ luận rút ra từ định nghĩa về duyên khởi, theo một lối suy luận

đặc biệt của Hoa nghiêm tông: duyên tức là tánh, bởi vì tất cả những gì tồn tại bằng cách nương tựa lẫn nhau thì không có một căn cơ nào hết: ảo xiêm đùm bọc lấy nhau, vào luồn ra cúi công hầu mà chi. Không căn cơ nên gọi là vô tánh. Chẳng khác, vì khởi do duyên, vô tánh tức khởi. Thuyết tánh khởi của Hoa nghiêm tông nói: tánh tức vô tánh vì là duyên. Nói cách khác, theo lối tam luận tông; vì duyên sinh nên vô tánh. Ngược lại: vì vô tánh nên duyên sanh, kết luận nói: tánh tức khởi, khởi tức tánh. Đó là một kết luận của thuyết tánh khởi. Từ đây, ta suy diễn ra hệ luận thứ nhất: chân lý tức Sự. Thoạt tiên, sự suy diễn này chỉ là lập lại những ý tưởng đã được chứa đựng trong định nghĩa về duyên khởi. Về sau, khi đặt vào tác dụng của tâm hành, suy diễn thành một hệ luận vừa nói trở nên thâm ngôn hướng dẫn tâm hành thực hiện thể lực tác dụng của nó. Nội dung của tâm bấy giờ chính là Sự. Mặc dù tính cách biểu lộ của Sự như là hư huyền; nhưng biết rằng ngoài tính cách biểu lộ đó không còn thể giới chân thật nào khác khả dĩ mệnh danh là Lý tánh chân thật.

8. SỰ PHÁP TỨC LÝ

Hệ luận thứ hai rút ra từ định nghĩa duyên khởi nội: Sự tức là Lý. Hình như nó chỉ là một cách nói ngược lại của chân Lý tức Sự. Quả thực, không riêng gì ở đây, tất cả những điều nói đều là sự lặp lại của một phụ chú dài dòng. Phụ chú cho một ý tưởng nào, lại là điều không thể quyết đoán được. Dù vậy, chúng ta vẫn nỗ lực trên một nền tảng không hư để quyết định tất cả mọi chiều hướng của đời sống. Đây cũng là một cách nói về ý nghĩa của Sự pháp tức Lý. Chẳng sau đó, còn có một ý nghĩa nào khác nữa không? Trong lý tưởng, ta nói có. Trong thực tế, ta thấy là không. Luôn luôn, là nói về những cái không thấy, và thấy những cái không nói. Chúng là cái không ngớt thúc đẩy chúng ta giả lập vô số biểu tượng của ngôn ngữ và tâm hành. Thêm một lần nữa, đây cũng là cách nói khác về ý nghĩa của Sự pháp tức Lý.

9. CHÂN LÝ PHI SỰ VÀ

10. SỰ PHÁP PHI LÝ

Để tránh những lập lại không cần thiết mặc dù là nỗ lực cho trật tự tâm hành, nơi đây vẫn là lãnh vực tư biện của ngôn ngữ cho nên chúng ta nói cặp tương phi trong một lúc; không làm hại như các cặp trước.

Trong năm cặp tương quan giữa Lý và Sự, cặp tương biến nói chung về tương giao cả mặt thể và dụng của Sự và Lý. Cặp tương thành và tương hại nói riêng về Dụng. Cặp tương tác và tương phi nói riêng về Thể. Cả năm cặp đều nói đến ý nghĩa của duyên khởi về hai phương diện Thể và Dụng như đã thấy.

Về tương tức, không có giới hạn phân biệt nào giữa Lý và Sự. Về tương phi, giới hạn giữa Sự và Lý được phân biệt rõ rệt. Thí dụ, khi nói mồm tức là miệng, cả hai không có giới hạn phân biệt, nhưng trên nền tảng vô phân biệt này, giữa mồm

và miệng vẫn có tư thế biệt lập. Ta có thể trích dẫn thí dụ của Trang Tử: Người nuôi khí cho khí ăn, vào bào: Sáng ba trái chiều bốn trái. Bọn khí lấy thể làm giận. Ông nói lại, nếu thể sáng bốn trái chiều ba trái. Bọn khí lấy thể làm mừng. Trang Tử kết luận: cái danh và cái thật chưa từng sút mẻ, thể mà cái dụng của hờn giận vui mừng đều có đủ cả. Trật tự ngôn ngữ, trật tự tâm hành và trật tự thể giới, trong căn nguyên thì không sai biệt, thể mà trong tác dụng lại có sai biệt.

Đã nói xong về Lý Sự vô ngại quán.

III. CHÂN BIẾN HÀM DUNG QUÁN

Thành tựu được Lý Sự vô ngại quán là đạt đến chỗ rốt ráo trong nỗ lực lãnh hội tất cả ý nghĩa

của duyên khởi. Sự lãnh hội này nếu được đặt trong mối tương quan giữa phương tiện và trí tuệ, thì giai đoạn thiết lập nền tảng để vận dụng trí tuệ, như là phương tiện thấu hiểu bản tánh của thực tại, đó là giai đoạn của chân không quán. Ở giai đoạn này, chỉ có một tri kiến phải thành tựu, là trực quan về bản tánh không hư. Khi bản tánh không hư xuất hiện trong mức lãnh hội của tri kiến, thì nó xuất hiện qua biểu tượng trung gian là hư không. Chính thực, hư không là thể giới của Sự, thể giới trong phạm vi của kinh nghiệm, Lý Sự vô ngại quán là nỗ lực để thấu triệt rằng không hư và hư không chỉ sai

biệt trong tác dụng của danh ngôn. Như vậy, khi Lý Sự vô ngại được diễn tả theo một đường lối khác là Sắc không vô ngại thì, như đã nói, không vừa là không và vừa là hư không, do đó, cũng có nghĩa là Sự sự vô ngại. Trong lớp quán thứ ba Chân biến hàm dung quán, chính là nỗ lực cho mối tương quan giữa Sự và Sự.

1. LÝ NHƯ SỰ

Đây là bước khởi đầu của lớp quán thứ ba. Trên hình thức đây như muốn xác định thành quả đã đạt được từ Lý Sự vô ngại quán. Chỉ trên hình thức; bởi vì nói Lý như Sự không nói theo tương quan có tính cách đối chiếu. Lý và Sự trong những tương quan Thể và Dụng của chúng đã cho thấy những tương quan đó giống như sự giao thiệp giữa hai bát nước khi được đổ chung thành một đoàn thể mà lượng của nó không phải là tổng số lượng của hai bát nước, và thể tính của bát nước, vẫn không tăng gia. Thí dụ có tính cách cưỡng ép. Nhưng thể giới của Lý Sự vô ngại vượt ngoài giới hạn thực tế của kinh nghiệm. Vì sao? Vì Lý như Sự Lý hiện diện toàn vẹn trong mỗi sự: Như được hiểu Như vậy là Như vậy.

2. SỰ NHƯ LÝ

Thể giới của Sự là thể giới của kinh nghiệm cụ thể. Do đó, khi nói Lý như Sự, biểu lộ của Lý không khác với biểu lộ của Sự; tức là Lý cũng xuất hiện như một thể giới của kinh nghiệm cụ thể. Tính cách xuất hiện này không làm cho Lý trở nên có giới hạn sai biệt cụ thể; nhưng không có biệt và sai biệt. Chẳng khác vì đó là Lý của Sự, cho nên biểu lộ của sự không khác với Lý. Nhưng cả biệt



và sai biệt của một chân Lý toàn diện; Sự không xuất hiện trong những giới hạn khép kín, mặc dù giới hạn này vẫn không làm mất tính cá biệt và sai biệt: ở đây nói, Sự như Lý. Nếu nói theo nghĩa đồng nhất và dị biệt, thứ nhất, ta nói sự như Lý vì Thể và Dụng của chúng là một. Thứ hai, từ đồng nhất đến dị biệt, ta nói Sự như Lý tức là Sự như Sự. Tiến đến bước thứ ba sau đây sẽ là chỗ thiết lập xây nền tảng cho chân biến hàm dung quán.

3. SỰ HÀM LÝ SỰ VÔ NGẠI

Bởi vì Lý tánh là thể giới siêu việt kinh nghiệm nhưng lại biểu lộ một cách cụ thể và sống động như chính biểu lộ của Sự, do đó, ta sẽ không ngại là gặp phải cường bức khi sử dụng hai nguyên tắc căn bản của suy luận: đồng nhất và dị biệt. Căn cứ trên nguyên tắc đồng nhất, Lý và Sự được trực quan như một thể giới toàn diện. Thể giới đó không bị phân tán, nhưng nó được biểu lộ ngay trong xuất hiện tình Sự cá biệt; đó là nói theo nguyên tắc dị biệt. Ta sẽ thấy, nơi đây khi nói Lý và Sự không đồng nhất cũng không dị biệt, hiệu quả của cách nói không diễn ra theo thông lệ, mà được diễn ra theo bốn trường hợp như sau:

Một trong Một:

Một Sự được bao hàm trong một sự. Cái Một thứ nhất là cái một toàn diện của lý sự vô ngại. Nó là cái Một về phân biệt. Cái một thứ hai là cái Một cá biệt của Sự. Phân biệt giữa hai cái Một này căn cứ trên đồng nhất tính. Nếu căn cứ trên dị biệt tính, ta nói khác. Cái Một thứ nhất là cái Một sai biệt của Sự, nó được hàm trong cái Một vô phân biệt của Lý Sự vô ngại. Như vậy, hạt bụi vẫn không lớn thêm để được chứa đựng một cách toàn diện theo cái lớn vô hạn của thể giới Lý Sự vô ngại; nó cũng không tự hủy tính cách cụ thể để được đồng nhất hóa thể giới này: Dị biệt trong đồng nhất, nhưng không trở thành đồng nhất.

A. Tất cả trong Một

Trên căn bản ta vẫn có thể theo lối suy luận trùng ở trên. Nhưng nơi đây ta có thể bổ túc bằng cách nói khác. Danh từ Tất cả chỉ cho một toàn thể của vô số sai biệt. Khi nói, Tất cả trong Một, không phải vì hủy diệt mọi sai biệt để đạt đến một toàn thể vô phân biệt, rồi đặt nó vào trong biểu lộ của Một Sự vi tiểu. Một toàn thể toàn diện với tất cả sai biệt của nó được chứa đựng ngay trong hạt bụi nhỏ. Tất cả vô số hạt bụi nhỏ đều như nhau không hơn không kém, xuất hiện cùng lúc trong một hạt bụi cũng nhỏ bằng, không hơn không kém.

B. Một trong Tất cả:

Tất cả trong một, được hiểu theo căn bản đồng nhất – đồng nhất tính đã được biến nghĩa và biến thể như đã thấy. Rồi theo căn bản dị biệt, Một hạt bụi nhỏ, không thay đổi thể cách hiện hữu nghĩa là không từ bỏ bản vị và nguyên dạng của nó, mà cùng một lúc có mặt trong tất cả vô số hạt bụi. Thông thường ta có thể tượng hình như là sự phản chiếu để lĩnh hội điều vừa mô tả. Nhưng phản chiếu trong ý nghĩa thông tục như sự phản chiếu của các mặt kính thì chỉ có một cái là thực, còn tất cả chỉ là hình ảnh hư ảo. Trong ý nghĩa phản chiếu giữa Một và tất cả, không có hình ảnh nào gọi là hư ảo. Vì vậy, thể lực tác dụng của pháp duyên khởi thường được gọi là bất khả tư nghị. Theo đó, nếu là hư ảo, thì chân lý cũng hư ảo như thể giới sai biệt của Sự. Nếu nói là chân thật, thì thể giới sai biệt cũng chân thật bất động

như hư không. Ta đưa bàn tay lên hư không vẽ một vòng tròn, cảm giác khởi lên là thấy có cái gì đó vừa trống vừa đầy. Cảm giác này tạm thời gợi cho ta hình ảnh phản chiếu giữa Một và Tất cả. Hiển nhiên ta phải nhận rõ giới hạn của một thí dụ.

C. Tất cả trong Tất cả

Một hạt bụi phản chiếu như vậy, vô số hạt bụi cũng phản chiếu như vậy. Thể giới là hình ảnh của những phản chiếu trùng trùng vô tận.

Trải qua ba giai đoạn, căn bản đã được thiết lập. Từ đây về sau là những nỗ lực phát hiện các sắc thái tương quan giữa Sự và Sự, để tựu thành ý nghĩ của Sự Sự vô ngại. Bước vào thể giới đó là bước vào phương tiện thiết lập thành pháp của các bậc Giác ngộ. Các Ngài như một đám mây lành giữa hư không bao la, làm bóng mát cho cả thể giới.

4. THÔNG CỤC VÔ NGẠI

Vừa ở nơi này, và chưa từng lìa khỏi vị trí này, mà hiện thân khắp cả mọi nơi. Vì hiện thân khắp cả mọi nơi nên gọi là thông, vì chưa từng lìa bỏ bản vị nên gọi là cục. Như vậy, vừa phổ biến, vừa bất động, nên nói là vô ngại.

5. QUANG HIỆP VÔ NGẠI

Do phổ biến, một hạt bụi nhỏ cũng rộng lớn bằng hư không bao la. Dù vậy, nguyên dạng vẫn không thay đổi. Hạt bụi vừa rộng vừa hẹp, vừa lớn vừa nhỏ.

6. BIẾN DUNG VÔ NGẠI

Thoạt tiên, ta hình dung một hạt bụi nhỏ rào qua tất cả vô số thể giới, và gọi đó là sự biến hành của nó. Cố định trên một vị trí, mà cùng lúc có mặt trong tất cả, do đó biến hành tức bao dung. Ở đây, trong nó xuất hiện vô số thể giới. Ở tất cả nơi khác trong nó cũng chứa đựng vô số thể giới.

7. NHIẾP NHẬP VÔ NGẠI

Trong tác dụng biến hành, một hạt bụi nhỏ lẫn mình vào vô số thể giới. Lẫn mình vào đó lại cùng lúc duy trì bản vị tồn tại của thể giới đó. Ngược lại, khi vô số thể giới hiện hình trong một hạt bụi thì cùng lúc chúng duy trì bản vị tồn tại của từng hạt bụi ấy.

8. GIAO THIẾP VÔ NGẠI

Một và Tất cả lẫn vào nhau và duy trì lẫn nhau. Sự giao thiệp này được xét theo bốn trường hợp gọi là nhiếp nhập:

Một nhiếp Tất cả nhập Tất cả
Tất cả nhiếp Một nhập Một
Tất cả nhiếp Tất cả nhập Tất cả
Một nhiếp Một nhập Một

9. TƯƠNG TÀI VÔ NGẠI

Cái này ở nơi cái kia, cũng được xét theo bốn trường hợp nhiếp nhập:

Nhiếp Một nhập Một
Nhiếp Tất cả nhập Một
Nhiếp Một nhập Tất cả
Nhiếp Tất cả nhập Một.

10. PHỔ DUNG VÔ NGẠI

Đoạn chót này có tính cách kết luận, đưa tất cả các vận dụng sai biệt vào một thể giới, ở đây, vận hữu đồng khởi trong đồng thời và đồng xứ. Sự bao dung lẫn nhau giữa Sự và Sự, bấy giờ như đã xuất hiện ngay trong thể giới cụ thể của tâm hành; chúng bao dung một cách toàn diện và toàn triệt, như đã được mô tả từng bước một trong chín giai đoạn trước.

Phật Hạnh

Từ già hoàng cung thoát biển trần
Sáu năm khô hạnh hướng nguồn chân
Tham thiền nhập định hàng ma oán
Kiến đạo khai phương độ thế nhân
Thuyết pháp tùy cơ khơi mắt tuệ
Độ sanh ứng pháp mở vườn tâm
Từ bi giáo hoá truyền hương đạo
Rạng ánh quang minh tỏa ánh rằm...!

Diệu Dụng

Bát Nhã vang rền dội cửa không
Tâm kinh tỏa chiếu phá mê lòng
An yên một cõi trời êm dịu
Tĩnh tại muôn duyên ý lặng trong
Bến đạo hoa cười phơi sắc thắm
Đường tâm nghĩa trái đượm hương nồng
Vượt miền khổ lụy lên đường giác
Nghiệp chương vơi dần vạn sự thông...!

Không Gian Thiền

Trăng khuya tỏa sáng ở nơi này
Trúc biếc đào hồng gió khẽ lay
Sóng gợn lụa thưa hoà nhạc suối
Mây giăng lãng đãng hợp duyên cây
Lời kinh thánh thoát nguồn tâm lặng
Nẻo đạo thênh thang ý tục bay
Bạn hữu quay về xa chương nghiệp
Dần vơi khổ não tuệ quang đây...!

Tĩnh Lặng

Tĩnh lặng trang nghiêm ngắm cảnh chùa
Lòng nghe mỡ nhịp lẫn chuông khua
Kinh vàng dẫn lối buông sầu nín
Kệ ngọc soi đường bỏ nỗi đau
Lễ Phật đi thiền xa thắng bại
Chăm cây tưới kiến gạn hơn thua
Lòng thanh trí sáng an yên phận
Quảng gánh ưu tư dạo bốn mùa...!

Hoài Niệm

Bát vĩ đồng âm, thượng vĩ bệnh
Quê cha đất tổ mãi thân thương
Cảnh cũ theo ta suốt dặm trường
Giao Thủy dòng thanh xuôi sóng lượn
Mỹ Sơn tháp cổ quện non vương
Bao thu cách trở tâm tâm tưởng
Bầy thuở xa xôi ý ý tường
Nghĩa nặng ân sâu lòng khắc dưỡng
Dầu rằng xuôi ngược khắp mười phương.



Quay Về

Chốn cũ chùa xưa thăm viếng người
Ngắm dòng mây bạc lững lờ trôi
Thiền hoa ngào ngạt thơm vườn Phật
Ánh nguyệt lung linh tỏ đất trời
Hóp ngუმ trà thiền tâm tĩnh lặng
Viết câu thơ đạo ý ngời soi
Quay về thực tại trăng in bóng
Tỏa chiếu dòng sâu sóng vỗ lời.

Tuỳ Duyên

Tuỳ duyên dạo bước dưới mây trời
Thanh thân lòng trong suối hạnh khơi
Tuệ nguyện vun trồng vui diệu thể
Tâm nguyện quyết phát sống an đời
Bờ thiêng kết nối hưng non nước
Bến mộng xa lìa thịnh chôn nơi
Năm tháng thanh bình cùng nhật nguyệt
Yên bình tĩnh lặng đạo huyền soi...!

Dưỡng Tâm

Đêm đêm thắp nén hương trầm
Trì kinh niệm Phật gìn tâm ban đầu
Bồ Đề nguyện phát thêm sâu
Tình thương nuôi lớn khổ sầu lánh xa.

Tu Viện An Lạc, California
Xuân Quý Mão-2023

thơ TRÚC NGUYỄN
THÍCH CHÚC HIỀN
(cảm đề)

Ý NGHĨA ĐÀN SANH VỀ NIỆM THIỆN

Thích Phước Mỹ

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

MỞ ĐẦU:

Thành tựu quả Vô Thượng bồ đề là bắt nguồn từ đâu? Cũng như tốt nghiệp bằng tiến sĩ là bắt nguồn từ mẫu tự a, b, c của lớp mẫu giáo và qua quá trình ôn thi luyện tập từng phần thẳng tiến mới có được kết quả. Sự tìm đạo của Thái Tử Tất Đạt Đa hay nói cụ thể hơn của Bồ tát Hộ Minh tại thế giới Ta Bà trong kiếp này chỉ là phần trắc nghiệm cuối cùng đột phá và thành tựu quả vị Bồ Đề. Như vậy phần trắc nghiệm cuối cùng chưa phải là mỗi chót chính của quả vị Bồ Đề, mà chỉ là một phần trắc nghiệm mà thôi. Vậy thì, mỗi chót thành tựu Phật quả là gì?

Mỗi khi mùa Phật Đản lại về các chùa thường lấy 19 lay từ Đản Sanh đến Niết Bàn, 2 câu đầu tiên: 1/ A Tỳ Ngục Tốt sơ phát thiện tâm. 2/ Tâm kỳ quả mãn, bách kiếp nhưn viên. Có phải chăng, 2 câu này chính là nói lên sự khởi điểm căn nguyên đầu tiên của Đức Phật Thích Ca trên lộ trình thành tựu quả Vô Thượng Bồ Đề. Bởi vì, có kiếp Ngài bị đọa vào địa ngục, trong tâm Ngài mới loé lên được một điểm sáng. Đó là Niệm Thiện. Từ đó Ngài phát nguyện nuôi dưỡng mầm thiện này tăng trưởng dần trong suốt thời gian ba kỳ (quá khứ, hiện tại và vị lai) và trải qua trăm kiếp làm người luôn luôn hành thiện tích đức thẳng tiến không ngừng, cứ mỗi kiếp là một trải nghiệm thử thách, như luyện tập, ôn thi và thẳng tiến về niệm thiện ấy cho đến kiếp này thành tựu đạo quả. Vì vậy, Niệm thiện đầu tiên chính là ngọn lửa nhỏ, nó có thể đốt cháy cả rừng phiền não nghiệp chướng chẳng. Và nó có thể thắp sáng vùng trời đang u tối này! Quả thật đúng như vậy.

Hai câu đánh lễ này chưa tìm ra nơi xuất xứ từ bộ kinh nào, chỉ biết trong mùa Đại lễ Phật Đản thường lễ lay. Vậy chúng ta thử tìm hiểu sâu về Niệm Thiện qua sự đàn sanh của Đức Phật như thế nào.

ĐỊNH NGHĨA:

A: NIỆM THIỆN là gì?

Niệm là chỉ cho thời gian rất ngắn thoáng qua trong tâm hay trong ý nghĩ của ta. Niệm niệm tương tục nghĩa là nhớ nghĩ liên tục. Thiện là gì? Thiện có nghĩa là tốt lành, khéo léo, đúng, chánh xác. Niệm Thiện là nhớ nghĩ đến điều thiện, điều

tốt lành. Ý nghĩ thiện hay điều tốt lành được trôi chảy trong tâm. Còn Hành Thiện mới là thực hiện việc làm thiện ấy.

1/- PHÂN TÍCH RỘNG VỀ THIỆN

Thiện có 3 nghĩa:

a/ Tốt nói cho đủ là tốt đẹp ngược lại thì xấu. Tục ngữ có câu: "Tốt lòng đẹp dạ" chỉ cho người biết cư xử tốt với mọi người. Hay câu: "Ao rách có cách người thương" tuy cuộc sống ta nghèo nhưng ta có cách sống tốt được mọi người thương yêu quý mến, không cần giàu sang phú quý chỉ cần có tấm lòng tốt, đủ để thành người tốt. Người ta thường nói: "Tốt lòng tốt dạ, có ai nói tốt áo bao giờ". Người nào có ý nghĩ tốt, lời nói tốt và hành động tốt đối với mọi người thì người ấy luôn có đời sống an lành, hạnh phúc và không bao giờ cảm thấy cô đơn.

b/ Lành là hiền lành, là lương thiện, không ác. Người hiền lành luôn luôn có tâm từ bi rộng lớn hơn người thường, biết thương yêu người và vật, có lòng bao dung và tha thứ, không làm cho ai buồn phiền và đau khổ, luôn đem lại cho người khác an vui và dễ chịu, có sự hy sinh hay giúp đỡ người, chứ không phải là người nhu nhược yếu hèn. Người này luôn hướng về điều thiện, xa lánh điều ác, ngay cả ý nghĩ ác cũng không, luôn thấy ai cũng tốt lành. Họ thường toát ra cử chỉ bao dung hài hòa và biểu lộ khuôn mặt hiền từ, giúp cho người nhìn vào có cảm giác an lành và thân thiện.

c/ Khéo léo là người biết hành xử đúng thời đúng lúc, hoặc tùy theo hoàn cảnh, địa điểm và thời gian mà hành xử cho phù hợp, luôn có lối sống cởi mở, uyển chuyển không khô cứng. Là người luôn cân nhắc sự lợi hại, tốt xấu mà làm. Việc nào có lợi cho người cho ta và cho tất cả mọi người, còn ngược lại thì không, luôn có cái nhìn về nhiều mặt: xã hội, cuộc sống, nhân quả và nghiệp báo... mà cân bằng sự lợi hại để ứng xử việc làm và hành động của mình.

d/ Đúng, chánh xác: Là người có hiểu biết, có trí tuệ cao và biết phân định rõ ràng đâu là chánh, đâu là tà, đâu là đúng sai, phải trái... Là người luôn cân nhắc trước khi nói, cử chỉ và hành động của mình để ứng dụng vào cuộc sống và đem lại rất nhiều sự lợi lạc cho mọi người. Đúng là





đúng trên cuộc sống hiện tại và cả trong tương lai, phù hợp với lòng từ bi, nhân quả và không đưa đến nghiệp báo xấu mà hướng về con đường hoàn toàn thánh thiện. Hay nói cách cụ thể là lối sống đúng và chánh xác sẽ đem lại cho ta và mọi người đời này an lạc và đời sau giải thoát. Lối sống này được gọi là thánh thiện.

2/- KHỞI ĐẦU MƯỜI ĐIỀU THIỆN ĐỨC PHẬT DẠY CHO HÀNG ĐỆ TỬ

(A Tỳ Ngục Tốt sơ phát thiện tâm)

Ở thế giới ác mà sanh khởi niệm thiện, cũng như trong bùn lầy này sinh mầm sen, là điều quý hiếm. Thiện ở đây muốn nói là thiện đối với ác. Trong lời Phật dạy cơ bản cho vấn đề này là không nên làm 10 việc ác (chính là thập thiện giới). Sống trong lãnh vực ác mà không bị ác chi phối, đó là thiện; hay ở trong bùn mà không hôi tanh mùi bùn, chính là sen. Vậy không làm 10 điều ác là gì?

- 1, 不殺生 (sa. pāṇātipātā paṭivirati) không sát sinh
- 2, 不偷盜 (sa. adattādānādvirati), không trộm cắp.
- 3, 不邪淫 (sa. kāmamithyācārādvirati) không tà dâm.
- 4, 不妄語 (sa. mṛṣāvādādvirati), không nói dối.
- 5, 不兩舌 (sa. paisunyātvirati), không nói lưỡi đôi chiều,
- 6, 不惡口 (sa. pārūṣyātpativirati), không nói lời hung dữ.
- 7, 不綺語 (sa. saṃbhinnaṃpralāpātpativirati), không nói lời phù phiếm.
- 8, 不貪欲 (sa. abhidhyāyāḥprativirati); ý không tham lam.
- 9, 不瞋恚 (sa. vyāpādātpativirati), ý không sân giận.
- 10, 不邪見 (sa. mithyādr̥ṣṭi-prativirati), ý không si mê

Mười điều thiện này chính là giới luật của Phật chế ra để làm kim chỉ nam cho đệ tử của Ngài hướng thiện, cũng là con đường thẳng tiến của Ngài trong lúc ban đầu hướng về giải thoát và thành đạo. Đây chính là con đường làm cho tam nghiệp thanh tịnh và loại trừ ba thứ căn bản phiền não để thành tựu cảnh giới an vui. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo của HT. Thích Trí Thủ có dạy: “Thập-thiện là chánh nhưn tạo thành nhưn-gian và

thiên quốc: Thập thiện không những là chánh nhưn tạo thành nhưn gian và thiên quốc, mà con đường thiết thực đi đến cảnh an lạc giữa thế gian cũng là thập thiện. Nếu muốn đạt đến mục đích an lạc trong nhưn gian, chính phải làm theo những hành vi không sát hại, không trộm cắp v.v... của thập thiện; nếu ai thực hành theo 10 thiện nghiệp thì không có việc gì là không thành tựu.”

- Thập-thiện-nghiệp là căn bản của Bồ-Đề Niết-Bàn: “Hai quả chuyển y Bồ-Đề Niết-bàn của Tam-thừa Thánh Nhân đều lấy 10 Thiện nghiệp làm căn-bản. Vì 10 Thiện nghiệp là công năng ngăn đón các hành vi độc ác, triệt để đối trị tất cả hành vi bất thiện, tức là giải thoát sinh tử, chứng quả Niết Bàn.”

Đây là nói về mặt trái của thiện nhằm ngăn chặn ác pháp; còn về mặt phải của thiện nhằm nâng cao thiện pháp là thế nào?

3/- TU TẬP 8 THIỆN PHÁP THẾ GIAN:

1, Nên phóng sanh. 2, Nên bố thí. 3, Nên chánh hạnh. 4, Nên nói lời chân thật. 5, Nên nói chánh ngữ. 6, Nên nói lời từ ái. 7, Nên nói lời hữu ích và thực tế. 8, Nên tập hạnh buông xả. 9, Nên tập hạnh từ bi. 10, Nên tập hạnh tinh thức. Có nghĩa là không những không sát sanh mà còn phóng sanh; không những không trộm cắp mà còn bố thí...

4/- TU TẬP 37 BỒ ĐỀ PHẦN THUỘC THIỆN PHÁP XUẤT THẾ GIAN:

1. Tứ niệm xứ: Quán thân bất tịnh: quán thân là không trong sạch. Quán thọ thị khổ: quán cảm thọ là khổ đau. Quán tâm vô thường: quán tâm thường thay đổi không ngừng. Quán pháp vô ngã: quán các pháp không có thật ngã.

2. Tứ chính cần: Đối với việc pháp ác đã sinh, phải trừ dứt hẳn / đối với pháp ác chưa sinh, đừng cho sinh ra / đối với việc thiện chưa sinh, làm cho sinh ra / đối với việc thiện đã sinh, làm cho tăng trưởng.

3. Tứ như ý túc: Dục như ý túc: chúng ta phải có lòng thiết tha mong muốn, tìm cầu sự giải thoát/ Cần như ý túc: chúng ta phải chuyên cần, tinh tấn học hiểu giáo lý, tìm cầu sự giải thoát. / Tâm như ý túc: chúng ta phải khắc chế tâm niệm đến chỗ bất loạn, mong cầu sự giải thoát/ Quán như ý túc: chúng ta phải biết cách quán chiếu để giác ngộ chân lý, thấu hiểu lẽ thực, giải thoát khổ đau.

4. Ngũ căn: Tín căn: chúng ta phải có niềm tin sâu xa, vững chắc nơi Chánh Pháp / Tấn căn: tinh tấn tu tâm dưỡng tánh thẳng tiến không hề biết mệt mỏi / Niệm căn: luôn luôn có tâm niệm hành thiện, chánh niệm phản mình / Định căn: luôn luôn có sự tinh thức, sống trong thiền định, bất loạn / Tuệ căn: luôn luôn dùng trí tuệ để suy xét mọi sự mọi việc, không tin tưởng bừa bãi, không mê tín dị đoan.

5. Ngũ lực: Tín lực chúng ta có niềm tin kiên cố, mạnh mẽ nơi Chánh Pháp / Tấn lực: chúng ta có sức mạnh tinh thần bất thối chuyển, san bằng những trở ngại trên đường tu tập / Niệm lực: chúng ta luôn luôn ghi nhớ những thiện pháp / Định lực: chúng ta có được sự tập trung tư tưởng / Tuệ lực: chúng ta giác ngộ được con đường giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

6. Thất bồ đề phần: Trạch pháp: dùng trí tuệ chọn lựa sự thực hư, chơn giả của tất cả các pháp/

Tinh tấn: tâm mạnh mẽ dứt trừ tất cả các nghiệp bất thiện, thực hành tất cả các nghiệp thiện/ **Hoan hỷ:** tâm luôn luôn vui vẻ với mọi người, với mọi việc trên thế gian, không phân biệt cổ chấp/ **Khinh an:** tâm nhẹ nhàng, an lạc khi dứt trừ các phiền não, các cổ chấp nặng nề, thoát ra ngoài vòng tục lụy của thế gian/ **Niệm:** tâm luôn luôn nhớ nghĩ đến chư Phật, đến tất cả chúng sanh, vì cứu khổ độ sanh, làm các việc phước thiện/ **Định:** tâm luôn luôn bình thản, không tán loạn, an nhiên, tự tại/ **Xả:** tâm buông bỏ tất cả những hệ lụy của cuộc đời, tất cả những thành kiến, định kiến, thiên kiến, biên kiến, tà kiến, ác kiến, thường kiến, đoạn kiến, không chấp chặt những tư tưởng chật hẹp, ích kỷ.

7. Bát chánh đạo

Chánh kiến: Là sự hiểu biết chân chánh, thấy mọi sự mọi việc "đúng như thực".

Chánh tư duy: Là sự suy nghĩ chân chánh, theo đúng lẽ thực, không lợi mình hại người.

Chánh ngữ: Là lời nói chân chánh, không lợi mình hại người, không thêu dệt, gây hiềm khích.

Chánh nghiệp: Là hành động tạo nghiệp chân chánh, không mưu cầu lợi mình hại người.

Chánh mạng: Là mạng sống, cuộc sống chân chánh. Nghĩa là chúng ta chỉ làm những nghề chân chánh, không xâm phạm mạng người, tổn hại sanh vật để sinh sống.

Chánh tinh tấn: Là sự siêng năng, chuyên cần, chăm chỉ chân chánh, tức là làm tất cả những việc thiện và tránh tất cả việc bất thiện.

Chánh niệm: Là luôn luôn khắc chế tâm niệm bên trong, luôn luôn sống trong tỉnh thức.

Chánh định: Là sự bình tĩnh sáng suốt, do tam nghiệp thanh tịnh, không sanh vọng niệm.

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo: "*Tổng cộng là ba mươi bảy phẩm, nếu Bồ tát dùng thập thiện nghiệp làm căn bản, mà tu theo các pháp này thì mau chứng được tất cả các công đức, viên mãn quả an vui vĩnh viễn.*"

8. Thập lực, Tứ vô sở úy và Mười tám pháp bất cộng pháp. Tất cả là những thiện pháp xuất thế giúp cho hành từng bước ra khỏi thế giới khổ đau trong tam giới.

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo: "*Long vương nên biết, mười nghiệp thiện này, hay làm cho thập lực, tứ vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, tất cả Phật pháp đều được viên mãn. Vậy nên các người phải siêng tu học. Thập lực, Tứ vô sở úy và Mười tám pháp bất cộng là những pháp đặc biệt chỉ quả vị Phật mới có mà thôi. Đoạn này nói rộng ra đều căn cứ vào thập thiện nghiệp mà tất cả các hạng thù thắng cho đến quả vị Phật đều được trang nghiêm viên mãn, và khuyên tất cả phải siêng năng tu học.*"

5/- THIÊN PHÁP THÙ THẮNG CỦA HÀNG BỒ TÁT

Lục (Độ) Ba La Mật: là 6 việc làm của hàng



Bồ tát đạt đến chỗ rốt ráo viên mãn

1. Bồ thí Ba-la-mật: Bồ thí mọi thứ kể, cả thân mạng chính mình, mà không bị vướng mắc.

2. Trì giới Ba-la-mật: là nghiêm trì giới luật, gìn giữ oai nghi, thu nhiếp thân tâm hoàn toàn thanh tịnh

3. Nhẫn nhục Ba-la-mật: là nhịn chịu mọi nhục nhả và mọi khó khăn trở ngại, và vượt qua chúng một cách bình ổn và không sanh tâm khởi niệm khi tiếp duyên xúc cảnh.

4. Tinh tấn Ba la mật: là siêng năng tiến tới trong việc học và hành đạo của Bồ tát.

5. Thiên định Ba-la-mật: Là giữ tâm người tu bình thản an nhiên trước phong ba bão táp của cuộc đời không một chút nào bị chao đảo.

6. Trí huệ Ba-la-mật: là trí huệ của một bậc Bồ tát đã quán triệt chân tướng của vạn pháp.

Kinh Thập Thiện Nghiệp: "*Trong Phật pháp, có sự lợi ích chỉ ở hiện tại, có sự lợi ích chỉ ở tương lai, và có sự lợi ích cứu cánh, khác nhau. Bồ tát tu hành lục độ, tức là được tất cả nghĩa lợi, nhưng nếu dùng thập thiện nghiệp đạo làm căn bản, thời nghĩa lợi mới hoàn toàn viên mãn.*"

Tóm lại, có lẽ đây là niệm thiện được Đức Phật triển khai và tu tập đến chỗ rốt ráo, từ thấp lên cao qua trăm kiếp làm người, làm súc sanh và làm thần... Cũng đều lấy niệm thiện hướng đến và phát triển cao dần theo lời chỉ dạy của Ngài đã vẽ ra, mà Ngài đã đi qua và thành tựu cho đến ngày viên mãn Phật quả tại Bồ Đề Đạo Tràng. Cuối cùng Ngài đúc kết lại trong kinh Pháp Cú câu 183:

Không làm các điều ác.

Thành tựu các việc lành,

Giữ tâm ý trong sạch,

Chính lời chư Phật dạy.

Như vậy, Bồ tát Hộ Minh nhờ đây mà ra, Thái Tử Tất Đạt Đa tu tập đây mà có, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng từ đây mà thành.

B/ CHỨNG MINH VÀI NÉT VỀ SỰ HÀNH THIÊN TRONG NHỮNG KIẾP QUÁ KHỨ CỦA BỒ TÁT HỘ MINH (TẤT ĐẠT ĐA)

(Tam kỳ quả mãn, bách kiếp nhưn viên)

1/ KIẾP LÀM THẦN:

121. CHUYỆN THẦN CÂY CỎ KUSA (Cứu giúp tình bạn) (Tiểu Bộ Kinh - Tập V)

Thuở xưa, khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm vị thần một khóm cỏ lau Kusa trong công viên của vua. Trong công viên ấy gần nơi tắm đá vua thường ngồi, có một cây mơ ước, thân cây cao thẳng, cành lá sum suê, rất được vua ưa thích. Tại đây sanh ra một thần cây, trước kia là một ông vua có uy quyền lớn. Bồ-tát là bạn thân với thần cây ấy.

Lúc bấy giờ, vua sống trong lầu đài được một cột trụ chống đỡ, nhưng cây cột ấy bị lung lay. Tình trạng ấy được báo lên vua. Vua cho gọi thợ mộc và bảo:

- Cột trụ độc nhất chống đỡ lầu đài của trẫm

bị lún, hãy lấy một cây cột khác, có lõi cứng rắn thay vào. Các người ấy vâng lời, đem theo đồ cúng thần, đi đến công viên, dâng lễ vật cúng cho cây, trình thần cây biết ngày mai sẽ đốn cây, rồi đi về. Nữ thần cây biết được sự việc này suy nghĩ: "Ngày mai, nhà ở của ta bị hủy hoại, rồi ôm các con, ta sẽ đi đâu bây giờ?"

Lúc bấy giờ Bồ-tát đi đến thăm nữ thần cây, biết được sự việc liền nói:

- Chớ lo nghĩ, ta sẽ không để cho chặt cây. Ngày mai, khi thợ mộc đến, ta sẽ có cách đối phó.

Ngày hôm sau khi thợ mộc đến, Bồ-tát hóa làm con cắc kè đến trước thợ mộc, chui vào giữa rễ của cây diêm lảnh, làm cho cây ấy như trống rỗng, cắc kè leo lên chính giữa cây, chui ra khỏi đầu thân cây rồi nằm xuống, lắc đầu qua lại. Người thợ mộc thấy vậy, lấy tay đập vào thân cây và nói:

- Cây này trống rỗng, không có lõi. Rồi anh ta bỏ đi. Như vậy, nữ thần cây nhờ Bồ-tát, vẫn làm chủ chỗ ở của mình. Nàng tán thán công đức của Bồ-tát.

Nhân diện Tiền thân như sau: - Thời ấy, nữ thần cây là Ananda, còn thần cây cò lau là Ta vậy.

2/ KIẾP LÀM TIỀN:

202. CHUYỆN TÁNH NGHỊCH NGỢM (Tôn kính người già, cứu kẻ nghèo) (Tiểu Bộ Kinh - Tập V)

Thuở xưa, khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát làm thiên chủ Đế Thích (Sakka). Lúc bấy giờ vua Brahmadatta không thể chịu đựng khi nhìn thấy con voi, con ngựa hay con bò đã già yếu. Vua có tánh nghịch ngợm, thấy người và vật như vậy liền đánh đuổi đi, thấy cỗ xe cũ kỹ liền cho đập nát, thấy các bà già, vua gọi vào và đánh trên bụng, khiến họ ngã rồi dựng đứng họ lên và dọa nạt họ. Thấy những ông già, vua bắt họ lặn lội giữa đất, và chơi đùa như những người nhào lộn.

Đế Thích quyết định: "Ta sẽ nhiếp phục nhà vua ấy". Đế Thích hóa thân làm một ông già, đặt hai ghè sữa bơ trên một cỗ xe gỗ cũ kỹ tồi tàn, thẳng vào xe hai con bò già và đi dự ngày hội lớn. Vua Brahmadatta cười trên lưng voi được tổ điểm rực rỡ, đi nhiều xung quanh thành được trang hoàng long lẫy khắp nơi.

Khi ấy, Đế Thích mặc áo rách rưới, đánh cỗ xe này đi đến gặp vua. Vua thấy cỗ xe cũ kỹ liền sai đuổi nó đi. Quân hầu nói:

- Thưa Thiên tử, cỗ xe nào, chúng con không thấy.

Do thiện lực của mình, Đế Thích chỉ để riêng vua thấy cỗ xe mà thôi. Đế Thích đánh xe nhiều lần trên đầu vua, rồi đập cái ghè sữa bơ trên đầu vua, và quay xe trở lại đập vỡ ghè sữa bơ thứ hai. Và từ trên đầu của vua, khắp nơi mọi phía sữa bơ chảy xuống. Như vậy, Đế Thích quấy rầy, hành hạ vua trông thật đáng thương. Sau khi thấy vua thống khổ như vậy, Đế Thích làm cỗ xe biến mất, rồi hiện thân Đế Thích, tay cầm cái chùy kim cương, đứng trên hư không và nói:

- Này tên vua ác hạnh và phi pháp kia, người sẽ không già sao? Thân của người sẽ không bị tuổi già tàn công sao? Nhưng người lại thích đùa nghịch, hành hạ làm khổ nhục những người lớn tuổi. Chính do các việc của người làm mà dân chúng chết đi tràn đầy bốn đọa xứ vì chúng không thể nuôi dưỡng cha mẹ. Nếu người không từ bỏ hành động này, ta sẽ đánh vỡ đầu người với chùy

kim cương. Bắt đầu từ nay, người chớ làm như vậy nữa.

Sau khi dọa nạt, Đế Thích nói lên công đức của cha mẹ và trình bày những lợi ích của các hành động kính trọng lớn tuổi. Giáo huấn xong, Đế Thích trở về trú xứ của mình. Từ đấy, vua không còn khởi tâm làm các việc như trước nữa.

Ngài nhân diện Tiền thân: - Đế Thích là Ta vậy.

3/ KIẾP LÀM SÚC SANH:

399. CHUYỆN CHIM THỨU (Hiếu dưỡng cha mẹ) (Tiểu Bộ Kinh - Tập VII)

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm chim Thứu (kên kên). Khi lớn lên, ngài đưa cha mẹ đã già và mù mắt vào ở trong hang thứu và đem thịt quạ cùng nhiều loại khác về nuôi hai vị. Thời ấy có một thợ săn đặt bẫy bắt chim thứu quanh nghĩa địa Ba-la-nại.

Một hôm Bồ-tát đi kiếm thịt đến gần nghĩa địa và sa chân vào bẫy. Ngài không nghĩ đến mình, mà chỉ nhớ đến cha mẹ già: "Giờ đây làm sao cha mẹ sống được? Ta chắc hai vị sẽ chết vì không biết ta mắc bẫy, sẽ bơ vơ khổ khổ và héo mòn dần trong hang núi ấy". Do vậy ngài than khóc:

- Ta nuôi phụ mẫu đã già rồi, ở trong hang nọ dưới chân đồi, làm sao thân lão tìm mồi được, bây giờ ta không còn lo được nữa.

Con của thợ săn động lòng bảo:

- Thôi hãy về đi với lão thân, ở trong hang núi, hãy chăm nom, về thăm cha mẹ trong an lạc, Chim Thứu: cảm ơn và chúc phúc thợ săn cùng cả họ hàng.

Sau đó Bồ-tát được giải thoát khỏi nỗi sợ chết, vui mừng tạ ơn và miệng ngậm đầy thịt trong mỏ và bay về đưa mồi cho cha mẹ.

Ngài nhân diện tiền thân: - Thời ấy, người thợ săn là Channa (Xa-nặc), cha mẹ ta là thân quyến trong hoàng gia và Thứu vương là Ta.

(còn tiếp một kỳ)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

EXECUTIVE COUNCIL

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. Tel.: (714) 548-4148

THÔNG BÁO SỐ HAI
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN LẦN THỨ 2647
PHẬT LỊCH 2567 - DƯƠNG LỊCH 2023

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni
Kính thưa quý Đồng hương Phật tử, cùng quý Anh Chị các cấp GDPT thân mến,

Như Thông báo dẫn thượng số một đã ban hành nhằm mục đích báo cáo cho quý thành viên của Giáo Hội được liễu tri Đại Lễ Phật Đản năm nay được tổ chức chung của Giáo Hội cùng với Cộng Đồng Phật Giáo San Diego hoan hỷ đảm nhận. Sau thời gian nghiên cứu, tìm hội trường và thành lập Ban Tổ Chức đầu đở tương đối ổn định. Do vậy, hôm nay Giáo Hội ban hành Thông Báo Số Hai đến toàn thể quý thành viên và Phật tử được liễu tri để chuẩn bị mọi Phật sự tại địa phương mình, cũng như tổ chức đoàn hành hương về tham dự Đại Lễ được thập phần viên mãn. Thời gian và địa điểm tổ chức:

Thời Gian:

Thứ Bảy, Ngày 06 tháng 05 năm 2023

4:00 PM-7:00 PM: Múa lân khai mạc, thuyết Pháp, thấp nến hoa đăng nguyện cầu thế giới hòa bình chúng sanh an lạc. (Có Chương Trình Riêng)

Chủ nhật, Ngày 07 tháng 05 năm 2023

10:00 AM –12:30 PM: Lễ chính thức Mừng ngày Đức Phật Đản Sanh

12:30 PM – 4:00 PM: Thọ Trai, cúng dường trai Tăng, & chương trình Văn Nghệ Mừng Phật Đản

Địa điểm:

Horace Mann Middle School

4345 54th Street San Diego, CA 92115

Trân trọng kính gởi Thông Báo Số Hai này đến toàn thể quý liệt vị được tường làm và nhất tâm, nguyện cầu con người sống trên thế giới hôm nay luôn tỉnh thức, để có được sự hành xử với nhau trong chánh niệm mà chấm dứt chiến tranh, tái lập hòa bình, cùng nhau xây dựng cuộc sống an lành và thịnh trị, trong tình thương yêu hiểu biết.

Kính chúc Chư Tôn Đức Tăng Ni Pháp thể khinh an, đạo nghiệp viên thành.

Đồng kính chúc Quý Đồng hương Phật tử vô lượng an khang, cát tường như ý.

Nam Mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật

Ngày 9 Tháng 02 Năm 2023

Văn Phòng Thường Trục

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Chủ Tịch



Sa Môn Thích Tín Nghĩa



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

EXECUTIVE COUNCIL

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. Tel.: (714) 548-4148

THÔNG BÁO SỐ 2 **AN CƯ KIẾT HẠ và ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN PL. 2567 - DL. 2023**

Nam Mô Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính Bạch Chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,
Kính thưa quý Cư sĩ thành viên Giáo Hội,

Tiếp theo Thông Báo Số 1 ngày 28.2.2023 về thời gian, địa điểm tổ chức An Cư Kiết Hạ và Đại Hội Thường Niên lần thứ III nhiệm kỳ IV. Nay xin xác nhận việc ghi danh An Cư Kiết Hạ cũng như chương trình cụ thể của Đại Hội Thường Niên như sau:

- Chư Tôn Đức Tăng Ni ghi danh An Cư Kiết Hạ từ ngày 19 đến 29 tháng 6 năm 2023 qua hai số điện thoại sau đây trong khi chờ đợi Đại Đức Thích Quảng Từ điện thoại số (206) 723-4731 lo hậu sự cho gia đình xong:

Sư Cô Thích Nữ Diệu Hoa - Chùa Cổ Lâm (206) 723-4741.

Sư Cô Thích Nữ Quảng Ngộ - Chùa Cổ Lâm (425) 306-4758.

Nhấn vào link này <https://forms.office.com/r/F1MMKeFEHq> để điền đơn ghi danh.

Thời gian ghi danh: Từ nay đến hết ngày 30 tháng 5 năm 2023 hay sớm hơn khi đủ túc số An Cư.

- **Chương trình họp Đại Hội Thường Niên: Thứ Hai ngày 19 tháng 6 năm 2023.**

09 giờ sáng: Cung thỉnh Chư Tôn Đức và quý thành viên Giáo Hội quang lâm hội trường.

04 giờ 00 chiều: Bế mạc Đại Hội. Sẽ có chương trình chi tiết sau.

07 giờ 00 tối cùng ngày: Họp Tăng để Cung an chức sự Trường Hạ.

Trân trọng kính Thông Báo đến quý Ngài tường lãm để cho Phật sự của Giáo Hội được thập phần viên mãn.

Kính niệm ân đức của quý Trưởng lão Hoà Thượng, quý Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni cùng toàn thể quý Cư sĩ thành viên Giáo Hội luôn được vô lượng an khang, cát tường như ý.

Nam Mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật

Santa Ana, ngày 9 tháng 3 năm 2023

TM. Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK

Chủ Tịch,



Ưng hiã

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

CÓ THỨ TÀI SẢN KHÔNG BAO GIỜ MẤT

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Kể từ khi con người biết sử dụng tiền bạc làm đơn vị trao đổi mua sắm đến nay, thì không ai là không cần đến tiền! Phải có tiền mới có nhà để ở, có tiền để mua sắm quần áo che thân, mua thức ăn nuôi dưỡng cơ thể, mua sắm đồ đạc, vật dụng trong nhà. Có tiền mới có xe để di chuyển đó đây. Người nào dư tiền lắm bạc mới bàn đến việc sở hữu của cải vật chất. Người không có tiền thì cuộc sống phải chịu thiếu thốn vất vả trăm bề.

Những thứ như xe cộ, nhà cửa, đất đai, vòng vàng, đá quý, hột xoàn, tiền bạc v.v... gom chung lại đó là tài sản của con người. Sống ở đời ai cũng mong có tài sản. Nhìn chung, tài sản của cái được xem là phần quan trọng, luôn là niềm mơ ước của mọi người. Nhưng ở đời không ai giữ mãi tài sản của cái kiếm được. Hoặc vả, có giữ được một thời gian, đến lúc già yếu bệnh hoạn, thì tiền bạc cũng theo đó mà tiêu hao nhiều không kể xiết. Của cải vật chất là thứ ngoài thân, khi con người thân hoại mạng chung có ai mang theo của cải qua bên kia thế giới được đâu! Cho dù các ông vua bà chúa ngày xưa khi chết đi, của cải tuy được tổng táng theo xác chết, nhưng rồi những thứ đó cũng có ngày bị người ta quật mồ cướp đi!

Trong nhiều bài kinh, đức Phật đã từng giảng tài sản vật chất tiền bạc, vòng vàng, đất đai, nhà cửa... không bao giờ trụ mãi một chỗ với chúng ta vì lý do này hay lý do khác. Chẳng hạn như của cải tiền bạc có thể bị mất sạch do giống bảo lụt lội cuốn trôi, hoặc bị hỏa hoạn thiêu rụi, hay bị kẻ gian trộm mất, hoặc chính người thân trong gia đình ý vào tài sản sẵn có, thẳng tay tiêu pha vào những thú vui không lành mạnh... để rồi một ngày nào đó cũng tán gia bại sản. Ngoài ra, nếu làm giàu phi pháp, người sở hữu tài sản có nguy cơ vào tù và số tài sản kiếm được sẽ bị công quyền hay vua chúa tịch thu toàn bộ. Cho nên mới nói tài sản vật chất của con người là thứ không bền vững ở thế gian này. Bên cạnh thứ tài sản không bền vững đó, đức Phật cũng dạy có một thứ tài sản không bao giờ mất, đó là Tín tài, Giới tài, Tàm tài, Quý tài, Văn tài, Thí tài và Trí tài.

Trong Tăng Chi Bộ Kinh III, chương Bảy, phẩm Tài Sản, phần "Các Tài Sản Rộng Thuyết"

có ghi lại lời dạy của đức Thế Tôn về loại tài sản không bao giờ mất này như sau:

II. PHẬT THUYẾT VỀ BẢY LOẠI TÀI SẢN KHÔNG BAO GIỜ BỊ MẤT

Kinh văn:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapindika (Cấp-Cô-Độc). Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.

- Bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo có bảy tài sản này, thế nào là bảy? Tín tài, Giới tài, Tàm tài, Quý tài, Văn tài, Thí tài và Tuệ tài.

1) Ở đây, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng vào sự giác ngộ của Như Lai, gọi là Tín tài.

2) Ở đây, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, say sưa men rượu, gọi là Giới tài.

3) Ở đây, vị Thánh đệ tử có xấu hổ với thân, miệng, ý làm ác, gọi là Tàm tài.

4) Ở đây, vị Thánh đệ tử có sợ hãi đối với thân, miệng, ý làm ác, gọi là Quý tài.

5) Ở đây, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, giữ gìn những gì đã nghe, đề cao đời sống phạm hạnh, đọc tụng nhiều lần, chuyên tâm quán sát, thành tựu Chánh kiến, gọi là Văn tài.

6) Ở đây, vị Thánh đệ tử với tâm từ bỏ tham, ưa thích xả bỏ, san sẻ vật bố thí, gọi là Thí tài.

7) Ở đây, vị Thánh đệ tử có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau, gọi là Tuệ tài.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bảy tài sản, ai có được những tài sản này, được gọi là không nghèo khổ. (hết trích)

III. TÌM HIỂU Ý NGHĨA BÀI KINH

Đối với các đệ tử xuất gia, việc sở hữu tài sản của cải vật chất dư thừa là trái giới luật Phật ban. Người xuất gia chỉ sở hữu tài sản giới hạn là ba y, một bình bát, thuốc men vừa đủ. Hằng ngày các Tỷ-kheo đi "khất thực" nuôi thân, thứ nhất để rèn luyện tánh khiêm hạ, hướng về vô ngã; thứ hai là tạo phước cho thí chủ tu tập hạnh bố thí. Thí chủ cúng dường gì, thì Tỷ-kheo độ ấy, không phân biệt, chê khen, vì nhà Phật quan niệm thức ăn chỉ với mục đích không để thân ốm đối bệnh hoạn,





mà chỉ giúp thân được khỏe để mà tu.

Đối với cư sĩ tại gia, đức Phật không cấm họ sở hữu tài sản vật chất. Nhưng Ngài cũng khuyến cáo các loại tài sản vật chất này thường bị chi phối bởi lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các kẻ thù tự và những người thù địch. Bên cạnh đó Ngài cũng giới thiệu bảy loại tài sản không bao giờ bị mất. Tài sản mà đức Phật nói đây không phải là tiền bạc, vòng vàng, châu báu, mà là tài sản về tinh thần, như niềm tin bậc giác ngộ, đạo đức, trí tuệ là những thứ tài sản không bao giờ bị đánh cắp, chiếm đoạt, trừ phi chính người sở hữu tài sản tâm linh đó tự mình phá hủy chúng. Các tài sản quý báu đó có tên gọi là: Tín tài, Giới tài, Tàm tài, Quý tài, Văn tài, Thí tài và Tuệ tài.

Tín tài: Tín là niềm tin, tài là ám chỉ tiền bạc, của cải. Tín tài ở đây có nghĩa là niềm tin sâu sắc của người cư sĩ về sự giác ngộ của đức Như Lai. Tín rằng Ngài là bậc Ứng Cúng/A-la-hán (*bậc đáng cho Thiên, Nhơn cúng dường*), Chánh Biến Tri (*bậc thông hiểu đúng đắn không giới hạn*), Minh Hạnh Túc (*bậc đầy đủ tam minh: Thiên nhãn minh, Túc mạng minh và Lưu tận minh*), Thiện Thệ (*Thiện: Khéo; Thệ: Vượt qua; Thiện Thệ là bậc khéo vượt qua các cõi thế giới và các cõi Trời*), Thế Gian Giải (*là bậc hiểu thấu tất cả pháp ở thế gian*), Vô Thượng Sĩ (*đấng vô thượng không ai sánh bằng*), Điều Ngự Trượng Phu (*đấng chinh phục được tất cả mọi người*), Thiên Nhân Sư (*Thầy của Trời và Người*), Phật (*phiên âm của chữ Buddha, là đấng giác ngộ*), Thế Tôn (*cả Trời và Người đều tôn quý kính trọng Ngài*).

Người có Tín tâm không chỉ đặt niềm tin đức Thế Tôn là bậc toàn giác, mà còn tin sâu vào những lời dạy của Ngài. Chẳng hạn như tin sâu vào thuyết nhân quả, làm lành được hưởng phước, làm ác chịu đau khổ. Người có niềm tin như vậy là người có lòng tin chân chánh, đức Thế Tôn nói người đó có đầy đủ Tín tài.

2) Giới tài: Những ai giữ đúng giới hạnh, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, tránh xa tà hạnh trong các dục, không nói dối, không nói dối hai lưỡi gây hiềm khích giữa những người quen nhau, không nói lời ác độc, không nói chuyện phù phiếm, không đắm say rượu men rượu nẫu. Người nào thực thi được những điều trên đây, đức Thế Tôn nói người đó có đủ Giới tài.

3) Tàm tài: Người có tâm Tàm, là người tự thấy hổ thẹn khi lỡ phạm lỗi mặc dù không ai biết, qua ba phạm trừ thân, khẩu, ý. Khi nhớ lại, lương

tâm người ấy bị cắn rứt, xấu hổ, ăn năn hối cải, tự hứa không tái phạm. Đức Thế Tôn bảo rằng người này có tài sản về Tàm.

4) Quý tài: Quý là tâm e ngại, sợ hãi hậu quả của hành vi sai trái. Quý cũng có nghĩa là cảm thấy hổ thẹn khi bày tỏ tội lỗi của mình với người khác. Do lòng sợ hãi hậu quả xấu, nên người ấy không dám làm các điều ác. Do vậy mà ba nghiệp thân, khẩu, ý được trong sạch. Người như thế, đức Thế Tôn nói người đó có Quý tài.

5) Văn tài: Văn là nghe lời giảng dạy của các bậc Chân nhân về Pháp Phật bao gồm Pháp học và Pháp hành. Chẳng hạn như Tứ thánh đế, Lý duyên khởi pháp duyên sanh, Thuyết Nhân quả. Các phương thức thực hành về Quán, Chỉ, Định, Huệ v.v... Ghi nhận những gì đã nghe, tư duy hiểu rõ những điều đã nghe, thành tựu chánh kiến, chánh tư duy. Những người này được đức Thế Tôn ghi nhận là có Văn tài.

6) Thí tài: Thí nói cho đủ theo giáo lý nhà Phật là "Bố thí". Bố thí nghĩa là trao tặng, hiến tặng, làm việc phước thiện hay cúng dường phẩm vật đến các vị Tỷ-kheo. Trong kinh dạy có ba loại bố thí là: Bố thí tài vật, bố thí pháp và vô úy thí.

- **Bố thí tài vật:** Gồm có ngoại tài và nội tài. Ngoại tài như thức ăn, thức uống, y phục, đóng góp công sức tiền bạc vào các công tác đắp đường, làm cầu giúp cho người dân sống ở nơi lầy lội, sông hồ, bớt gặp nguy hiểm trong việc đi lại, hay giúp đào giếng ở vùng cao khô giúp cho người dân có nước tiêu xài tắm gội v.v... Nội tài là hiến tặng các bộ phận hay ngay cả mạng sống của mình. Ngày nay nhiều người tình nguyện tặng máu tươi của mình cho bệnh viện để cứu người bệnh thiếu máu. Rất nhiều người ký giấy hiến tặng cả cơ thể cho y học hay tặng phần nội tạng khi vừa mới qua đời để cứu sống các bệnh nhân đang cần được thay thế một phần nào đó trong cơ thể như da, mắt, tim, gan, thận v.v...

- **Bố thí pháp:** Là truyền đạt giáo lý đạo Phật, giảng dạy các phương pháp thực hành chuyển hóa khổ đau như thiền định, tứ vô lượng tâm, bát chánh đạo v.v... để người nghe biết cách tu tập giác ngộ và giải thoát.

- **Vô úy thí:** Con người sống ở đời có nhiều sợ hãi, như sợ tai nạn, sợ mất người thân, sợ làm ăn thua lỗ, sợ mất nhà mất cửa, sợ con cái hư hỏng và cái sợ lớn nhất vẫn là sợ chết. Tất cả những nỗi sợ đó khiến người ta dễ mắc bệnh trầm cảm, nhìn cuộc đời bằng đôi mắt bi quan. Người biết tu hiểu rằng những chuyện xấu hay tốt xảy ra cho đời người đều có nguyên do của nó. Tin vào nhân quả người ấy chấp nhận, vượt qua nỗi khổ, và không còn cảm thấy sợ hãi nữa. Khi bản thân người ấy có đủ đạo lực, đủ niềm tin thì người ấy có khả năng an ủi, trấn an, giải thích giúp cho người ta thoát được sự sợ hãi nếu có. Làm được việc này xem như là người ấy đã thực hành hạnh Vô Úy thí vậy!

Tóm lại người có tâm bố thí là người xả bỏ tánh xan tham, ích kỷ, sẵn sàng chia xẻ giúp đỡ mọi người về mặt vật chất lẫn tinh thần. Người như vậy là người có Thí tài.

7) Tuệ tài: Tuệ nói cho đủ là trí tuệ. Có hai loại trí tuệ. Một là trí tuệ thế gian do học hỏi từ cha mẹ, từ các bậc Thầy, từ kinh nghiệm sống trong cộng đồng xã hội... hun đúc sự hiểu biết do sự học hỏi đó, thành kho tàng kiến thức của mình.

Đây là sự hiểu biết của ý căn, ý thức và trí năng, còn gọi là kiến thức thể gian.

Còn Trí tuệ trong đạo Phật, Phạn ngữ gọi là Prajna, tiếng Pali là Panna, người Trung Hoa dịch âm là Bát-nhã hay Đại trí tuệ (Maha Bát-Nhã..). Câu kinh "Quán Tự-Tại Bồ Tát hành thâm Bát-Nhã Ba-la-mật đa thời...", ý nghĩa của cụm từ "Bát-Nhã Ba-la-mật" ở đây chính là trí tuệ thâm sâu, là sự hiểu biết toàn diện, có tính chất trực giác, siêu vượt, không dựa trên lý luận, khái niệm hay ngôn từ. Trí tuệ này do hành giả tu tập hành trì thể nhập thâm sâu, nhận ra được tánh Không của các chân lý Tứ thánh đế, Lý duyên khởi v.v....

Nói chung, trí tuệ có nghĩa là sự hiểu biết trọn vẹn giáo lý của đạo Phật, tinh tấn hành trì theo Bát chánh đạo, phá vỡ màn vô minh, nhận ra sự thật của vạn pháp là vô thường, khổ, vô ngã. Nhận ra tất cả mọi thứ trên đời hễ có sanh thì có diệt nên không còn chấp trước mọi thứ trên đời, người ấy đoạn diệt sâu khổ, thành tựu Chánh trí... Người có trí tuệ như vậy, đức Thế Tôn cho rằng đây là người có Tuệ tài.

Sau khi nêu lên các tài sản thuộc về tinh thần, đức Thế Tôn kết luận những ai có đủ bảy loại "tài sản" này, sẽ là người không lâm vào hoàn cảnh nghèo khổ, nghĩa là cuộc sống của người này được giàu sang vì không "nghèo", và hạnh phúc an lạc vì không "khổ".

IV. KẾT LUẬN

Qua bài kinh này, chúng ta nhận ra tài sản của người biết tu khác hẳn với tài sản của người thế tục. Tài sản của người không biết tu, thường đưa đến lòng tham không biết đủ. Được một muốn thêm hai, được hai muốn thêm ba, được ba muốn thêm bốn... và như thế người này luôn chạy theo tiền tài vật chất khiến cho thân tâm không lúc nào được thanh thoi an ổn. Có khi vì mê tiền bạc giàu có mà quên cả đạo đức, dính vào lao lý vì đồng tiền kiếm được là đồng tiền phi nghĩa, phạm pháp. Tiền phi nghĩa sẽ bị tịch thu toàn bộ là điều đương nhiên, nhưng tiền bạc hay của cải kiếm được chân chánh cũng không chắc giữ được vì thiên tai hỏa hoạn, lụt lội, hoặc trộm cắp... cho nên loại tiền bạc của cải này, tuy không cánh mà sẽ dễ dàng bay mất. Hoặc khi thân hoại mạng chung, nhà cửa, xe cộ, vòng vàng, đất đai... không theo mình, nó ở lại thế gian qua tay người khác.

Người cư sĩ biết tu thực hiện nếp sống thiểu dục tri túc, biết tiết kiệm, không để tham sân si chiếm lĩnh cuộc đời mình. Đặt lòng tin nơi Tam Bảo, biết giữ Giới, biết Tàm Quý, tu hạnh Bố Thí, siêng nghe giảng pháp, thực hành chánh niệm, thiền định, thiền quán, phát huy trí huệ. Các yếu tố này chính là thứ tài sản thuộc về tinh thần, tuy không cụ thể nhưng giá trị của nó không gì cao quý bằng!

NGÀY TRỞ VỀ

*Thăm cha, thăm mẹ, thăm chùa
Anh em, bè bạn... cho vừa lòng nhau
Tám mươi sương điểm mái đầu
Tử sinh... rồi cũng qua cầu tử sinh
Một thời Bát nhã Tâm kinh
Nghe tâm phẳng lặng, nghe mình nhẹ tênh
Thông tay vào chợ một mình
Không trâu không cả bóng hình người chăn.*

thơ

HÒ THANH NHÃ



Nhờ đầy đủ Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn, Thí, Tuệ, mà người biết tu nhận ra mọi thứ tài sản vật chất trên thế gian này đều hư huyền, phù du, tạm bợ. Xem nó là phương tiện giúp đáp ứng các nhu cầu về vật chất để có một đời sống ổn định, giúp người ta thực hiện những ý nguyện cao cả có lợi cho mình và cho người xung quanh. Nghĩ như vậy, nhận ra như vậy, người biết tu sẽ tự động yếm ly tham ái, xa lìa chấp thủ, vô cầu, vô dục... nên tâm không lo lắng, phiền muộn.

Bảy tài sản tinh thần này như lời đức Thế Tôn xác nhận sẽ không bao giờ mất, nó nâng cao giá trị phẩm cách của người sở hữu nó. Nhờ tạo nhân thiện lành, từ bị trí tuệ ở đời hiện tại nên đời sống được an lành hạnh phúc. Quả lành không mất mà tiếp tục trở ở đời sống tương lai, trừ phi chính mình phóng dật buông bỏ, rời xa đời sống tâm linh, cam tâm làm nô lệ cho khát ái dục vọng thì hậu quả sẽ khó lường.

Trước khi khép lại bài viết này, kính nguyện mọi người con Phật mau sớm sở hữu bảy thứ tài sản tâm linh mà đức Thế Tôn vì lòng từ bi giảng dạy cho chúng ta.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

*Thiền Viện Chân Như, Navasota, Texas
(An Cư Kiết Xuân, 24/3/2023)*



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
HỘI ĐỒNG HOÀNG PHÁP

HỘI AN HÀNH ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM
VIETNAM GREAT TRIPITAKA FOUNDATION

4333 30th Street, San Diego, CA 92104 – U.S.A.

Tel: (619) 283-7655

TÂM THU

V/v: Ấn Hành Đại Tạng Kinh Việt Nam

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiên đức Tăng Ni,

Kính thưa quý thiện hữu tri thức, cùng quý thiện nam tín nữ Phật tử xa gần,

Phật giáo đã truyền vào Việt Nam hai nghìn năm, nhưng qua bao thăng trầm lịch sử dưới nhiều triều đại, chính thể, việc phiên dịch Tam Tạng Thánh Điển (từ tiếng Phạn hay Hán) sang tiếng Việt vẫn chưa được thực hiện một cách trọn vẹn và thống nhất. Trong khi đó, truyền bản Phạn-Hán thì tương đối đã được hoàn tất từ nhiều thế kỷ trước qua nhiều triều đại Trung Hoa; cho đến thế kỷ thứ 20, Đại Tạng Kinh bằng Hán văn lại được khởi sự biên tập, đối chiếu, hiệu chỉnh và cước chú rất kỹ lưỡng, công phu dưới triều Đại Chánh (Taisho) thứ 11, vào năm 1922, với sự tham gia của trên 100 học giả Phật giáo hàng đầu tại Nhật Bản. Đại Tạng Kinh Việt Nam sẽ dùng Hán bản Đại Chánh Đại Tạng Kinh này làm đề bản (bản đáy), và đặc biệt là có tham chiếu các truyền bản tiếng Phạn, Pali và Tây Tạng dưới sự chủ trì của nhị vị học giả tinh thông Phật học và Sử học là Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ và Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát.

Kế thừa sự nghiệp phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam (ĐTKVN), Hòa thượng Tuệ Sỹ—một trong 18 thành viên của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng (do Viện Tăng Thống GHPGVNTN chỉ định thành lập năm 1973), tiếp tục thực hiện công trình phiên dịch dang dở của Hội đồng; và với sự quán thông Tam Tạng Thánh Điển qua các truyền bản Phạn, Hán, Tây Tạng, đã nêu một tiêu chí chuẩn mực nhất có thể để thực hiện một Đại Tạng Kinh Việt Nam với tiếng Việt trong sáng, hàn lâm, góp phần phát triển phương tiện tuệ học cho tứ chúng đệ tử Phật đồng thời làm phong phú thêm cho kho tàng ngôn ngữ Việt. ĐTKVN bao gồm tất cả Thánh Điển Phật giáo được dịch sang tiếng Việt qua các thời kỳ lịch sử, bởi chư vị dịch giả các triều đại quá khứ, cùng với các dịch giả cận đại, hiện tại và tương lai; do vậy, theo dự án của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời (HĐPDTTLT, do Hòa thượng Tuệ Sỹ chủ xướng thành lập vào ngày 03 tháng 12 năm 2021), sẽ là một bộ Kinh đồ sộ ước chừng 200 tập khô 6.5 x 9.5 inches (16.5 x 24 cm).

HĐPDTTLT với ba Ủy ban là UB Duyệt sách, UB Phiên dịch và UB Chứng nghĩa Chuyết văn, quy tụ một số ủy viên có trình độ chuyên môn về Phật học, Việt văn và cổ ngữ, dành hết tâm lực và thời gian để thực hiện công trình phiên dịch. HĐPDTTLT được sự toàn tâm yểm trợ của Hội Đồng Hoàng Pháp (do chư vị lãnh đạo các GHPGVNTN châu lục và quốc gia thành lập vào ngày 08 tháng 5 năm 2021), trong đó có Ban Bảo Trợ và Hội Ấn Hành Đại Tạng Kinh Việt Nam trực tiếp đảm nhận vận động tài chánh và tiến hành việc in ấn và phát hành ĐTKVN.

Kính thưa chư liệt vị,

Trong Kinh Duy-ma-cật, chương 13, phẩm Cúng Dường Pháp, có dạy: “*Cúng dường Chánh Pháp là cúng dường tối thượng.*” Chúng tôi tu học và hành đạo bao năm nay được góp phần nhỏ vào dự án vĩ đại do Hòa thượng Tuệ Sỹ chỉ đạo, với tâm nguyện đền ơn Phật-Pháp-Tăng trong muôn một, với ước vọng được nhìn thấy ĐTKVN hình thành từng kinh, từng bộ trong những năm tháng sắp tới. Có thể nói đây quả là nhân duyên vô cùng thù thắng cho một đời người.

Với tâm thành, chúng tôi xin tha thiết thỉnh cầu chư tôn Thiền đức Tăng Ni và Phật tử khắp nơi, vì tâm nguyện cúng dường Chánh Pháp, vì nguyện vọng được chứng kiến trong đời mình một bộ Đại Tạng Kinh tiếng Việt thật chuẩn mực, mang tầm vóc quốc tế, xứng đáng với chiều dài 2000 năm Phật giáo trên quê hương Việt Nam, hãy cùng đóng góp trí lực và tài lực cho công trình dài lâu này.

Thay mặt Hội Ấn Hành ĐTKVN, chúng tôi thành kính thâm tạ chư tôn Thiền đức và quý Phật tử xa gần. Nguyên đem công đức cúng dường Chánh Pháp này hướng về khắp tất cả; kính chúc chư tôn Thiền đức pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; và chúc nguyện chư thiện tín nam nữ cùng gia quyến vô lượng an khang, cát tường.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát – tác đại chứng minh.

PL. 2566, ngày 01 tháng 6 năm 2022



TM. Hội Ấn Hành Đại Tạng Kinh Việt Nam
Hội trưởng

Hòa thượng Thích Nguyên Siêu

HỘI ẤN HÀNH ĐTKVN:

Hội trưởng: Thích Nguyên Siêu | **Thư ký:** Thích Hạnh Tuệ | **Thủ quỹ:** Vĩnh Hào

BAN ẤN HÀNH:

Trưởng ban: Thích Hạnh Viên | **Phó ban:** Văn Công Tuấn

Phát hành: Thích Nữ Quảng Trăm | **Án loát:** Bạch Xuân Phở, Trần Nguyễn Nhị Lâm

Kỹ thuật: Trần Minh Triết, Nguyễn Lê Trung Hiếu

- ◆ Chi phiếu cúng dường ấn hành, xin đề “Vietnam Great Tripitaka Foundation” và gửi về địa chỉ sau:

Vietnam Great Tripitaka Foundation
4333 30TH Street
San Diego, CA 92104 – U.S.A
(Chi phiếu xin ghi nơi phần Memo: ĐTKVN)

- ◆ Quý vị ở Hoa Kỳ có thể chuyển tiền vào tài khoản Bank of America của Hội Ấn Hành ĐTKVN bằng cách:
- ZELLE vào địa chỉ email: daitangkinhvietnam@YAHOO.COM

- ◆ Hội sẽ gửi Phiếu Công Đức (Donation Receipt) đến quý vị (nếu được cung cấp địa chỉ); và các khoản cúng dường này đều có thể được khấu trừ thuế theo luật định của chính phủ Hoa Kỳ.
- ◆ Quý vị có thể vào trang <https://hoangphap.org/phuong-danh-cung-duong-dtk/> để theo dõi danh sách cúng dường, được cập nhật mỗi ngày.



HƯƠNG THƠM CỦA GIỚI

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT

do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em (ACE) Lam viên thương mến,

Hôm nay, nhóm Áo Lam xin kể ACE nghe câu chuyện của ngài Ma-ha Ca Diếp, vị đại đệ tử của đức Bổn Sư.

Hôm ấy tôn giả MA-ha Ca Diếp vừa xuất khỏi Diệt tận định [là mức thiền cao nhất, vượt qua 4 cõi Thiền và 4 cõi đại định, chấm dứt tạm thời được thọ uẩn & thức uẩn, mà chứng nhập niết bàn] liền ôm bình bát đi vào một khu nghèo khổ nhất trong thành Vương Xá để khất thực. Mục đích của tôn giả là tạo điều kiện cho một người nghèo khổ nào đó có cơ duyên tạo nên một phước đức lớn vì đã cúng dường cho một bậc vừa chứng nhập Diệt-tận-dịnh.

Lúc bấy giờ, vua Trời Đế Thích Sắc Ca trông thấy, muốn tạo nên phước báu đó, mới cùng với vợ, hoá thành 2 vợ chồng nghèo làm nghề dệt vải trong thành Vương Xá. Tôn giả Đại Ca Diếp dừng lại trước cửa nhà, người chồng liền bưng bình bát của tôn giả sốt cơm trắng và ca ri đầy bát, mùi thơm của thức ăn bốc lên bát ngát cả thành phố. Bấy giờ tôn giả đoán biết người thí chủ này không phải là người thường, liền mở mắt thiên nhãn ra nhìn, thấy đó chính là vua Trời Đế Thích. Vua Trời mới nói thật rằng trước kia ông rất nghèo khổ vì chẳng có cơ hội tạo phước trong thời ĐỨC PHẬT. Nói xong vua Trời và phu nhân liền cung kính chào Tôn giả để trở về Cung Trời.

Nơi Tịnh xá Trúc Lâm, Đức Phật dùng thiên

nhãn, nhìn thấy cảnh tượng trên, mới kể cho các vị tỳ kheo đệ tử của ngài biết việc cúng dường của vua Trời Đế Thích. Các vị tỳ kheo thắc mắc tại sao vua Trời lại biết được tôn giả Đại Ca Diếp vừa xuất cơn diệt-tận-dịnh để giáng trần mà cúng dường. Đức Phật giải đáp rằng: "Này chư tỳ kheo! Danh tiếng của một người có đức hạnh cao quý như Đại Ca Diếp vang dội xa gần, thấu đến tận cung Trời khiến cho Vua Đế Thích biết được mà đến cúng dường."

Rồi đức Bổn Sư mới nói lên bài kệ sau đây:

*Hương thiện đàn, hương già la còn nhạt
Chỉ có GIỚI HƯƠNG tỏa ngát tận Cung Trời*
(Kinh Pháp Cú, kệ số 56)

Thưa Anh chị Em,
Đó là lý do đức Phật dạy chúng ta phải tinh tấn giữ gìn Giới vì:

*"Giới như đèn sáng lớn
Soi sáng đêm tối tăm
Giới như gương báu sáng
Chiếu rõ tất cả Pháp
Giới như châu Mani
Rưới của giúp kẻ nghèo..."*

Kính mến chúc ACE luôn tinh tấn tu học & chánh niệm, giữ gìn GIỚI đã phát nguyện cũng như tuân hành LUẬT ĐOÀN để xứng đáng là ĐỆ TỬ PHẬT (= PHẬT TỬ).

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam



TRỞ VỀ MỤC LỤC

'CUỘC HÀNH TRÌNH' DÀI CỦA ĐỨC PHẬT TỚI CHÂU ÂU VÀ CHÂU PHI

JANA IGUNMA

Huỳnh Kim Quang dịch

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Có phải bạn rất đỗi ngạc nhiên về tiêu đề của bài viết này? Có thể bạn nghĩ rằng chắc chắn có điều gì đó không ổn trong câu chuyện này, bởi vì lịch sử về cuộc đời của đức Phật xưa nay không hề thấy nói đến chuyện đức Phật đi tới Châu Âu và Châu Phi. Bạn nghĩ không sai. Không phải đức Phật bằng xương bằng thịt đã đến hai lục địa đó lúc Ngài còn tại thế. Nhưng đó là một câu chuyện vô cùng thú vị về một hiện tượng lịch sử đã được sử sách nói đến cách nay cả ngàn năm.

Trong cuốn "Thiền Định Phật Giáo, Khởi Nguyên Và Ảnh Hưởng," Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã nêu ra một sự kiện rất lạ lùng về sự xuất hiện của đức Phật dưới tên Thánh Josaphat trong Thiên Chúa Giáo. Hòa Thượng viết như sau:

"Một hiện tượng lịch sử cũng khá hy hữu. Ít nhất từ thế kỷ 11, đức Phật dưới danh hiệu Josaphat trong danh sách các Thánh truyền đạo và tử đạo, với ngày lễ hân hoan trong cả hai Giáo hội phương Đông và phương Tây, chỉ từ khi phát hiện nguồn gốc, người ta mới nhận ra tiểu sử của Thánh chính là cuộc đời của Phật." (1)

Người trông coi bảo tàng tại Thư Viện British Library ở London, Anh Quốc, là bà Jana Igunma (2) đã viết rất kỹ về câu chuyện kỳ lạ trên trong bài viết "The Buddha's long 'journey' to Europe and Africa" ["Cuộc hành trình' dài của đức Phật tới Châu Âu và Châu Phi], được đăng trên trang blog của Thư Viện này trước cuộc triển lãm vào cuối năm 2019 và đầu năm 2020.

Dưới đây, chúng tôi xin dịch toàn văn bài viết này để công hiến cho người đọc tham tường về sự kiện lịch sử kỳ bí ấy.

Người Châu Âu ngày càng trở nên có hứng thú với các nền văn hóa và tôn giáo của Trung



Một miêu tả về Josaphat của Thiên Chúa Giáo, bản thảo thế kỷ thứ 12. (www.en.wikipedia.org)



Thái Tử Josaphat gặp người bị bệnh cùi và bị tàn tật. Bản sao từ thế kỷ thứ 14 của tác phẩm 'Speculum Historiale' của Vincent de Beauvais. (www.en.wikipedia.org)

Đông và Châu Á, hay điều mà sau này họ gọi là 'Đông Phương', như là một kết quả của các mối quan hệ trao đổi trong suốt kỷ nguyên thứ nhất của Tây Lịch. Các hình ảnh của đức Phật với chữ Hy Lạp ΒΟΔΔΟ ('Boddo' để chỉ Đức Phật - Buddha) được tìm thấy trên các đồng tiền vàng từ đế quốc Kushan (3) vào thế kỷ thứ hai Tây Lịch. Đức Phật đã được đề cập đến trong một nguồn tài liệu bằng tiếng Hy Lạp, 'Stromateis'(4), được viết bởi Clement of Alexandria vào khoảng đầu năm 200 Tây Lịch, và một nguồn tài liệu khác nói đến đức Phật được phát hiện trong tác phẩm 'Adversus Jovinianum'(5) được viết bởi St Jerome vào năm 393 Tây Lịch. Một truyền thuyết tôn giáo được lấy cảm hứng từ 'Cuộc Đời Của Đức Phật' được biết đến rộng rãi trong truyền thống Ba Tư-Do Thái và các phiên bản rất sớm bằng tiếng Ba Tư, Ả Rập, Do Thái, Armenian và Georgian đã được phát hiện. Câu chuyện đã trở thành phổ biến được biết như là 'Barlaam và Josaphat' vào thời trung cổ của Châu Âu. Danh xưng Josaphat, trong tiếng Ba Tư và Ả Rập được đánh vần một cách khác là Budasf, Budasaf, Yudasaf hay Iosaph, là sự sửa đổi sai lầm của danh hiệu Bồ-tát đại biểu cho 'đức Phật sẽ thành', là nói đến Thái Tử Tất-đạt-đa là người giác ngộ thành đức Phật Cồ-đàm.

Nhiều mảnh của các phiên bản rất sớm của truyền thuyết có vẻ đã được lưu trữ trong các văn bản thuộc Ma Ni Giáo (Manichean) (6) tại Duy Ngô Nhĩ và Ba Tư từ Turfan (7), và người ta nghĩ rằng những văn bản thuộc Ma Ni Giáo có thể đã truyền đi câu chuyện đức Phật tới Tây Phương. Từ đó câu chuyện đã được dịch sang tiếng Ả Rập, và tiếng

Do Thái-Ba Tư và Syriac. Một phiên bản tiếng Hy Lạp rất sớm đã được cho là của Thánh John (675-749 Tây Lịch) tại Thành Damascus trong hầu hết các nguồn tài liệu Thời Trung Cổ, mặc dù các nghiên cứu hiện nay bác bỏ sự quy kết này trong khi có nhiều khả năng tu viện Euthymios của Georgia đã thực hiện việc phiên dịch từ tiếng Georgian sang tiếng Hy Lạp vào thế kỷ thứ 10 Tây Lịch. Nó đã trở nên đặc biệt phổ biến trong thế giới Thiên Chúa Giáo sau khi nó được phiên dịch sang nhiều thứ tiếng khác nhau vào Thời Trung Cổ, gồm tiếng La Tinh, Pháp, Provençal (8), Ý, Tây Ban Nha, Anh, Ai Nhĩ Lan, Đức, Tiệp, Serbian, Hòa Lan, Na Uy, và Thụy Điển.

Việc lưu truyền truyền thuyết về Barlaam và Josaphat vào Thời Trung Cổ ở Châu Âu là một hiện tượng văn hóa có một không hai vào lúc ấy. Nhiều phiên bản thơ và kịch về truyền thuyết này đã trở thành thứ mà ngày nay được gọi là 'bán chạy nhất'. Trong Thiên Chúa Giáo ở Châu Âu hai danh hiệu này được biết đến một cách phổ biến và đức Phật như là Thánh Josaphat đã trở thành vị Thánh có ngày lễ riêng của Ngài trong lịch Thiên Chúa Giáo vào ngày 27 tháng 11 hàng năm.

Mặc dù dựa vào câu chuyện về Cuộc Đời của Đức Phật, nội dung của truyền thuyết về Barlaam và Josaphat đã bị cắt xén và thêm thắt để làm cho nó phù hợp với tín đồ Thiên Chúa Giáo. Trong câu chuyện đã được Thiên Chúa Giáo hóa, một chiêm tinh gia tiên đoán rằng thái tử sơ sinh của nhà vua Avennir (hay Abenner) tại Ấn Độ, là Josaphat, sẽ trở thành một tín hữu của Thiên Chúa Giáo. Để ngăn cản điều này, nhà vua cấm vị thái tử rời khỏi hoàng cung. Vị thái tử trẻ đã được nuôi dưỡng để không biết đến bệnh tật, già yếu và cái chết. Tuy nhiên, vị thái tử đã phát hiện ra những nguy hiểm đối với cuộc sống trong những chuyến du ngoạn từ cung điện khi ngài gặp một người bị bệnh cùi và một người đàn ông mù, một ông cụ già yếu và cuối cùng là một xác chết. Tới thời điểm này thì những tương đồng giữa câu chuyện về đức Phật và truyền thuyết về Barlaam và Josaphat đã rõ ràng, mặc dù các danh xưng đã bị sửa đổi: Vua Tịnh Phạn (Suddhodana) trở thành Vua Avennir, và Thái Tử Tất-đạt-đa trở thành Josaphat (thay cho Bồ-tát – Bodhisattva). Rồi nhiều sự kiện trong truyền thuyết về Barlaam và Josaphat đã đổi khác, và một số nhân vật đã bị trộn lẫn với những người khác, chẳng hạn như người chống lại Đức Phật là Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) và chúa tể của dục vọng Mara.

Một phiên bản tiếng Đức tiếp tục câu chuyện rằng sau khi hiểu về bệnh tật, già yếu và chết, Josaphat đã gặp nhà tu khổ hạnh Thiên Chúa Giáo Barlaam là người đã cải đạo cho thái tử. Cha của Josaphat đã cố gắng lôi người con trai của ông ra khỏi niềm tin mới. Ông ấy đã đe dọa người con trai và rồi ông ấy đã hứa trao nửa vương quốc của ông cho con trai, nhưng tất cả đều thất bại. Sau đó nhà vua gặp thầy phù thủy Theodas – một tên đối khác của Đề-bà-đạt-đa – là người đã khuyên ông mang đến cho Josaphat nhiều con gái đẹp để quyến rũ ngài, nhưng cũng không thành công. Trong câu chuyện của đức Phật những hoàn cảnh này được liên kết với Ma Vương chứ không phải Đề-bà-đạt-đa. Josaphat cũng bị tấn công bởi ma quỷ của Theodas mà ngài đã chiến đấu. Josaphat quyết định đi xuất gia và làm một ẩn sĩ cho đến

trọn đời. Trong vùng hoang dã của sa mạc ngài đã bị thú dữ và ma quỷ tấn công. Cuối cùng ngài đã gặp lại nhà tu khổ hạnh Barlaam, và họ đã lần lượt qua đời sau đó không lâu.

Truyền thuyết này đã trở nên đặc biệt phổ biến tại Đức qua bài thơ tiếng Đức của nhà thơ người Áo Rudolf von Ems (9) mà đã được làm dựa vào phiên bản tiếng La Tinh vào khoảng năm 1230 Tây Lịch. Tại Scandinavia (10) một bản dịch sang tiếng Scandinavian Cổ (Old Norse) (11) đã được Vua Haakon Haakonson ra lệnh thực hiện vào thế kỷ thứ 13, làm cơ bản cho các bản dịch sau này sang tiếng Na Uy và Thụy Điển. Từ các bản dịch tiếng Syriac sang tiếng Slavonic Cổ và rồi tới các bản dịch sang tiếng Nga và Serbian cũng được thực hiện.

Kỹ thuật in ấn đã giúp thực hiện hàng loạt các bản sao của truyền thuyết về Barlaam và Josaphat làm cho nó được tiếp cận rộng rãi hơn rất nhiều. Những hình ảnh của Barlaam và Josaphat được thêm vào trang bìa trước của các tác phẩm được in thường xuyên hơn. Dù sự biểu hiện nghệ thuật của những hình ảnh như vậy được đặc trưng bởi phong cách Châu Âu của thời đó, dựa vào trí tưởng tượng của các nghệ sĩ là những người chưa bao giờ ở Ấn Độ, có thể xác định một số hoàn cảnh được nhiều người biết đến từ Cuộc Đời của Đức Phật. Những hoàn cảnh này gồm sự ra đời của đức Phật như là một thái tử, bốn cuộc gặp gỡ của ngài, sự xuất gia của ngài, Ma Vương tấn công và Đề-bà-đạt-đa chống phá.

Châu Âu không phải là điểm đến cuối cùng của câu chuyện đức Phật trong hình thức của truyền thuyết về Barlaam và Josaphat. Sự hiện hữu của câu chuyện này cũng được biết đến tại Ethiopia, có lẽ trước thế kỷ 16. Nó được ghi bởi Abba Bahrey, sử gia người Ethiopian thế kỷ 16 là người đã đề cập đến câu chuyện trong cuốn sách, có thể là bản dịch sang tiếng Ge'ez (Ethiopic) từ tiếng Hy Lạp, trong 'Thánh Thi của Christ' của ông vào năm 1528 Tây Lịch. Sau khi chính thức theo Thiên Chúa Giáo vào năm 330 Tây Lịch, các tín đồ Thiên Chúa Giáo ở Ethiopia đã bắt đầu dịch các văn bản thiêng liêng: Thánh Kinh, Tân Ước và năm quyển đầu của Cựu Ước (Pentateuch) sang tiếng Ge'ez. Nhiều tác phẩm đã được biên soạn lần đầu tiên bằng tiếng Aramaic (12) hay tiếng Hy Lạp chỉ được lưu trữ đầy đủ bằng tiếng Ge'ez như là các thánh thư của Giáo Hội Ethiopia. Có rất nhiều kinh điển còn tồn tại duy nhất bằng tiếng Ge'ez.

Bản dịch khác sang tiếng Ge'ez với tựa đề Baralam và Yewasef đã được thực hiện từ bản tiếng Ả Rập của Bar-sauma ibn Abu 'l-Faraj bởi một 'Enbiikom', hay Habakkuk (13), cho vua 'Galawdewds', hay Claudius. Nó đã được ghi niên đại 'A.M. 7045' là tương đương với năm 1553 Tây Lịch. Một bản sao còn tồn tại đã được viết vào triều đại của vua 'Iyasu II (1730-55 Tây Lịch).

Tài liệu tham khảo và đọc thêm:

- Barlaam and Iosaph. Encyclopaedia Iranica (retrieved 06.06.2019);
- Budge, E. A. W. S. Baralâm and Yêwâsêf: Being the Ethiopic version of a Christianized

recension of the Buddhist legend of the Buddha and the Bodhisattva. Cambridge: Cambridge University Press, 1923;

- Cordoni, Constanza and Matthias Meyer (ed.) Barlaam und Josaphat: Neue Perspektiven auf ein Europäisches Phänomen. Berlin, Munich, Boston: De Gruyter, 2015;
- Hayes, Will. How the Buddha became a Christian Saint. Dublin: Order of the Great Companions, 1931;
- Schulz, Siegfried A. "Two Christian Saints? The Barlaam and Josaphat Legend." India International Centre Quarterly, vol. 8, no. 2, 1981, pp. 131-143. JSTOR (retrieved 03.06.2019);
- Toumpour, Marina. Barlaam and Iosaph. A companion to Byzantine illustrated manuscripts edited by Vasiliki Tsamakda. Leiden, Boston: Brill, 2017, pp. 149-168.

Chú thích của người dịch:

(1) Thích Tuệ Sỹ, Thiền Định Phật Giáo, Khởi Nguyên Và Ảnh Hưởng, Hội Đồng Hoảng Pháp GHPGVNTN, 2022, tr. 180.

(2) Jana Igunma là Người Trông Coi Bảo Tàng Viện Henry Ginsburg cho các Bộ Sưu Tập Thái Lan, Lào và Cam Bốt tại Thư Viện Bristish Library ở London, nơi bà đã được tham gia vào việc nghiên cứu, số hóa, và trưng bày tài liệu Đông Nam Á kể từ năm 2004. Bà tốt nghiệp Cao Học Lịch Sử Đông Nam Á năm 1996 và Thư Viện và Khoa Học Thông Tin vào năm 2003 từ Đại Học Humboldt University ở Bá-linh, Đức. Các lĩnh vực chuyên môn của bà là ngôn ngữ, văn học, cổ ngữ và nghệ thuật của Thái Lan, Lào và Cam Bốt. Bà là tác giả của nhiều bài nghiên cứu và các chương sách về các bản thảo, nghệ thuật sách và lịch sử sách, may dệt, nghệ thuật trang trí và thiết kế tại lục địa Đông Nam Á. Các tác phẩm đã xuất bản của bà gồm có "The history of the book in Southeast Asia: the Mainland," Oxford xuất bản tại New York năm 2013; và "Buddhism illuminated: Manuscript art from Southeast Asia," viết với San San My, London, 2018. Bà cũng viết nhiều bài đăng trên internet. Bà là ủy viên của Nhóm Southeast Asia Library Group và thành viên của Hội Association of Southeast Asian Studies (Anh Quốc), và cũng là hội viên European Association for Southeast Asian Studies, theo www.granshan.com.

(3) Đế Quốc Kushan, có tên chữ Hán là 貴霜 (Quý Sương) là một đế quốc hỗn tạp, được thành lập bởi người Yuezhi (月氏 Nguyệt Chi) tại miền tây Trung Hoa vào thế kỷ thứ nhất Tây Lịch. Đế quốc này một thời bao trùm các lãnh thổ mà ngày nay của Uzbekistan, Afghanistan, Pakistan, và Bắc Ấn Độ, ít nhất rộng tới Saketa và Sarnath gần Varanasi (Benares) của Ấn. Đế quốc này do Hoàng Tử Kujula Kadphises (丘就卻 Khâu Tựu Khước) thành lập vào thế kỷ thứ nhất Tây Lịch và trở thành Hoàng Đế đầu tiên của Kushan. Kushan là nhà nước bảo hộ Phật Giáo, và bắt đầu từ Hoàng Đế Kanishka đã đưa thêm Bái Hỏa Giáo vào đền thờ. Kushan đóng vai trò quan trọng trong việc

truyền bá Phật Giáo tới Trung Á và Trung Hoa, theo <https://en.wikipedia.org>.

(4) Tác phẩm Stromata, là viết sai từ chữ Stromateis, có nghĩa là "Linh Tinh," được cho là của Clement of Alexandria (150 -215 Tây Lịch), là cuốn thứ ba của bộ ba tác phẩm viết về cuộc sống của tín đồ Thiên Chúa Giáo. Các bản thảo lâu đời nhất có niên đại vào thế kỷ thứ 11. Tác phẩm này có tên là Stromateis ("Linh Tinh") bởi vì nó nói đến nhiều vấn đề khác nhau, theo <https://en.wikipedia.org>.

(5) Vào năm 393 Tây Lịch, trong bộ luận dài của ông "Adversus Jovinianum," Jerome đã bác bỏ lập trường của Jovinian về hôn nhân đối với phụ nữ. Jovinian cho rằng "các thiếu nữ đồng trinh, phụ nữ góa chồng, và phụ nữ đã có chồng" đều có thân phận bình đẳng như những tín đồ Thiên Chúa Giáo. Trên cơ bản Jerome không đồng ý điều này. Ông mạnh mẽ thúc giục phụ nữ không kết hôn và giữ gìn trinh tiết. Các trường học ưu tú ngày nay phần lớn đã áp dụng một biến thể của chủ trương của Jerome, với chủ nghĩa đồng trinh nữ thay thế trinh tiết. Mặc dù vậy, tác phẩm Adversus Jovinianum của Jerome vẫn bị đánh giá thấp, theo www.purplemotes.net.

Jerome, tiếng La Tinh là Eusebius Sophronius Hieronymus, cũng được biết là Jerome of Stridon (tên một ngôi làng nơi ông sinh), sinh vào khoảng năm 342-347 và mất ngày 30 tháng 9 năm 420. Ông là Linh mục Thiên Chúa Giáo, người giải tội, nhà thần học và sử gia. Ông thường được biết đến như là Thánh Jerome. Ông nổi tiếng với bản dịch Thánh Kinh sang tiếng La Tinh và các giải thích của ông về Kinh Thánh, theo <https://en.wikipedia.org>.

(6) Niềm tin vào chủ nghĩa nhị nguyên tôn giáo hỗn hợp bắt nguồn từ Ba Tư vào thế kỷ thứ 3 Tây Lịch và dạy cách giải phóng linh hồn khỏi vật chất thông qua sự khổ hạnh, theo Từ Điển Điện Tử <https://www.merriam-webster.com>.

Để được là tín đồ Ma Ni Giáo thì phải tuân theo triết lý của Ma Ni Giáo, là tôn giáo cổ xưa phân chia mọi thứ ra thành thiện hay ác. Nó cũng có nghĩa là "nhị nguyên," vì nếu bạn là một tín đồ Ma Ni Giáo thì bạn nhìn mọi thứ bằng đen và trắng. Ma Ni Giáo đến từ chữ Mani là tên của một tông đồ sống tại Mesopotamia vào thập niên 240s Tây Lịch, là người đã thuyết giảng tôn giáo hoàn vũ dựa vào điều mà chúng ta ngày nay gọi là thuyết nhị nguyên. Manichaeism trong tiếng Trung Hoa là 摩尼教 Ma Ni Giáo, hay 明教 Minh Giáo vẫn còn tồn tại ở Trung Quốc ngày nay, theo <https://en.wikipedia.org>.

(7) Turpan, cũng được biết là Turfan hay Tulufan, tiếng Trung Hoa là 吐鲁番 (Thổ Lỗ Phiên), là thành phố cấp tỉnh nằm ở phía đông của khu vực tự trị Tân Cương tại Trung Quốc.

(8) Provençal cũng là tên quen thuộc được đặt cho phiên bản cũ hơn của tiếng Occitan được sử dụng bởi những người hát đạo trong văn học Thời Trung Cổ, khi tiếng Pháp cổ hay tiếng d'oil chỉ giới hạn ở các khu vực phía bắc nước Pháp, theo <https://en.wikipedia.org>.

9/ Rudolf von Ems sinh tại Vorarlberg ở Áo Quốc. Ông lấy tên của mình từ tòa lâu đài Hohenems gần Bregenz. Ông là một hiệp sĩ phục vụ cho Bá Tước Montfort. Các tác phẩm của ông được viết từ năm 1220 và 1254 Tây Lịch. Ông

được cho là đã chết trong lúc tháp tùng Vua Conrad IV trên đường tiến vào Ý vào năm 1254. Ông là một trong những nhà thơ uyên bác và ảnh hưởng nhất của thời đại ông, dù không phải tất cả các tác phẩm của ông đều được bảo trì, theo <https://en.wikipedia.org>.

(10) Scandinavia là tiểu khu vực tại Bắc Âu, với các mối quan hệ chặt chẽ về lịch sử, văn hóa, và ngôn ngữ giữa các dân tộc hình thành của nó. Trong tiếng Anh, Scandinavia thường chỉ cho Đan Mạch, Na Uy, và Thụy Điển. Đôi khi nó cũng có thể chỉ một khu vực hẹp hơn là Bán Đảo Scandinavian Peninsula (bỏ Đan Mạch nhưng lại gồm một phần của Phần Lan), hay khu vực rộng hơn gồm tất cả Phần Lan, Ai Nhĩ Lan, và Quần Đảo Faroe, theo <https://en.wikipedia.org>.

(11) Old Norse, Old Nordic, hay Old Scandinavian, là giai đoạn phát triển của địa phương ngữ Miền Bắc Nước Đức trước khi chúng phân ra thành các ngôn ngữ Bắc Âu. Tiếng Bắc Âu Cổ (Old Norse) được nói bởi những người định cư của vùng Bắc Âu (Scandinavia) và những nơi định cư ở nước ngoài của họ trùng hợp theo thứ tự thời gian với Thời Đại Viking (thời kỳ cướp biển và thương buôn ở Bắc Âu từ thế kỷ thứ 8 đến 11 Tây Lịch), Thiên Chúa Giáo hóa vùng Bắc Âu và sự hợp nhất của các vương quốc Bắc Âu từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ 15, theo <https://en.wikipedia.org>.

(12) Aramaic là ngôn ngữ của những phần dài của 2 cuốn Thánh Kinh của Daniel và Ezra. Đó là ngôn ngữ của Pháp Điển Do Thái.

Trong thế kỷ thứ 12 trước Tây Lịch, những người đầu tiên nói tiếng Aramaic đã bắt đầu sống tại nơi mà ngày nay là Syria, Iraq và Miền Đông Thổ Nhĩ Kỳ. Là ngôn ngữ chính thức của Đế Quốc Achaemenid (là đế quốc Iran cổ đại được thành lập bởi Cyrus Đại Đế vào năm 550 trước Tây Lịch và cũng là Đế Quốc Ba Tư Đầu Tiên), nó trở thành ngôn ngữ quan trọng nhất tại Trung Đông. Những người nói tiếng Do Thái đã mang ngôn ngữ này tới Bắc Phi và Châu Âu. Những tín đồ Thiên Chúa Giáo đã mang ngôn ngữ này tới Ba Tư, Ấn Độ và ngay cả tới Trung Hoa.

Vào thế kỷ thứ 7 Tây Lịch, tiếng Aramaic đã không còn là ngôn ngữ quan trọng nhất tại Trung Đông. Tiếng Ả Rập đã trở thành ngôn ngữ quan trọng mới. Tiếng Aramaic vẫn còn được nói bởi nhiều cộng đồng người Do Thái, người Mandaean (còn được gọi là Mandaeans Sabians hoặc đơn giản là Sabians, là một nhóm tôn giáo và sắc tộc) và một số tín đồ Thiên Chúa Giáo. Nhiều nhóm nhỏ người vẫn nói tiếng Aramaic tại nhiều vùng của Trung Đông, theo <https://simple.wikipedia.org>.

(13) Habakkuk hay Habacuc, người sống vào khoảng năm 612 trước Tây Lịch, là một nhà tiên tri có những lời tiên tri và cầu nguyện được ghi trong "Book of Habakkuk," cuốn sách thứ 8 trong 12 sách tiên tri nhỏ được sưu tập trong Thánh Kinh tiếng Do Thái. Ông được tôn kính bởi tín đồ Do Thái, Thiên Chúa Giáo, và Hồi Giáo, theo www.en.wikipedia.org.



SEN NỞ DƯỚI CHÂN NGƯỜI

*An cư là duyên khởi
Kiết hạ thêm mùa vui
Ẩn mình trong rừng trúc
Hương thiên thơm dòng trôi.*

*Lòng trở nên thanh tịnh
Đạo vàng tỏa muôn nơi
Thuyền con qua sóng cả
Sen nở dưới chân người.*

*Cây lành sinh trái ngọt
Suối nguồn hóa biển khơi
Trong vườn hoa cội phúc
Thiện căn ở tim người.*

*Khơi thêm dòng nhựa sống
Rời bóng tối vô minh
Khéo vừng tay chèo chống
Giữa đôi bờ tử sinh.*

*Bơi qua bao dòng đục
Thấy biển trời mênh mông
Lòng vui như từng bách
Giữa hạc nội mây ngàn.*

thơ

NGUYỄN AN BÌNH

PHẬT LỊCH VÀ PHẬT ĐẢN

Trần Việt Long

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

(Buddha Day is celebrated every first full moon of the ancient lunar month of Vesakha, which usually falls in May or June. This year, it takes place on May 26, 2023. To commemorate Buddha Day, I have written this article: Buddhist Era and Buddha's Birth Year).

Nhiều Phật tử hỏi người viết về sự khác biệt giữa hai con số 2567 và 2647 trên các thông báo trong Mùa Phật Đản năm 2023 nên người viết xin được trình bày văn tắt vấn đề này để phân biệt hai con số đó. Thật ra không có gì mâu thuẫn giữa năm Đức Phật đản sinh 2647 BE và năm Đức Phật viên tịch 2567 BE cả, nhưng trước hết cần phân biệt vài chữ viết tắt về niên đại. (*)

BE là Buddhist Era, niên đại Phật giáo, Phật lịch tính từ khi Đức Phật đản sinh.

CE là Common Era, niên đại Dương lịch, đồng nghĩa với CE là Christian Era, niên đại Thiên Chúa giáo tính từ khi Đức Chúa Jesus giáng sinh.

BC là Before Christ, trước Đức Chúa Jesus giáng sinh.

BCE là Before Christian Era, Before Common Era, trước Dương lịch.

Phật Đản (Buddha's birthday) căn cứ vào năm Đức Phật đản sinh cộng với năm dương lịch, tức là Ngài đã đản sinh 2647 năm trước: $624 \text{ BCE} + 2023 \text{ CE} = 2647 \text{ BE}$.

Theo Sử học thì ngày sinh của một vĩ nhân đã mở ra một thời đại mang tên tuổi của vị vĩ nhân đó; do vậy Phật lịch (BE / Buddhist Era) được tính từ ngày Đức Phật đản sinh. Nhưng một số nước Đông phương, nhất là Trung Hoa và ba nước "đồng văn dị chủng" là Nhật Bản, Nam Bắc Hàn quốc, và Việt Nam lại có truyền thống văn hóa lấy ngày từ trần làm ngày kỷ niệm và tưởng nhớ người quá vãng. Chính vì thế mà đôi khi người ta thấy một số tư viện dùng niên đại Đức Phật viên tịch để tính Phật lịch, tức là lấy năm Đức Phật đản sinh trừ đi 80 năm trụ thế của Ngài:

$$624 \text{ BCE} - 80 = 544 \text{ BCE}.$$

Tính ra Dương lịch thì Đức Phật đã niết bàn 2567 năm trước:

$$544 \text{ BCE} + 2023 \text{ CE} = 2567 \text{ BE}.$$

Cách tính Phật lịch này lý luận rằng khi Đức Phật đã thành Phật rồi thì mới tính Phật lịch chứ khi mới sinh thì Thái tử Siddhartha Gautama vẫn là người bình thường. Nếu nói như thế thì phải căn cứ vào ngày Đức Phật thành tựu giải thoát và giác



ngộ mới đúng, tức là ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo khi Ngài 35 tuổi. Ngài xuất gia năm 29 tuổi để đi vào rừng tu tập trong 6 năm và giác ngộ qua con đường Trung Đạo sau 49 ngày thiền định.

"Sáu năm khổ hạnh rừng già,
"Bảy thất nghiêm tịnh thiền tọa."

Thật ra ngày Đức Phật xuất gia cũng có sự chênh lệch giữa hai khuynh hướng lịch sử. Một khuynh hướng cho rằng Đức Phật xuất gia năm Ngài được 19 tuổi, thành đạo năm Ngài đã 30 tuổi, và hoằng pháp trong 49 năm (Thích Thiện Hoa: *Phật học Phổ thông*, Quyển 1, tr. 32-

33). Một khuynh hướng khác thì cho rằng Đức Phật xuất gia năm Ngài được 29 tuổi, thành đạo năm Ngài đã 35 tuổi, và hoằng pháp trong 45 năm (Narada Maha Thera: *The Buddha and His Teachings*, p. 6). Phật giáo thế giới hầu hết đều chấp nhận khuynh hướng này, kể cả tổ chức Liên Hiệp Quốc.

Tóm lại, có ba niên đại cần để ý và phân biệt là ngày Phật Đản, ngày Phật Thành Đạo, và ngày Phật Niết Bàn, trong đó Phật Lịch phải căn cứ vào ngày Đức Phật Đản Sinh mà thôi.

$$\text{Phật Đản và Phật Lịch: } 624 \text{ BCE} + 2023 \text{ CE} = 2647 \text{ BE}.$$

$$\text{Phật Thành Đạo: } 624 \text{ BCE} - 35 = 589 \text{ BCE và } 2647 \text{ BE} - 35 = 2612 \text{ BE}.$$

$$\text{Phật Niết Bàn: } 624 \text{ BCE} - 80 = 544 \text{ BCE và } 2647 \text{ BE} - 80 = 2567 \text{ BE}.$$

Lại có Phật tử muốn biết tại sao có nơi, có sách viết Đức Phật đản sinh năm 563 BCE và niết bàn năm 483 BCE? Sự khác biệt 61 năm này là do hai nguyên nhân.

Một là, theo niên đại truyền thống của Phật giáo thì Đức Phật đản sinh năm 624 BCE và niết bàn năm 544 BCE. Niên đại này căn cứ vào những chiếc lá bồ đề ghi lại ngày và nơi sinh của Đức Phật còn được một số tu sĩ Phật giáo Tích Lan lưu giữ.

The birth date given here [26 April 624 BCE (-623)] is based on "palm leaves in possession of certain Ceylonese priests" (tu sĩ SriLankan, tu sĩ người Tích Lan) which allegedly state that "the Buddha was born in Kaliyuga 2478, on the Full Moon day of the lunar month of Vaisakha, Tuesday, at about midday" (B.V. Raman, "Notable Horoscopes," 1991(6), pp. 9ff., footnote).

Nhưng theo truyền thống Nam Truyền Theravada thì Đức Phật đản sinh năm 563 BCE và niết bàn năm 483 BCE (Theravada Buddhist

Chronology). Niên đại này, 563 BCE và 483 BCE, được căn cứ vào cột đá do Vua A-Dục thiết lập tại nơi Đức Phật đản sinh Lâm Tỳ Ni trong giữa thế kỷ thứ 3, và vào Kinh Đại Bát Niết Bàn (Mahāparinibbāna Sutta), kinh thứ 16 trong Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya / Collection of Long Discourses), nói về những lời dạy cuối cùng của Đức Phật trước khi Ngài niết bàn, và sự cung nghinh xá lợi Đức Phật của các vương quốc trong nước Ấn Độ vào thời đó.

Hai là, trong khi hầu hết các nước thì năm Đức Phật đản sinh đều được ghi là năm thứ nhất (1) trong khi đó Lịch Sri Lanka ghi là năm zero (0) thành thử chúng ta có hai con số cách nhau một năm.

Lịch Sri Lanka: Đức Phật đã đản sinh năm 563 BCE và niết bàn năm 483 BCE.

Lịch Thái Lan: Đức Phật đã đản sinh năm 564 BCE và niết bàn năm 484 BCE.

Trong bài viết "Simple Buddhist-Christian Era Conversion Forms. May 2011" cũng ghi rõ về sự cách biệt 1 năm và 61 năm đó như sau.

According to the traditional dating the Buddha was born in 624 BC, attained Awakening 35 years later in 589 BC and entered Paribbāna in 544 BC. It is from the latter date that we take the Buddhist Era (Thailand dates it as year 1, Sri Lanka as year zero).

Most scholars now think that the actual dates should be set approx. 100 years later (there is much difference in opinion), but the dates in any case should not be taken as hard and fast, but rather as agreed times for the purposes of celebrations, etc.

Christians may not realize that the same situation applies to Christ as there was a miscalculation in the early Church and it is now believed Jesus was born between 2 and 7 years before Christ.

Thật ra ngày giờ cùng năm tháng đản sinh của Đức Phật còn có nhiều dị biệt mà nguyên nhân chính là do các tổ chức Phật giáo tại mỗi địa phương của nhiều quốc gia chọn ngày cử hành Lễ Đức Phật Đản Sinh tùy theo thời tiết và ngày trăng sáng trong quá khứ khi mà sự giao thông liên lạc giữa các địa phương còn quá khó khăn trong lịch sử nhân loại hơn hai ngàn năm trước. Ngày nay Liên Hiệp Quốc đã tuyên xưng ngày đản sinh của Đức Phật trong Lễ Vesak như là một ngày kết hợp cả ba ngày lễ quan trọng nhất của Phật giáo gồm các ngày Đức Phật đản sinh, thành đạo, và niết bàn (The Day of Vesak commemorates Buddha's birth, enlightenment, and death), và Liên Hiệp Quốc cũng ghi nhận Đức Phật đản sinh năm 624 BCE và xem năm đó là năm khởi nguyên cho Phật lịch. Phật Giáo thế giới cũng đã đồng thuận như một quy ước năm Đức Phật đản sinh là 624 BCE, tức là 2647 BE trong năm 2023.

Người viết xin được đề nghị và ước mong tất cả các tự viện Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước thống nhất ngày Đức Phật đản sinh là ngày khởi nguyên Phật lịch, 624 BCE (Before Christian Era) hay 2647 BE (Buddhist Era) của năm 2023.

Trần Việt Long

(*) Thật ra chữ đúng để chỉ sự kiện Đức Phật qua đời (death) là "viên tịch" nhưng vì để tôn kính Đức Phật, gần như mọi người đều dùng chữ "niết bàn" (nirvana, 涅槃) theo tập tục từ rất xa xưa trong khi Đức Phật sau khi đắc tam minh (túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh) thì Ngài đã đạt trạng thái Vô y dư Niết bàn vì rằng Đức Phật đã giảng rất rõ Niết bàn là tình trạng chứng đắc trong bước thứ ba (Diệt đế) của diễn trình Tứ Diệu đế (Tứ Thánh đế). Theo đó, niết (nir) là thoát ra khỏi; bàn (vana) là vô minh và phiền não. Đức Phật giảng về Niết bàn lần thứ nhất trong Kinh Chuyển Pháp Luân (Tứ Thánh đế) trong đó Đức Phật phân tích Hữu dư y Niết bàn (chưa đoạn diệt hết tam độc tham sân si và phiền não một cách rốt ráo của chư Tôn giả đạt quả vị Thất lai, Nhất lai, và Bất lai) và Vô dư y Niết bàn (thoát khỏi vô minh và phiền não hoàn toàn của chư Tôn giả A-la-hán). Đức Phật giảng về Niết bàn lần cuối cùng như là lời di giáo dành cho các đệ tử của Ngài trong Kinh Đại Bát Niết Bàn. Chữ "dư" ở đây có nghĩa là "phần còn lại / remainder." Cần phân biệt sự đau đớn của uẩn [sắc (form) và cảm thọ (feeling của thân)] là một quy luật sinh lý vật chất khác với sự đau khổ của uẩn [cảm thọ (sensation của tâm), tưởng, hành, thức] vì rằng tinh yếu của Phật học là "tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức." Không nắm vững "pháp" là gì thì khó hiểu được lời Phật dạy. Pháp là ý niệm của mình về sắc, về sự kiện, về tâm, hay nói cách khác thì pháp là cái gì gợi cho mình một ý niệm (notion, concept, mind) về nó.





Tứ cú lục bát “TRANG SỬ”

Photo by Nguyễn Văn Thông

MỘT THỜI

Một thời máu lửa đạn bom
Quê hương tang tóc, hồn hoang tru gào
Từng trang sử đầm lệ trào
Ngày im tiếng súng nghẹn ngào gọi nhau...

HƯ THỰC

Tiểu nhân khoác áo anh hùng
Trung lương chụp mũ thẳng khùng ác gian
Công thần mang ách sai oan
Thực hư hoa rác ướt trang sử hồng.

BUỒN

Đất nào xương thịt ông cha
Nước nào lệ máu chan hòa hải giang?
Nén hương thâm khóc vừa tàn
Hậu sinh ngậm chữ ướt trang sử buồn.

ĐỀ DÀNH

Lật trang sử cũ bên đèn
Vương triều suy thịnh đỏ đen trắng vàng
Gieo nhân thiện, gặt quả lành
Đường xa êm ái đề dành cho con.

PHONG SỬ

Gấm từ dân dã dân tình
Biển sông tục ngữ, miếu đình ca dao
Mồ hôi cười khóc máu đào
Chong đèn hạ bút thơ trào sử trang.

LUÂN HỒI

Chỉ là sử đã sang trang
Trí ngu hoán vị, hèn sang thay tuồng
Trả vay nhảy giữa vô thường
Ghé ngai tráo đổi, đất giường thay phiên.

ĐẬM NHẬT

Đường vào triết mộng yêu đương
Tiếng cồng vang bóng, tiếng chuông gọi hồn
Ngược xuôi dòng chảy đời tuông
Xuân qua trang sử nhật hờn đậm vui.

BÁT DIỆT

Từng trang phương sử uyên huyền
Hiển linh Bồ Tát cõi thiền Đại Bi
Chuyển pháp về, Xuất bóng đi
Như như bát khứ bất lai, vĩnh hằng.

HÀNH KHÁT

Từng trang sử giờ oai hùng
Máu tươm cùng lệ, ly phùng buồn vui
Mừng ngày mở đất sục sôi
Tưng bừng hành khát nằm ngời nam mô!

TÀNG KINH (nhại Lục Vân Tiên)

Xem qua trang sử mấy lần
Nửa phần chán ghét, nửa phần hỷ hoan
Sư kêu: "Chùa rách Phật vàng
Giá bèo mà ẩn một tàng pháp âm!"

VÀNG THAU ĐEN TRẮNG

Anh hùng quán quyết tặc gian
Tôn vinh tội ác, vu oan anh hào
Máu xương thấm nhuộm cờ đào
Lệ rơi trang sử, hoàng bào ướt nhem!

ĐỘNG & TAN

Bóng chiều động lại giếng sâu
Cây dừa già cõi gọi đầu trút sương
Lá rơi dừa cỏ tan buồn
Văn thơ trang sử mới trườn lên hiên.



VĨNH HỮU – TÂM KHÔNG

TRỞ VỀ MỤC LỤC

ĐỨC PHẬT RA ĐỜI, NHƯ MẶT TRỜI CHÓI SÁNG

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Nếu không có mặt trời, chúng ta sẽ chìm trong bóng đêm, không thể nhìn thấy gì nữa. Thế giới đã có sẵn trước mặt, nhưng chỉ khi ánh mặt trời bừng chiếu, chúng ta mới thấy tròn vẹn trước mắt. Tương tự, nếu Đức Phật không xuất hiện trong đời này, chúng ta sẽ chìm trong tăm tối, không biết tới khi nào mới nhìn thấy Pháp để tìm ra lối giải thoát. Do vậy, ngày Phật Đản cũng là ngày một thế giới giải thoát tròn vẹn được hiển lộ trước mắt cho chúng sinh trong cõi này.

So sánh Đức Phật như ánh mặt trời là từ sách Luận Đại Trí Độ của Bồ Tát Long Thọ. Bản Việt dịch của Hòa Thượng Thích Thiện Siêu (1921-2001), trong Tập 1, Chương 7, bản do Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành năm 1997 giải thích về ý nghĩa Đức Phật ra đời: "...người tuy có phước đức, trí tuệ, nhưng nếu Phật không ra đời, thì chỉ thọ báo trong thế gian mà không thể đắc đạo. Nếu gặp Phật ra đời mới có thể đắc đạo, ấy là một lợi ích lớn. Ví như người có mắt, lúc không có mặt trời, thì không thể trông thấy được, cần phải có ánh sáng mặt trời, mới trông thấy được, nên không được nói: "Ta có mắt, cần gì mặt trời"..."

Do vậy, khi ánh sáng mặt trời chói rạng, là lúc chúng ta phải bước đi trên đường giải thoát được hiển lộ ra, không phải để thuận tụy vui chơi. Chính ngay trong những Kinh nói về những điều hy hữu, trong nhóm Kinh vị tăng hữu, Đức Phật cũng nhấn mạnh và khuyến tấn về pháp tu. Truyền thống chúng ta mừng Lễ Phật Đản thường nhắc cho nhau về các sự tích phi thường để tăng tín tâm và mời nhau cầu nguyện, đôi khi lại quên nói về lời Đức Phật dạy pháp tu sau khi kể các hiện tượng rất mực bất khả tư nghì.

Như trường hợp trong Trung Bộ, Kinh MN 123, còn gọi là "Kinh Hy hữu vị tăng hữu pháp" Ngài A Nan nói tuần tự các hiện tượng phi thường khi Đức Phật ra đời, mỗi lần bắt đầu kể một chuyện phi thường là nói câu "*Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn*" và khi kể xong là nói câu "*con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn*." Thọ trì tức là ghi nhớ, tin nhận, giữ mãi trong lòng, không quên. Kinh MN 123 ghi rằng Ngài A Nan nói 19 lần như thế. Tuy nhiên, Đức



Phật cuối Kinh lại nhấn mạnh về pháp tu.

Kinh MN 123, bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu (1918-2012), trích vài đoạn như sau:

"Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Bồ-tát khi sanh ra, này Ananda, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lọng trắng được che lên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lên tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: "Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời! Ta là bậc cao nhất ở trên đời! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa". Vì rằng, bạch Thế Tôn, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn."..."

"Do vậy, này Ananda, hãy thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Như Lai. Ở đây, này Ananda, các cảm thọ khởi lên nơi Thế Tôn được biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại; các tưởng được biết đến; các tâm khởi lên được biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại. Này Ananda, hãy thọ trì việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Như Lai." (ngưng trích)

Nghĩa là, trong khi Ngài A Nan liên tục gọi các hiện tượng vượt ngoài các định luật vật lý (như Đức Phật mới sinh đã bước đi 7 bước, và nói một câu...) là hy hữu, Đức Phật đã kéo Ngài A Nan về đúng chỗ phải tu: phải liên tục thấy cảm thọ sinh, trụ, di, diệt, tương tự thấy như thế với tưởng và tâm (niệm). Trong Kinh này, Đức Phật nhấn mạnh về quan sát 3 đối tượng nơi thân tâm (thọ, tưởng, tâm). Cả hai bản Anh dịch của Sujato và Thanissaro đều dịch ba chữ này là: thọ (feelings), tưởng (perceptions), niệm (thoughts). Ngắn gọn, có thể gọi chung là **các hiện tượng sinh diệt trong tâm**. Tức là, liên tục thấy tâm.

Kinh tương đương bên Tạng A Hàm là Kinh MA 32, kể rằng Đức Phật mới sinh bước đi 7 bước, nhưng không kể chuyện chỉ tay lên trời và nói. Thêm nữa, Kinh này ghi lời Ngài A Nan kể rằng Đức Phật liên tục bảy năm suy niệm về thân không gián đoạn, và yêu cầu chư Tăng thọ trì như thế. Nghĩa là, Kinh MA 32 là lời dạy rằng **phải**

liên tục quán sát thân và tâm không gián đoạn, và như thế mới là hy hữu, là vị tăng hữu thị thắng. Bản dịch của Thầy Tuệ Sỹ, trích như sau:

"Con nghe rằng, khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, liền đi bảy bước không khiếm sợ, không kinh hãi, quán sát các phương. Nếu Thế Tôn vừa mới sanh ra, liền đi bảy bước không khiếm sợ, không kinh hãi, quán sát các phương; thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu này của Đức Thế Tôn."

"Con nghe rằng Đức Thế Tôn, trong suốt bảy năm suy niệm về thân, luôn luôn suy niệm không gián đoạn. Nếu Đức Thế Tôn trong suốt bảy năm suy niệm về thân, luôn luôn không gián đoạn; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng: *"Này A-nan, người hãy nghe Như Lai nói mà thọ trì thêm pháp vị tăng hữu này nữa. Này A-nan, Như Lai biết thọ sanh, biết trụ, biết diệt, luôn luôn biết, chẳng có lúc nào chẳng biết. Này A-nan, Như Lai biết tư và tưởng sanh, biết trụ, biết diệt, luôn luôn biết. Không lúc không biết. Cho nên, này A-nan hãy nên từ nơi Như Lai mà thọ trì thêm pháp vị tăng hữu này."* (ngưng trích)

Hơn hai thiên niên kỷ sau, các bậc long tượng đã nhận được ý chỉ của Đức Phật, nên khi viết sách hoàng pháp đã giảm yếu tố siêu nhiên để tập trung nhấn mạnh về pháp giải thoát.

Trong sách "Đức Phật Lịch Sử" – bản Việt dịch của GS Nguyễn Tâm Trần Phương Lan dựa vào bản tiếng Đức của ngài H.W. Schumann và bản Anh dịch của ngài M.O'C. Walshe, đã xóa các chi tiết siêu nhiên hy hữu, chuyện y hệt như ở một làng quê Việt Nam, trích:

"...hoàng hậu Maya đã bốn mươi tuổi, ngay trước thời kỳ lâm sản đã lên đường trở về quê song thân ở Devadaha để sinh con và nhờ mẫu thân Yasodharà bảo dưỡng. Cuộc hành trình bằng xe ngựa hay xe bò cộc cạch lắc lư trên những con đường đất bụi nóng bức khiến cho việc lâm sản xảy ra sớm trước khi về đến Devadaha. Gần làng Lumbini (Lâm-tỳ-ni, nay là Rumdai) giữa trời không có nhà cửa che chở, chỉ có được tàng cây sàla (tên khoa học Shorea Robusta) và cũng không có thầy thuốc nào lo việc hộ sản, hoàng tử ấu nhi Siddhattha sinh ra đời khoảng tháng năm, năm 563 trước CN." (ngưng trích)

Tương tự, trong sách "Đường Xưa Mây Trắng" Thầy Nhất Hạnh (1926-2022) soạn, nơi quyền 1, phần 2, chương 6, cũng không ghi lại các hiện tượng phi thường của Đản Sanh, trích:

"...Tục lệ của nước bà là người con gái có chồng phải về sinh con tại nhà cha mẹ. Trên đường đi, bà đã ghé vào nghỉ tại vườn Lumbini. Trong vườn muôn hoa đang nở rộ, chim chóc đang ca hát vang lừng. Những con công xoe đuôi rực rỡ trong nắng mai. Thấy một cây Vô ưu hoa này rực đầy cành, bà bước tới. Khi tới gần cây này, bà thấy hơi lão đạo. Bà vội đưa tay nắm chặt một cành cây vô ưu. Một giây sau đó, bà sinh em bé. Thái tử Siddhattha được các thị nữ nâng lên và bọc lại trong một tấm khăn choàng bằng lụa màu vàng. Các thị nữ biết rằng chuyển đi Ramagama

không cần thiết nữa cho nên diu hoàng hậu ra xe bốn ngựa đi trở về Kapilavatthu. Thái tử được đem tắm bằng nước ấm rồi được đặt lên giường bên cạnh hoàng hậu..." (ngưng trích)

Trong sách "Đức Phật và Phật Pháp" của Đại Đức Narada Maha Thera (1898-1983), qua bản Việt dịch của ngài Phạm Kim Khánh, cũng không có hiện tượng siêu nhiên nào trong việc đản sanh, trích:

"Nhằm ngày trăng tròn tháng năm, năm 623 trước D.L., trong vườn Lumbini (Lâm Tỳ Ni) tại Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ) bên ranh giới Ấn Độ của xứ Nepal ngày nay, có hạ sanh một hoàng tử mà về sau trở thành vị giáo chủ vĩ đại nhất trên thế gian. Cha hoàng tử là Đức Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) thuộc quý tộc Sakya

(Thích Ca) và mẹ là Hoàng Hậu Maha Maya (Ma Da). Sau khi hạ sanh hoàng tử được bảy ngày thì hoàng hậu thăng hà. Em bà là Maha Pajapati Gotami, cũng cùng kết duyên với Vua Tịnh Phạn, thay thế bà để dưỡng dục hoàng tử và gởi con là Nanda cho một bà vú nuôi chăm sóc." (ngưng trích)

Sách "Phật Học Phổ Thông" của HT Thích Thiện Hoa (1918 – 1973), trọng ấn bản Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh Ấn Hành 1997, trong Khóa Thứ Nhất: Nhân Thừa Phật Giáo, Bài Thứ 2 cũng viết đơn giản, trích:

"Đến sáng ngày mồng tám tháng tư âm lịch (trước Tây lịch 624 năm), tại vườn Lâm Tỳ Ni, cách thành Ca Tỳ La Vệ 15 cây số, Hoàng hậu Ma Da đang ngoạn cảnh, trông thấy cành hoa Vô Ưu mới nở, thơm ngát, bà đưa tay phải với hái, thì Thái Tử cũng vừa xuất hiện ngay đấy. Ngày đản sanh Thái Tử, trong thành Ca Tỳ La Vệ, cảnh vật đều vui vẻ lạ thường, khí hậu mát mẻ, cây cỏ đều đơm hoa trở trái; sông, ngòi, ruộng, giếng nước đều trong đầy; trên hư không chim chóc và hào quang chiếu sáng cả mười phương. Vua Tịnh Phạn vui mừng khôn siết mời các vị tiên tri đến xem tướng Thái Tử." (ngưng trích)

Tương tự, sách "Phật Học Cơ Bản" của Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, nơi Tập 1, Phần 1, Bài 3, ghi cũng rất đơn giản, trích:

"Đến thời khai hoa nở nhụy, theo tục lệ thời bấy giờ, Hoàng hậu phải trở về quê cha là trưởng giả Anjana ở nước Koly (Câu Ly) để an dưỡng, chờ ngày lâm bồn. Trên quãng đường đi, Hoàng hậu Maya vào vườn Lumbini thường ngoạn mùa hoa đang đua nở. Bên tàng cây asoka (vô ưu) che rợp mát, sắc màu tươi sáng, hương thoang nhẹ bay, Hoàng hậu đã hạ sanh Thái tử. Tin lành Thái tử chào đời nhanh chóng được loan truyền trong dân chúng." (ngưng trích)

Tại sao quý ngài khi viết sách đã cắt bỏ các chi tiết truyền cổ tích ly kỳ hấp dẫn như thế? Kinh SN 12.20, bản dịch của Thầy Minh Châu ghi như lời Đức Phật giải thích, nhấn mạnh vào lý duyên khởi, nghĩa là phải thấy thực tướng vô ngã:

"Do vì, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ lý duyên khởi này và các pháp duyên sanh này, nên chắc chắn vị ấy



không chạy theo quá khứ (với những câu hỏi): "Ta có mặt trong quá khứ? Ta không có mặt không quá khứ? Ta là gì trong quá khứ? Ta có mặt như thế nào trong quá khứ? Hay trước ta đã là gì, và nay trong quá khứ ta là gì?"..."(ngưng trích)

Đối với Thiền Tông, các hiện tượng siêu nhiên cũng được giản lược, có khi bỏ quên, để Đại Lễ Phật Đản trở thành một câu hỏi đơn giản: "**Thế nào là mẹ của chư Phật?**" Nghĩa là, pháp nào là mẹ của giác ngộ. Trong "Lâm Tế Ngữ Lục" của ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền (?-867), bản Việt dịch của Thầy Thích Duy Lực (1923-2000), trích:

"Chỉ có Đạo nhân vô y (tự tánh) đang nghe pháp, là **mẹ của chư Phật**, bởi vì chư Phật đều từ vô y sanh. Nếu ngộ được hai chữ vô y (không chỗ nương), Phật cũng vô đắc. Nếu thấy được như thế, tức là kiến giải chân chính... Các người, nếu muốn đi ở tự do trong sanh tử, thì phải nhận thức người đang nghe pháp đây, vốn là vô hình, vô tướng, vô căn, vô bản, không trụ xứ, mà hoạt bát rõ ràng, ứng dụng muôn thứ, chỗ dùng chỉ là không chỗ (vô sở trụ)... **Nếu niệm đã khởi chỗ nên tiếp tục, nếu niệm chưa khởi đừng cho sanh khởi.** Làm được như thế thì hơn đi hành cước mười năm. **Đừng để bất cứ nội ngoại vật nào trói buộc...**" (ngưng trích)

Đó cũng là ý chỉ của ngài Bồ Đề Đạt Ma trong Thiếu Thất Lục Môn: *Bên ngoài dứt bất muôn duyên, bên trong không còn tư lường tầm hơi manh mối gì, tâm y hết như tường vách, mới có thể vào đạo* (Ngoại tức chư duyên, Nội tâm vô đoan, Tâm như tường bích, Khả dĩ nhập đạo).

Như thế, khi đọc kỹ hai Kinh Vị Tăng Hữu, chúng ta thấy Đức Phật nhấn mạnh rằng chính liên tục nhìn thấy quán sát tâm (Kinh MN 123), liên tục quán sát thân và tâm (Kinh MA 23) mới thực sự là thông điệp dẫn sanh, là chiếu tia sáng mặt trời để thấy Tâm Giải Thoát hiển lộ. Và nơi Tâm Giải Thoát đó, theo Thiền Tông, chính là tâm không dựa vào đâu, tâm không trụ vào đâu, tâm lặng lẽ tỉnh thức lìa trói buộc, mới chính là khi Đức Phật ra đời. Đó mới thực sự là Hoa Đàm Ngát Hương.

THAM KHẢO:

Kinh MN 123: https://suttacentral.net/mn123/vi/minh_chau
Kinh MA 32: https://suttacentral.net/ma32/vi/tue_sy
Kinh SN 12:20: https://suttacentral.net/sn12.20/vi/minh_chau



KHÔI BÀN GÀN-XA

Cõi Ta-bà chúng sanh tâm động
Nếu mọi người tỉnh mộng tu hành
Thời trần thế khỏi gian nan
Do sân, si, hận mà sanh họa đầy
Cuộc nhân sanh nổi dậy oan nghiệt
Bể trầm luân kết hợp lại tan
Trải bao đổ vỡ hoang tàn
Mà sao thiên hạ vẫn mê man hoài!
Ta gặp nhau một ân hai oán
Trên đường tu hóa giải nghiệp xưa
Cần trọng từ miệng-ý-thân
Sám hối nghiệp chương lỗi lầm từng gây
Sống tỉnh thức ngăn ngừa xấu ác
Rải tâm từ đến khắp tha nhân
Phật đạo đã sẵn móng nền
Ta xây thiện nghiệp trên thềm từ bi
Đường trần vững bước tìm chân lý
Kinh kệ Phật ban chỉ rõ ràng
Vô minh khi đã vén màn
Ta-bà - Cực lạc khỏi bàn gàn xa
Còn bờ nào nữa chia ngăn
Ba ngàn thế giới không ngoài Tâm đây!

thơ DIỆU VIÊN

The Story of a Bhikkhu Who Killed a Swan (Hamsa)

Dhammapada, Verse 362

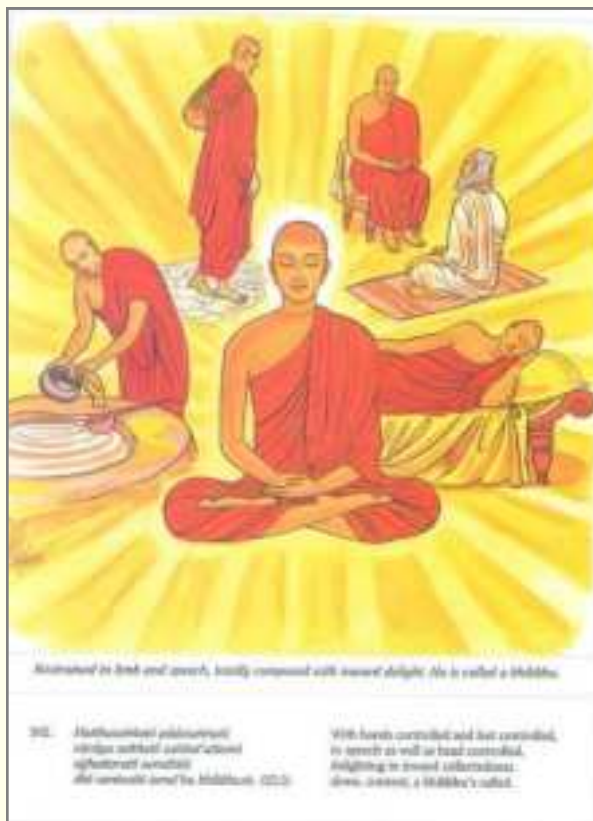
While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (362) of this book, with reference to a bhikkhu who killed a swan.

Once there was a bhikkhu who was very skilful in throwing stones; he could even hit fast-moving objects without fail. One day, while sitting with another bhikkhu after having their bath in the Aciravati River, he saw two swans flying at some distance. He told his friend that he would get one of the swans by throwing a stone at it. At that instant, the swan, hearing voices, turned its neck and the bhikkhu threw a pebble at the bird. The pebble went through one eye and came out of the other eye of the bird. The bird cried out in pain and agony and dropped dead at the feet of the young bhikkhu.

Other bhikkhus seeing the incident took the young bhikkhu to the Buddha. The Buddha reprimanded him and said, "My son, why have you killed this bird? Why especially you, a member of my Order, who should be practising loving-kindness to all beings and who should be striving ardently for liberation from the round of rebirths? Even during the period outside the Teaching, the wise practised morality and observed the precepts. A bhikkhu must have control over his hands, his feet and his tongue."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 362: He who controls his hand, controls his foot, controls his speech, and has complete control of himself; who finds delight in Insight Development Practice and is calm; who stays alone and is contented; — him they call a bhikkhu.



Attained to firm and speech, bodily composed with inward delight, he is called a Bhikkhu.

362. *Handhantamhi pāṇamantam
vācāntam attamantam
sammantam bhikkhuṃ*

*With hands controlled and feet controlled,
in speech as well as heart controlled,
delighting in inward contemplation,
dwelling in peace, a Bhikkhu's called.*

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.

NGỌC BẦU TRONG ÁO

Thuở xưa có một thanh niên
Tinh tình hiếu khách, khắp miền kết giao
Nhà giàu, con đại phú hào
Bạc tiền, của cải kẻ sao cho vừa.
Chuyện làm ăn chàng chẳng ưa
Chỉ vui họp bạn, say sưa qua ngày.
Năm hai mươi tuổi buồn thay
Cha chàng bệnh nặng không may qua đời
Lâu nay chàng chỉ rong chơi
Làm ăn buôn bán có đời nào hay,
Gia tài chấp cánh dần bay
Ngoảnh đi ngoảnh lại trắng tay mất rồi
Đành lê bước khắp phương trời
Tìm thăm bạn cũ từ thời xa xưa.
Người tiếp đón, kẻ tiền đưa
Trần đầy tình nghĩa, dư thừa thủy chung
Nhưng chàng đi khắp các vùng
Lòng riêng tự ái chẳng dừng chân lâu
Ghé thăm chỉ một lần đầu
Rồi không trở lại tìm nhau sợ phiền.
Một ngày đói khổ triền miên
Sức tàn, lực kiệt giữa miền xa xăm
Chàng bèn lê bước ghé thăm
Một người bạn cũ lâu năm thân tình,
Bạn chàng tiếp đón nhiệt thành
Tiệc tùng ăn uống linh đình cùng nhau
Vui buồn tâm sự trước sau
Thăng trầm cuộc sống, khổ đau trường đời
Im lìm chàng chẳng hé lời
Giấu ngày khốn khổ, giấu thời tàn phai
Dù cho đáng vẽ bề ngoài
Bàn cùng lộ rõ, giấu ai dễ nào.

Một chiều uống rượu vườn đào
Đôi bên chủ khách rượu vào lời ra
Cùng nhau than thở gần xa:
"Nhân tình thế thái sao mà chán thay!"
Voi đầy cạn chén mau say
Bao nhiêu tâm sự trút đầy theo men
Chẳng bao lâu chàng say mềm
Bạn dìu vào ngủ. Ngồi bên trông chừng
Ngắm chàng thấy vẻ bản cùng
Nhớ ơn thuở trước đã từng giúp nhau
Giờ mình hưởng cảnh sang giàu
Đền ơn, giúp bạn qua cầu gian truân.
Biết chàng tự ái vô cùng
Nếu công khai giúp chàng không nhận nào
Chủ nhà lặng lẽ đi vào
Nghĩ suy tìm cách khéo sao giúp người

Phòng riêng mở tủ tìm tòi
Chọn viên ngọc quý, hiếm hoi, đắt tiền
Khâu vào gấu áo bạn hiền:
"Ngọc này giúp sống bình yên trọn đời!"
Hôm sau vừa lúc sáng trời
Anh chàng thức dậy ngỡ lời biệt ly
Bạn dù giữ, vẫn ra đi
Nào đâu ở lại làm chi thêm phiền.
Kể từ khi đó triền miên
Giang hồ lưu lạc khắp miền đặt chân
Màn trời chiếu đất lê thân
Lang thang cực khổ kiếm ăn qua ngày.

Một hôm lạc bước chốn này
Tìm nhà trưởng giả dừng đây xin làm
Đổ mồ hôi, góp sức tàn
Kiếm ngày hai bữa vô vàn xót xa.
Một hôm có khách ghé nhà
Phú ông niềm nở chạy ra đón chào,
Chàng làm công ngọc nhiên sao
Nhận ra bạn cũ vườn đào thân thương.
Khách xa sừng sốt vô cùng
Hỏi chàng: "Sao lại ra nông nổi này?"
Hai năm gặp gỡ trước đây
Giúp anh ngọc quý, sao nay vẫn nghèo
Vẫn tang thương, vẫn tiêu điều
Hay là ngọc quý mất tiêu chốn nào
Thử tìm gấu áo xem sao?"
Anh chàng nghe nói ngỡ nào giấc mơ
Sờ vào gấu áo đâu ngờ
Ngọc kia còn đó sẵn chờ chàng thôi
Nghẹn ngào chàng khẽ thốt lời:
"Bây lâu mê muội sống đời ngu si
Ngọc trong tay chẳng biết gì
Để rồi khổ mãi! Trách chi Phật, Trời!
U minh che lấp trí người
Khùng điên hạng nhất trên đời là tôi!"

Từ lâu Phật đã dạy rồi:
"Chúng sanh Phật tánh sẵn nơi thân này,
Tương lai thành Phật một ngày
Riêng ta là Phật giờ nay đã thành.
Chúng sanh tu khéo tâm mình
Tương lai cũng sẽ trở thành Phật thôi!"

 **TÂM MINH
NGÔ TĂNG GIAO**
(Thi hóa Truyện Cổ Phật Giáo)

Cứu người bị giặc cướp

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Khi chưa thành Đạo, đức Phật Thích Ca có một kiếp làm một người lái buôn, tên là Đại Bi, đức hạnh hoàn toàn, tài trí hơn người.

Một hôm, Đại Bi cùng năm trăm người khác đi thuyền ra biển tìm châu báu. Thuyền đang đi giữa biển thì gặp một bọn cướp bề dưới theo, định giết hết cả những người trong các thuyền để cướp giết của cải. Quân cướp đuổi theo một lúc một gần, và reo hò vang dậy một góc biển. Những người lái buôn sợ hãi quá, kêu la rất thảm thiết. Phen này họ chắc chết mà thôi, không còn được thấy mặt vợ con nữa.

Đại Bi thấy thế mới nghĩ rằng: "Nếu ta giết bọn cướp này, thì ta sẽ mang tội sát nhân, nhưng nếu ta để cho chúng giết hết năm trăm người thì lòng ta không nở. Thôi thì ta chịu tội sát nhân một mình mà cứu được năm trăm người khỏi chết, vừa cản ngăn được những việc làm tàn ác của quân cướp để gỡ tội cho chúng nó sau này".

Tuy nghĩ thế, nhưng Đại Bi chưa ra tay liền. Người đứng lên trên mũi thuyền to, lấy lời ôn hòa mà khuyên lơn bọn cướp, nhưng bọn này quen thói hung tàn, không nghe lời Đại Bi nói cứ hăm hồ hung hăng xông tới quyết giết hết cả con buôn. Đại Bi liền nhảy qua thuyền quân cướp, một mình địch với cả bọn, vùng vẫy nhanh lẹ và oai phong như một người tướng tài ra trận. Quân cướp biết thế không địch nổi, liền hè nhau quay thuyền chạy trốn.

Năm trăm người thoát chết, vui mừng khôn xiết, liền quỳ xuống tạ ơn Đại Bi, rồi cùng trương buồm cho thuyền trở lại quê nhà.

Lược sử PHẬT TỔ:

"Hạnh từ bi của Phật giáo phải đi đôi với trí tuệ và dũng cảm."



MƯỚP XÀO

Nguyên liệu:

- Mướp 4-6 quả, ¼ quả ớt ngọt đỏ, ¼ quả ớt ngọt xanh
- Tỏi, gừng, gia vị

Cách làm:

- Mướp cắt bỏ hai đầu, gọt vỏ, cắt thành miếng xéo nhỏ.
- Ớt ngọt xanh và đỏ cũng cắt thành những miếng nhỏ, kích thước bằng mướp.
- Tỏi, gừng đập dập.
- Phi thơm tỏi và gừng cùng ít dầu ăn, cho ớt các loại vào đảo, đợi khi ớt gần chín đổ mướp vào xào nhanh tay.
- Nêm nếm gia vị hay hạt nêm, và nhanh chóng bắc chảo mướp xuống, nếu xào lâu quá mướp nhũn mất ngon.

Mách nhỏ:

- Mướp rất giàu vitamin B1, vitamin C và các dưỡng chất khác có công dụng làm trắng da, duy trì sắc đẹp ở phụ nữ.
- Món mướp xào ớt nếu ăn tuần 3 lần có thể loại bỏ tàn nhang, giúp da trắng dần, mịn màng, ít nếp nhăn.
- Từ quả mướp có thể luộc chặt còn 1 bát con hay ép lấy nước uống, giúp da mặt trắng sáng rất nhanh, và còn ngăn ngừa được mụn.

Source: Hàn Giang
(Bếp chay thanh nhẹ)



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



THANH TỊNH TỪ TÂM

Hòa thượng người Vĩnh Long, thế danh ban đầu là Hữu Phước, sau đổi thành Thanh Từ. Sau mấy năm làm điều ở chùa Phật Quang và được thầy Thiện Hoa cho thể phát xuất gia. Hòa thượng trải qua thời gian dài tu học khắp các trường sơ đẳng cho đến cao đẳng Phật học.

Công hạnh lớn lao nhất là đã phục hoạt dòng thiền Trúc Lâm của Đại Việt, hơn sáu mươi ngôi thiền viện với danh tự: Thường Chiếu, Viên Chiếu, Linh Chiếu, Huệ Chiếu... trải dài từ nam chí bắc và ra khắp hải ngoại; dựng lại chùa Lân, cái nôi Trúc Lâm Yên Tử. Hòa thượng cũng độ hơn tám vạn bốn ngàn đệ tử tại gia và xuất gia. Hòa thượng còn dịch kinh luận, chú giải, viết sách: Bát đại nhân giác, Thiền đốn ngộ, Tham thiền Yếu chỉ, Thiền sư Việt Nam...

Điều đầu tiên khiến hàng tứ chúng kính ngưỡng thầy là nụ cười hiền hòa, khiêm cung và suốt đời sống thanh bần tri túc. Hòa thượng là một tấm gương sáng cho sự tinh tấn trong thiền môn. Hòa thượng thật xứng với pháp danh của ngài, sống từ tâm và thanh tịnh.

Hàng Phật tử sơ cơ chẳng nhớ gì cao siêu thâm mật, nhiều người trong số họ chỉ nhớ mỗi câu này của hòa thượng mà được lợi lạc không ít:

- Vì yêu quý cái đây da hôi thúi này mà tạo bao nhiêu nghiệp xấu để rồi đến nỗi mất luôn cái đây da đó, như vậy có phải uống lắm không quý vị?

THANH TỊNH TĨNH TẤN TU PHỤC HOẠT TRÚC LÂM TỔNG GIÁO DƯỠNG HÀNG TỨ CHÚNG TỪ TÂM TẶNG TRƯỞNG TÍN DŨNG LẬP ĐẠI VIỆT THIÊN LUẬN THUYẾT NGŨ BỌ KÍNH.



QUẢNG KHẮP NGUYỆN CÙNG

Con cháu tộc Giao Châu dạt ra ngoài biển tây kể từ sau cuộc nội chiến điều linh, dù sống xa cổ quận nhưng văn hóa, truyền thống và tín tâm không thể hoại. Thế là mọi người lại dựng chùa, lập viện để phụng thờ Tam Bảo, giữ gìn căn cước của mình.

Những năm tháng về sau lại lập ra bốn bảo để hoằng dương chánh pháp cũng như văn hóa, khổ nỗi kinh phí ngày càng eo hẹp, nhiều người thờ ơ, những tưởng tờ báo sẽ sập tiệm, nào ngờ trong hàng nữ lưu có một vị có tâm lượng còn rộng hơn cả trượng phu. Người ấy đứng ra bảo trợ cho bốn bảo, bảo trợ in ấn Đại Tạng Kinh, công đức lớn như vậy nhưng tánh tình lại rất từ tốn và khiêm cung. Khi vị chủ bút đề nghị vinh danh thì vị nữ lưu ấy một mực từ chối, điều này càng khiến cho người cảm phục hơn.

Vị nữ lưu này vốn là một Phật tử thuần thành, có tâm từ bi nên mới khuyến khích thiên hạ ăn chay và đã thành lập nên hệ thống nhà hàng chay có tiếng ở đất Cali.

QUẢNG KHẮP QUẦN SANH CHAY TỊNH ẨM THỰC TRƯỞNG DƯỠNG TỬ BI TỌN TRONG SỰ SỐNG NGUYỆN CÙNG TỨ CHÚNG BẢO TRỢ CHÁNH PHÁP VUN BÔI TRÍ HUỆ IN ẤN TẠNG KINH.

ĐỘ

Có anh Phật tử ở một chùa nọ, hàng ngày mưu sinh nhưng cuối tuần thì về chùa lễ Phật nghe kinh, khổ nỗi anh ta có tánh thích cá độ, mua số, chơi game trên máy cờ bạc... Anh ta biết rõ là việc bất thiện nhưng chưa bỏ được. Một hôm thầy cười:

- Muốn vãng sanh Tịnh Độ nhưng thích cá độ, dù chỉ ở mức độ chút chút thì Phật cũng không thể nào độ được!

Anh ta gãi đầu, mặt đỏ bừng, miệng lí nhí:

- Trình độ của con kém quá, tuy không phải chơi quá độ hay vô độ nhưng cứ như thế thì ế độ và khó mà rời được quốc độ này!

Phật tử ngồi chung quanh cười rần rật, một vị thức giả trong chúng bèn ứng khẩu:

Cá độ chơi chơi chẳng độ sâu

Quốc độ Sa Bà ế độ lâu

Tự độ trước khi cầu Phật độ

Tịnh Độ tại tâm chỗ nhiệm mầu.

PHÁO

Hôm Tết có người mua một thùng pháo đem về quê bán hồng kiếm chút lời, nào ngờ bị quản lý

thị trường ập vào nhà bắt quả tang. Pháo bị tích thu rồi còn bị phạt tiền và đe dọa bỏ tù. Người ấy mếu máo van xin:

- Người ta bán giàn trời, tui chỉ bán chút này kiếm vài đồng tiêu Tết!

Bọn quản lý nạt:

- Luật là luật, không nói lời thôi!

Xin không được, người ấy tức mình đứng lên đồng đặc:

- Cỗ ngon thì tới thủ đô mà bắt, pháo chất đầy ra đây!

- Mày có chứng cứ gì không?

- Có, cứ mỗi kỳ họp quốc hội họ đem pháo ra nổ tung bùng.

Bọn quản lý thị trường nghe thế cũng phì cười, bảo nhau:

- Có cho uống thuốc liều mật gấu chúng ông cũng không dám rớ vào thứ pháo ấy!

Thiên hạ nghe chuyện cười khoái trá:

Quốc hội họp hành pháo nổ vang

Ông nọ bà kia mặc sức phang

Đao to búa lớn lời sang sảng

Dân cười rộn rã miệng nhà quan.

TÀU TƯỚNG

Thân làm tướng nhưng y vốn phổi bò ruột ngựa, chẳng tài cán chi, chỉ chuyên trình diễn trò cao bồi bắn súng. Cuộc chiến sắp tàn, y đánh hơi nguy hiểm, ngoài mặt to mồm:

- Anh em binh sĩ hãy chiến đấu tới cùng, tôi cùng mọi người tử thủ!

Gào xong y ca bài tàu mã, gom hết tài sản và đưa gia đình bỏ chạy, để mặc quân dân ở lại chịu trận.

Vài mươi năm sau y đánh hơi đồng bèn quay về kiếm ăn, thấy xénh xáng bên Tàu chơi trò ngoại giao bóng bàn, y bèn chơi ngoại giao đánh golf. Mặc dù trình độ chơi của y trội hơn hẳn nhưng y già vờ thua và xun xoe:

- Xưa đại ca thắng em, nay lại thắng nốt!

Bọn kia tuy biết y nịnh nhưng cũng sướng rôm người bèn ban cho y chút tài lộc và danh hào để chiêu dụ những kẻ khốn khác. Vài huynh đệ ngày xưa của y hận:

Gạt người chiến đấu tàn hơi

Riêng ông bỏ chạy trò chơi điểm đàng

Một thời rước thịt huỳnh hoang

Tiếng đời bia miệng đến ngàn năm sau.

TAM QUỐC ĐỘ

Đại Bàng, Hồng Long và Bạch Hùng cát cứ chia ba thiên hạ. Bạch Hùng và Hồng Long cấu kết nhau để đối chọi Đại Bàng, tuy liên minh nhưng trong lòng kẻ nào cũng âm mưu hại nhau để tranh bá. Khi Bạch Hùng đem quân xâm lăng Hoa Dương thì Đại Bàng phản đối còn Hồng Long tích cực ủng hộ. Đàn em Hồng Long có kẻ lo xa:

- Đại ca giúp Bạch Hùng, nhờ hần thắng và mạnh lên thì bất lợi quá!

Hồng Long nghech mép cười khinh khinh, xoa đầu đứa thủ hạ:

- Chú em biết một mà không biết hai, ta chỉ giúp cho hần đánh đến tàn hơi và Đại Bàng hao tài tổn lực chứ đời nào giúp cho hần thắng! Người có biết câu: "Cò ngao tranh đấu ngư ông đắc lợi" không?

Thằng đàn em mắt chớp chớp cảm động:

- Đại ca quả là quả là sáng suốt, thật không

VÒNG QUAY VŨ TRỤ

*Con gió nào hổi lỗi
Lướt vào đêm chưa sâu
Nghe tự lòng sám hối
Thối đi tiếng kinh cầu*

*Vàng mây nào bay mãi
Mang hoài những hợp tan
Rải bao điều oan trái
Vào thiên thu dặm ngàn*

*Trăng kia tròn mấy buổi
Cho nguyệt rằm thành thơ
Trăng khuyết mờ chủ cuội
Sao rơi xóa ơ hồ*

*Vàng dương trao nhịp sống
Biển cùng sông reo ca
Bài hát cho huyền mộng
Tan vào cõi ta bà.*

thơ QUY HỒNG

hổ danh bốn vàng mười sáu tốt, cảm ơn đại ca đã ban cho trà Tàu.

SAO KHÁ NỔI

Sau khi cu Thỏ được bế lên ghế chủ tiệm nước, bạn bè cùng học ngày xưa xôn xao dữ lắm, không ít kẻ hãnh diện lây. Bạn bè bên ngoài cũng chúc mừng xã giao, tuy biết là vậy nhưng cu Thỏ vẫn sướng rôm cả người, dù thật ở hay giả dối thì ta cũng ngồi trên đầu thiên hạ ở xứ này.

Thằng Văn, bạn học từ hồi còn mặc xà lòn, bần bì, tạt lon nên trình độ, năng lực, tư cách, tánh tình... đều rành sáu câu:

- Tiệm nước vũ như cần, cứ theo lối mòn đi như ngựa bịt hai mảnh da che mắt mà kéo xe.

Nghe thế thằng Cư nhảy vô:

- Chủ quán, quán nước, khách khứa, hàng họ vẫn nhiều đó thì phát gì nổi!

Con Hường bạn học thời mới lớn, giờ cũng là ông nọ bà kia. Thiên hạ xưa nay thường khi để: "đàn bà đá không khỏi ngọn cỏ" nhưng tầm nhìn con Hường có khác:

- Thời thế đã khác mà quán nước vẫn sơn đỏ lôm, lại chưng toàn dao găm, mã tấu, lưỡi lê, lưỡi mác... thì bổ thẳng nào dám chơi? Sao khá nổi?



Steven N
Georgia, 04.23



PHÒNG NGỪ SÂU RĂNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Từ thời cổ La Mã, Hy Lạp, các thầy thuốc đã thấy có sự liên hệ giữa thức ăn và bệnh của răng. Vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên, Aristotle đã quả quyết ăn trái vả (figs) là một trong những nguyên nhân làm hư răng.

Ngày nay, nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng sự ăn uống và thức ăn có vai trò lớn đối với sự mọc răng, sự vững chắc của răng cũng như các bệnh răng-miệng. Thành phần dinh dưỡng của một món ăn, cách tiêu thụ món ăn đó cũng có thể ngăn ngừa hoặc gây ra bệnh cho răng. Ngược lại, tình trạng tốt xấu của răng – miệng cũng có ảnh hưởng vào dinh dưỡng của cơ thể.

Sự mọc răng

Con người có hai thời kỳ tạo răng.

Ngay từ khi bào thai mới được 2 hoặc 3 tháng, răng đã bắt đầu thành hình. Sau khi sanh, từ tuổi 6 tháng tới 30 tháng, răng nhú ra và tăng trưởng. Đây là lớp răng sữa gồm có mười chiếc cho hàm trên và hàm dưới.

Rồi tới khoảng 6 tuổi thì răng vĩnh viễn thành hình với toàn bộ từ 28 tới 32 chiếc, tùy theo 4 răng khôn có mọc ra hay không.

Các chất dinh dưỡng mà người mẹ tiêu thụ cần đầy đủ cho sự cấu tạo và tăng trưởng của thai nhi.

Đạm, chất căn bản của mọi loại tế bào, trong đó có răng, là chất phải có đầy đủ trong thời kỳ mẹ mang thai. Bình thường, bà mẹ ăn khoảng 50gr đạm một ngày. Giai đoạn mang thai cần ăn thêm 10gr đạm dành cho thai nhi. Thiếu đạm, có nguy cơ răng sữa không nhú được mà sau này còn dễ bị hư răng.

Người mẹ cũng cần tăng số lượng calcium trong thực phẩm lên khoảng 1200mg/ ngày để giúp thai nhi tạo mầm răng. Thiếu calcium trong thời kỳ tạo răng và xương hàm đều đưa tới răng không hoàn chỉnh, quá liên với nhau hoặc kém phẩm chất.

Đồng thời cũng cần gia tăng sinh tố D để calcium dễ được ruột hấp thụ. Thiếu sinh tố D, men răng xấu, có vết rạn dễ đưa tới hư răng.

Sinh tố C kích thích sản xuất chất tạo keo collagen mà chất này rất cần thiết cho việc tạo chất ngà răng (dentin).

Sinh tố A để tạo chất keratin cho men răng (enamel). Thiếu sinh tố A làm men nứt, xương hàm kém phát triển khiến răng mọc không ngay hàng.

Fluor làm cứng răng trong thời kỳ tạo răng và để ngừa hư răng sau này;

Iod giúp răng mau nhú.

Nói chung về dinh dưỡng, người mẹ phải tiêu thụ thêm khoảng 300 calori mỗi ngày, với các thực phẩm đa dạng, đầy đủ chất dinh dưỡng.

Người mẹ cũng nên tránh không dùng một vài thứ trong khi có thai để tránh ảnh hưởng tới thai

nhi. Thí dụ như không uống thuốc Tetracycline để răng con không mang màu vàng xin vĩnh viễn.

Và sau khi đứa trẻ chào đời cho tới suốt thời kỳ lớn lên và phát triển, sự vững chắc và toàn vẹn của răng tùy thuộc rất nhiều vào chế độ dinh dưỡng và sự chăm sóc răng miệng.

Răng có thể bị sâu răng, rụng; nha chu có thể bị viêm làm tổn thương tới răng.

Sâu Răng

Năm 1986, khi khai quật một ngôi mộ cổ bên Ai Cập, người ta đã thấy một hàm răng có chiếc răng được nhét một mẩu kim loại vào thân răng. Các nhà nghiên cứu suy luận rằng, vị cổ nhân này nhét mẩu kim loại vào răng để ngăn cho con sâu khòi vào nằm trong đó mà phá răng. Như vậy thì bệnh sâu răng không phải là mới lạ, mà vốn đã xảy ra từ ngàn xưa.

Ngày nay, y khoa học đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề liên quan đến bệnh sâu răng, nêu ra rất rõ ràng về những nguyên nhân gây sâu răng cũng như có nhiều phương thức phòng ngừa hữu hiệu.

1. Diễn tiến sâu răng

Sâu răng là một loại bệnh nhiễm khuẩn. Quan sát các động vật không có vi khuẩn trong miệng đều cho thấy chúng không bị sâu răng.

Trong bệnh này, các sản phẩm chuyển hóa acid hữu cơ sinh ra do tác dụng của vi khuẩn trên thực phẩm dính kẹt trong răng miệng, làm mất dần calcium ở men răng. Từ đó răng bị xói mòn phá hủy dần dần.

Sâu răng có thể xảy ra cho bất cứ răng nào trong miệng cũng như bất cứ phần nào của răng. Răng mới mọc dễ hư hơn răng đã có từ lâu, vì thế khi mới mọc răng sữa hoặc răng thường là phải săn sóc kỹ hơn.

Vi sinh vật trong miệng làm hư răng nhiều nhất là loại Streptococcus Mutans, rồi đến loại Lactobacillus casei và Streptococcus sanguis.

Sâu răng diễn ra như sau:

Sau khi ăn một món thực phẩm nào đó, thì một phần nhỏ thực phẩm dính lại trên răng hoặc giữa các kẽ răng, tạo ra một mảng bọt (plaque). Bọt này là môi trường dinh dưỡng tốt cho vi khuẩn sinh sản. Bọt là hỗn hợp của 70% vi khuẩn và 30% chất đường, acid. Lâu ngày, calcium đóng vào bọt, cứng hơn, bám chặt vào răng và nước bọt. Tại đó, vi khuẩn làm thực phẩm lên men, sinh ra acid lactic. Acid ăn mòn chất bảo vệ men răng, vi khuẩn xâm nhập được vào cấu tạo răng để hủy hoại.

Cao điểm của tác hại là nửa giờ đầu sau khi ăn với mức độ acid lên cao nhất. Diễn tiến này xảy ra rất âm thầm, đôi khi kéo dài cả vài năm và không gây đau đớn gì cho nạn nhân cho tới khi răng hỏng.

2. Dinh dưỡng với sâu răng

Thực phẩm các loại khi kẹt lại trong răng đều bị vi khuẩn chuyển hóa. Thời gian kẹt lại càng lâu thì lại càng có hại.

Carbohydrat dễ lên men như các loại đường sucrose, fructose, maltose, lactose; mật ong, đường vàng, mật mía; trái cây tươi, khô hoặc đóng hộp; nước ngọt... đều là những món ăn ưa thích của vi khuẩn. Chỉ một chút đường trong bánh kẹo cũng đủ làm cho các món này dính lâu trong miệng, tạo điều kiện thuận lợi cho tác dụng của vi khuẩn.

Quan sát cho thấy người hay dùng chất ngọt bị hư răng nhiều gấp 12 lần người ít dùng. Đường hóa học saccharin, aspartame, cyclamate không làm hư răng; đường xylitol, sorbitol trong rượu không lên men lại được coi như bảo vệ răng.

Chất đạm trong thịt, trứng, cá; chất béo, và loại pho mát có tác dụng bảo vệ răng khỏi sâu.

Chất béo tạo ra một lớp dầu mỏng che răng nên có tác dụng làm giảm tác dụng của đường, làm giảm độ dính của thực phẩm vào răng miệng.

Thực phẩm có nhiều xơ như dưa gang, rau diếp... giúp làm sạch răng và loại bỏ mảng bám vôi.

Thực phẩm không gây sâu răng là loại khi ăn không làm tăng nồng độ acid của nước miếng.

Ăn uống nhiều lần (ăn vặt) trong ngày cũng làm thay đổi độ acid/kiềm của nước miếng và ảnh hưởng tới sự sâu răng. Thí dụ ăn nằm cái kẹo một lúc rồi súc miệng thì ít có hại hơn là lai rai ăn số kẹo đó trong ngày. Ăn quà vặt cũng là một nguy cơ sâu răng vì độ acid trong miệng lên cao độ nhiều lần trong ngày.

Cần nhớ là mỗi lần một lượng nhỏ carbohydrat dễ lên men được đưa vào miệng là độ acid trong nước miếng tăng lên cao và ăn mòn men răng.

Thực phẩm ăn xen kẽ cũng có ảnh hưởng tới khả năng gây sâu răng. Thực phẩm gây sâu răng mà ăn xen kẽ với thực phẩm không gây sâu răng thì sẽ tốt hơn. Chuối thường hay dính răng, dễ đưa đến sâu răng, nhưng kèm theo ly sữa thì tác dụng xấu giảm đi. Tráng miệng với miếng bánh ga-tô dính răng mà sau đó lại nhai miếng pho mát Thụy sĩ thì miệng sạch mau hơn. Sữa có nhiều calcium, phosphore nên có tác dụng trung hòa với thực phẩm dễ gây sâu răng, như đường.

Dạng lỏng hay đặc của thực phẩm cũng là một yếu tố quan trọng.

Thực phẩm lỏng rời miệng mau hơn món ăn đặc nên độ acid cũng thấp hơn. Một cục kẹo cứng ngậm trong miệng cho tan dần tạo ra môi trường thuận lợi cho vi sinh vật. Kẹo cao su không đường nhai lâu làm tăng nước miếng và rửa sạch răng. Ngó rang có nhiều chất xơ, ít carbohydrat lên men nên cũng tốt cho răng.

Nước bọt có vai trò quan trọng trong sự tiêu hóa cũng như bảo vệ răng. Có ba tuyến nước miếng là tuyến mang tai, tuyến dưới lưỡi và tuyến dưới hàm.

Nước bọt có tính kiềm mà nhiệm vụ chính là giữ độ ẩm cho miệng, giúp tiêu hóa thực phẩm, giảm thay đổi acid trong miệng và tiêu hóa tinh bột. Nước bọt có nhiều calcium và phosphore cho nên sẽ trung hòa acid do vi khuẩn tạo ra. Sự nhai làm tăng nước bọt. Ngửi hoặc nhìn thấy món ăn ngon thơm cũng làm chảy nước miếng.

Sự tiết nước miếng giảm trong khi ngủ cho nên miệng thường khô, và cũng giảm trong một vài

chứng bệnh hoặc do tác dụng của vài dược phẩm như thuốc trị kinh phong, trầm cảm, dị ứng, cao huyết áp, thuốc có chất á phen, các tia phóng xạ trị liệu.

3. Phòng ngừa sâu răng

Sâu răng có thể xảy ra ở mọi lứa tuổi, nhứt là khi còn thơ ấu. Sự chăm sóc những răng sữa liên quan đặc biệt tới sự tăng trưởng của hàm răng khôn sau này. Răng sữa giúp trẻ nhai thực phẩm, giữ cho hàm ở vị trí tốt cho răng vĩnh viễn. Răng tạm thời mà rụng sớm thì khoảng trống sẽ bị các răng lấp vào và choán chỗ của răng khôn. Răng sữa có thể bị hư khi mới hai tuổi, vì thế cha mẹ cần lưu ý chăm sóc răng cho con.

Về dinh dưỡng, thì nên cẩn thận với thực phẩm có nhiều đường ngọt.

Mặc dù đường ngọt đã được chứng minh là nguy cơ số một gây sâu răng, nhưng khuynh hướng chung của chúng ta vẫn là thích các món ăn ngọt. Khuynh hướng này đặc biệt nguy hiểm ở trẻ em đang độ tuổi phát triển, khi chưa có được ý thức tự bảo vệ trong việc chọn lựa món ăn tốt cho sức khỏe.

Nhiều bà mẹ dùng viên kẹo ngọt để khen thưởng con. Nhiều người cho con bú bình nước pha với đường, thay cho sữa. Có bà mẹ lại nhúng cái núm vú cao su vào mật ong rồi cho con ngậm. Tất cả đều là nguyên nhân dễ dàng làm hỏng những chiếc răng non.

Khi ngủ, không nên cho ngậm bình sữa, vì có thể trẻ không nuốt hết, sữa đọng trong miệng và là môi trường tốt cho vi khuẩn. Có thể cho bé ngậm núm giả hoặc ngậm bình nước lã.

Ngoài việc sữa mẹ có nhiều bổ dưỡng, con hút núm vú mẹ còn giúp hàm răng ngay ngắn hơn.

Trẻ em cần chế độ ăn uống đầy đủ, đa dạng với đầy đủ calcium, phosphore để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của răng. Fluoride, một hóa chất ngăn ngừa sâu răng rất công hiệu, cũng cần được hiện diện trong thực phẩm, nước uống.

Cha mẹ cần hướng dẫn trẻ em trong việc giữ gìn vệ sinh răng, cách dùng bàn chải, giấy cạo răng (flossing). Bàn chải nên thay mới khi không còn bảo đảm làm sạch răng, và cần được thường xuyên rửa kỹ để loại bỏ thực phẩm cũng như vi khuẩn dính vào.

Vệ sinh răng miệng, nói chung, gồm có:

- Đánh răng mỗi ngày hai lần, nhất là sau bữa ăn.
- Súc miệng sau khi ăn hoặc uống;
- Nhai kẹo cao su không đường trong 15 phút sau bữa ăn để nước miếng ra nhiều;
- Cọ khe răng mỗi ngày hai lần;
- Dùng kem đánh răng có fluoride;
- Súc miệng bằng dung dịch chlorhexidine;
- Bớt ăn thực phẩm ngọt hoặc có nhiều carbohydrat dễ lên men.

Bác sĩ Nha Khoa Jeffery Hillman của Đại Học Florida đang nghiên cứu thay đổi biến dị của vi khuẩn *Streptococcus mutans* khiến chúng không còn khả năng gây sâu răng nữa.

Ngoài ra, các khoa học gia hiện đang tìm kiếm loại vaccin để ngăn ngừa sâu răng.

Hy vọng trong tương lai gần, vaccin này sẽ được bào chế để người người có hàm răng đều đặn trắng bóng hoặc "Răng đen nhí nhí, ông Lý cũng khen"...

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

PHẬT TÁNH TRONG “PHẬT SẼ THÀNH”

Hạnh Chi

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Dù không phải là Phật tử, hoặc chỉ là kẻ vô thần, có lẽ cũng ít nhất từng một lần tình cờ nghe câu nói: “*Chúng sanh là Phật sẽ thành.*”

Đây là lời xác quyết đầy từ bi của một vị giáo chủ chưa bao giờ nhận mình là giáo chủ. Sau bốn mươi chín ngày đêm thiền định dưới gốc cây bồ đề, Sa-môn Gautama đã tìm ra cội nguồn sâu xa tạo nên vòng sinh tử luân hồi, cột buộc bao khổ đau phiền não! Có thực sự biết khổ từ đâu mới mong diệt khổ.

Bốn mươi chín năm sau đó, Sa-môn Gautama đã đi không ngừng nghỉ để truyền dạy cách diệt khổ. Người theo học đủ mọi tầng lớp trong xã hội, từ vua quan, trưởng giả tới dân dã nghèo hèn; từ trẻ tới già, từ trí tới ngu... một lòng tôn kính gọi ngài là Phật, do chữ Buddha lấy nghĩa theo tiếng Magadhi là Người Tỉnh Thức; và tôn xưng ngài là giáo chủ của một tôn giáo có tên là Đạo Phật, bởi con đường ngài chỉ dạy đưa tới sự tỉnh thức.

Nhân gian biểu tỏ lòng ngưỡng kính như thế, nhưng Đức Phật thì sao? Những ai đã từng nghe câu nói “Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành” thì chẳng cần suy cặn nghĩ sâu gì cũng hiểu ngay, vì câu nói đó đơn giản quá! Đức Phật chỉ nhận mình là người đã nhìn ra những nguyên nhân của khổ đau nên đã tỉnh thức, thoát khỏi khổ đau mà thành Phật; trong khi chúng sanh cũng có đủ những hạt giống tỉnh thức, để thành Phật, nhưng vì tập khí sâu dày, chưa nhận ra thôi. Xác quyết điều này, ngụ ý Đức Phật không nhận mình là giáo chủ, mà trái lại, ngài khuyến tấn rằng ngài và chúng sanh không khác, chỉ là sự nhận biết trước hay sau. Và người đã biết sẽ chỉ cho người chưa biết để cùng đạt tới sự giác ngộ như nhau.

Điều này nói lên bản chất của Phật giáo là Giáo Dục chứ không phải là Tôn Giáo. Suốt thời gian thị hiện Ta-bà, Đức

Thích Ca Mâu Ni đã không ngừng giảng dạy cho chúng sanh ở mọi giai cấp, mọi căn cơ từ thấp lên cao, như thứ lớp ngoài đời từ mẫu giáo lên đại học. Ngài là vị thầy không lấy học phí của bất cứ học sinh nào, chỉ nhận sự cúng dường mỗi ngày một chén cơm mà giảng dạy không ngừng nghỉ suốt bốn mươi chín năm! Nhận thức như vậy, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về bốn chữ “Chư pháp thực tướng”. Đó là chân tướng của vũ trụ nhân sinh, cô đọng toàn bộ những lời Phật thuyết trong suốt hơn bốn thập niên.

Phật tử tôn kính Đức Phật là tôn kính một người Cha, một vị Thầy chứ không phải với lòng sợ hãi mù quáng như đối với thần linh!

Không một nơi nào trên trái đất này, mà chỉ có toàn điều tốt, người tốt, hoặc ngược lại, toàn điều xấu, người xấu. Tốt xấu luôn xen kẽ bên nhau như hồ sen mà Đức Phật đã quán chiếu khi vừa đắc đạo. Đó sen có cọng thấp cọng cao, lá sen có lá non lá già, bông sen có bông nở rộ, bông hàm tiếu nhưng trong mỗi đơn vị đều chứa đựng đủ bản chất của bùn, nước, nắng, gió... Khi nghiệm ra lý duyên khởi và lẽ vô thường trong trời đất cũng là lúc Đức Phật ngạc nhiên nhận diện khả năng giác ngộ, hay Phật tánh, đều có mặt và có sẵn trong mỗi chúng sanh! Ngài đã phải kêu lên: “Lạ thay! Chúng sanh nào cũng có sẵn hạt giống trí tuệ và giác ngộ, mà sao muôn ức kiếp vẫn lăn trôi trong sinh tử khổ đau?”

Vì lòng thương tưởng chúng sanh nên Đức Phật đã từ chối nhập Niết Bàn khi Ma Vương tới khuyến dụ. Ngài khẳng định ở lại Ta-bà để giáo hóa những Phật-Sẽ-Thành. Đó là thông điệp từ bi nhất, rõ rệt nhất trong đại nguyện của vị Phật-Đã-Thành.

Hơn hai mươi lăm thế kỷ qua, chúng sanh cõi Ta-bà nhận được những gì nơi kho

tàng để lại?

Kinh Duy Ma Cật có một chương giới thiệu về quốc độ Chúng Hương của Đức Phật Hương Tích. Đó là một quốc độ cực kỳ trang nghiêm và thanh tịnh vì nơi đó không có hàng Thanh Văn, Duyên Giác mà chỉ có chúng Đại Bồ Tát ngồi nghe pháp bằng hương thơm chứ không bằng ngôn tự. Những vị Bồ Tát ở nơi lý tưởng và đẹp đẽ như vậy làm sao không sửng sốt khi nghe nói về cõi Ta-bà uế nhiễm đầy những phiền não khổ đau với muôn chúng sanh vô minh khó dạy mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã phát nguyện ở lại giáo hóa!

Không chỉ ngưỡng phục tâm đại bi của Đức Phật Thích Ca mà Chư Bồ Tát cõi Chúng Hương còn kinh ngạc khi trưởng giả Duy Ma Cật giải bày là Chư Bồ Tát ở cõi Ta-bà phải thành tựu tám pháp mới vượt qua những chướng ngại trên đường hoằng pháp. Trong tám pháp đó, có ba pháp đầu là căn bản, gồm:

1- Làm lợi ích chúng sanh không cầu báo đáp.

2- Chịu thay chúng sanh hết thảy khổ não và hồi hướng công đức đã làm cho chúng sanh.

3- Tâm bình đẳng với chúng sanh, khiêm hạ, vô ngại. (*)

Ấy vậy mà không thời nào không có những câu hỏi tiêu cực đầy ác ý của kẻ phạm phu, nhất là trong thời mạt pháp này. Những câu hỏi mà thực chẳng để hỏi, như: “Giáo lý Phật hay lắm! Nhiệm mầu lắm! Nhưng sau Phật Thích Ca đã có ai thành Phật thêm chưa?”

Nếu được nghe, tôi xin thưa:

- Dạ có, có nhiều lắm! Rất nhiều Phật-Đã-Thành, mà bạn không nhìn thấy đó thôi. Hãy gỡ cặp kính nghi hoặc xuống. Hãy lắng yên cái tâm phân biệt. Hãy mở rộng lòng hẹp hòi vị kỷ. Hãy hít vào không khí bình an và thở ra những oán kết hận thù. Hãy cho mà không chờ nhận. Hãy sẵn sàng vì lợi ích người mà chẳng quản nhọc nhằn. Hãy chia xẻ áo cơm khi biết có người đói

lạnh. Hãy thương người như thương chính ta... Hãy tạm thử ngẫm đó thôi, bạn sẽ ngạc nhiên thấy mình thăng hoa, xung quanh bạn đều quá đẹp, quá dễ thương!

Sự chuyển hóa lặng thầm nhưng kỳ diệu đó là gì vậy?

Bạn ơi! Giây phút nào bạn sống được như thế thì chính bạn đang là "Phật Đã Thành" đó. Chỉ tiếc là chúng ta không sống với Phật tánh đó được lâu vì tập khí tham sân si sâu dày, nên từ "Phật Đã Thành" ta lại nhanh chóng trở về "Phật Sẽ Thành!"

Nhưng xin chờ vội bị quan, vì giữ tâm thanh tịnh mà nhìn quanh, bạn sẽ cảm thấy hoan hỷ và phấn khởi. Bạn thấy gì? Có phải giữa bao cảnh hưởng đào điền, bi đát, không bao giờ thiếu bóng những vị phát nguyện: "Phục hình Thế Tôn vì chứng minh. Ngũ trước ác thế tiên nhập". Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài chứng minh, đời ác năm trước này, con xin thề vào trước. Những vị đó nguyện quên mình cứu người, chịu đói cho người no, chịu lạnh cho người ấm, chịu chết cho người sống?

Hãy nhìn kỹ, rồi bạn có can đảm nói khác đi, rằng bạn không hề thấy như thế không?

Vậy, những vị đó là ai?

Thưa bạn, tôi tin, đó là những Bồ Tát, nương theo lời dạy của Đức Thích Ca Mâu Ni, tiếp nối con đường cứu độ chúng sanh, xoa dịu những khổ đau trầm thống của kiếp nhân sinh.

Đó là Pháp Thân Phật, là những chúng sanh Đã, Đang và Sẽ thành Phật.

Nếu còn băn khoăn, có lẽ bạn nên tự hỏi ngược lại, là thế giới đào điền này sẽ tang thương đến đâu, nếu thiếu vắng những Bồ Tát vị chúng sinh mà hành Bồ-Tát-Hạnh?

(*) Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết - TT Thích Tuệ Sỹ dịch.



BẢN HOÀI NHƯ LẠI

*Từ thân voi trắng sáu ngà
Trời Đâu Suất xuống Sa Bà hiện sanh
Thảng tư một sáng an lành
Hoa vô ưu nở tự thành biết bao
Cũng thân xương thịt máu đào
Vùi trong ngũ dục khác nào chi ai
Từ sanh vô tận thật dài
Quán vô thường khổ nên ngài xuất gia
Sáu năm khổ hạnh rừng già
Nhọc thân tục lụy không ra khỏi vòng
Bảy tuần miên mật bên sông
Ngộ đường trung đạo lục thông chứng rồi
Đây là kiếp chót luân hồi
"Kể làm nhà hội..." thì thôi nhé người
Vườn nai thuyết giáo độ đời
Ba lần chuyển mười hai thời pháp luân
Khổ đế vô số gian truân
Tập đế tu hội nguyên nhân mọi bề
Diệt đế chấm dứt ê chề
Đạo đế đường chánh dẫn về thánh nhân
Điều để vượt thoát phong trần
Bát chánh – trung đạo phước phần người tu
Chánh kiến mà dụng công phu
Cái nhìn như thị chẳng mù mịt mê
Chánh tư duy rõ mọi bề
Nghĩ suy đúng đắn chớ hệ lụy lươn
Chánh ngữ hiền thiện hiền đương
Chánh nghiệp tạo tác ấy tương lai mình
Chánh mạng tôn trọng hữu tình
Từ hòa hiền ái cộng sinh muôn loài
Chánh tinh tấn giữ bản hoài
Siêng năng dùng sẽ vượt ngoài trần lao
Chánh niệm ắt chẳng xôn xao
Cũng không nghĩ đến chuyện nào loạn tâm
Chánh định bản lĩnh thâm trầm
Bát phong bất động chẳng làm lạc tư
Thực hành lý sự chơn như
Bồ đề giác ngộ kể từ Thế Tôn
Thị thành cho chí sơn thôn
Phụng hành y giáo là con Phật đà
Ơn thầy dân đạo chúng ta
Là bậc tỉnh thức là cha muôn loài
Trời, người, trên, dưới, trong, ngoài
Mình ngày Phật dẫn bản hoài độ sinh.*

thơ ĐỒNG THIỆN

Sắc hương Ưu-đàm

TIỂU LỤC THẦN PHONG

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Cứ mỗi độ trăng tròn tháng tư, những người con Phật ở khắp thế gian này lại hân hoan cử hành lễ tưởng niệm đức bốn sư. Đức Phật thị hiện đàn sanh ở cõi này để đem giáo pháp giải thoát đến cho loài người. Ngài vì lòng bi mẫn thương chúng sanh như đàn con nên mới đến, đến để khuyến dụ, sách tấn, dẫn dắt chúng ta ra khỏi nhà lửa; ngoài mục đích này ra, ngài chẳng có bất cứ một yêu cầu nào khác. Ngài đến để "Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật chi trí kiến..." (Kinh Pháp Hoa).

Tương truyền đức Phật được sanh vào ngày tám tháng tư âm lịch, ấy là theo Phật giáo Bắc truyền, còn Phật giáo Nam truyền thì cho rằng ngài sanh vào ngày rằm trăng tròn tháng tư; giữa hai quan điểm có sự khác biệt về mốc thời gian, tuy nhiên cũng dễ hiểu là bởi vì thời ấy chưa có lịch, chưa có giấy hay chữ viết để ghi chép lại. Tuy điều quan trọng là ý nghĩa của việc thị hiện đàn sanh thì chẳng có gì sai biệt. Đây là một sự kiện vĩ đại và hy hữu, một vị Phật xuất hiện ở nhân gian. Loài người từ mông mội sơ khai đến giờ vẫn mảy mò trong đêm trường, trời sục trong thẳm đọa, tiến thoái trong phước tội, sống khổ trong cuộc sống, lăn lộn trong tử sanh... Giáo pháp của đức bốn sư Thích Ca Mâu Ni như một cơn mưa lớn dập tắt lửa phiền não, sân hận; lại như một phương thuốc trị tam độc; lại như cam lộ làm dịu ngọt cay đắng khổ đau...

Thế gian cũng có không ít người nghi ngờ, thắc mắc: "Tại sao có Phật ra đời, có giáo pháp giải thoát, thế mà đến bây giờ con người vẫn khổ đau, vẫn bị trói buộc trong phiền não, vẫn sanh tử luân hồi không dứt?" Vấn đề là ở con người chứ không phải ở Phật hay giáo pháp, thuốc đã có mà không chịu uống thì sao hết bệnh? Khát đã lâu mà không uống cam lộ sao hết khát? Mưa pháp chan hòa mà cứ một mực chui rúc trong hang hay bó mình trong cái "tôi" kiên cố thì mà sao tắm được mưa?

Đức Phật thị hiện ở thế gian với thân phận một ông hoàng, ngài có tất cả danh vọng và tiền của, có tất cả những thứ mà người thế gian mong ước, mưu cầu và tranh đoạt. Thế mà ngài buông bỏ tất cả để tu hành và rồi thành bậc chánh đẳng chánh giác. Chúng ta ngày nay thì làm ngược lại, cứ vơ lấy ôm vào thật nhiều, càng nhiều càng muốn hơn nữa.

Hoa ưu đàm đẹp, nhưng không phải ai cũng thấy được cái đẹp; hương ưu đàm thơm nhưng không phải ai cũng ngửi được hương, ấy là chưa nói những người không chấp nhận cả hoa lẫn hương. Đây là cái bi kịch của con người, chính vì điều này đã khiến chư Phật, chư Bồ tát đau lòng, thương xót chúng sanh, tìm mọi phương tiện để hóa độ chúng sanh.

Hoa ưu đàm đẹp, hương ưu đàm thơm, hương bay ngược gió tỏa khắp mười phương. Chỉ có giáo pháp của đức Phật mới có thể giúp người giảm khổ, hết khổ và giải thoát (nếu y giáo phụng hành). Thế gian này có rất nhiều tôn giáo nhưng mục đích của



các giáo chủ và các tôn giáo ấy không vì sự giải thoát con người, thậm chí cố ràng buộc và trói chặt con người, nô lệ hóa con người. Các tôn giáo ấy dùng mọi phương tiện quyền lực để giữ con người, kiểm tỏa con người trong sự sai xử của tôn giáo. Ở thế gian này chỉ có mỗi đức Phật tuyên bố: "Ta là Phật đã thành, các ông là Phật sẽ thành". Đây là một tinh thần dân chủ, bình đẳng tuyệt đối, không có ai là giáo chủ cũng không có ai là kẻ phục tùng, tất cả đều có tánh giác như nhau, tất cả đều có khả năng thành Phật! Trong khi ấy, tất cả các tôn giáo ở thế gian đều khẳng định giáo chủ là tuyệt đối cao, tín đồ phải tuyệt đối trung thành và vĩnh viễn phải phục tùng. Điều này cho thấy sự vĩ đại không thể đo lường hay nghĩ tưởng được. Điều này cho thấy sự tuyệt vời không sao lý giải nổi của giáo pháp Như Lai.

Giáo pháp của Thế Tôn tuyên nói sự thật về khổ, tại sao khổ, cách thoát khổ, giải thoát. Giáo pháp có đến muôn kinh vạn quyển, có Bắc truyền, Nam truyền, Tạng truyền... nhưng tựu trung vẫn là chỉ dạy con đường đi đến giải thoát, đây cũng là mục đích tối cao, mục đích duy nhất của đức Phật và giáo pháp.

Mùa Phật đản năm nay trong bối cảnh cơn đại dịch chưa kết thúc mà một cuộc chiến tàn bạo và dã man lại xảy ra. Bao chứa xua quân xâm lăng Ukraine, bom đạn, hỏa tiễn, thuốc nổ... đã san bằng thành bình địa nhiều thành phố, thị trấn, làng mạc... đội quân khát máu đã giết hàng chục ngàn dân vô tội, những địa điểm thăm sát mới có tên: Kyev, Maripul, Odessa, Bucha... Cả thế gian phẫn nộ và lên án cuộc xâm lăng vô cớ, vô lý và vô nhân này! Người đau lòng vẫn cứ đau, bom



đạn, hỏa tiễn vẫn cứ tới tấp giáng xuống, cái ác vẫn đang hoành hành.

Thế gian này quả thật là một ngôi nhà lửa, thế gian này đích thực là vô thường, những cuộc chiến liên miên bất tận, con người đánh nhau vì vô số lý do, thậm chí đánh nhau chẳng có lý do như cuộc xâm lăng Ukraine chẳng hạn; nay bên tây mai lại bên đông, những cuộc chiến nối tiếp cuộc chiến; rồi những trận thiên tai: Động đất, sóng thần, núi lửa, cuồng phong, bão tuyết, lũ lụt, đất chuồi... Mạng sống con người thật mong manh, mong manh hơn sự hoang tưởng của chính mình. Chỉ có đức Phật mới nhìn thấy sự thật và chỉ dạy cho chúng ta về lẽ thật: "Mạng sống con người mong manh giữa hai làn hơi thở vào hoặc ra."

Nhân mùa Phật đản, chúng ta tưởng niệm, tưởng nhớ đức Phật, ta thâm ân Phật, hàng tử chúng khắp thế gian này cử hành lễ Phật đản sanh, trùng tuyên lại cuộc đời đức Phật, nhắc nhở chúng ta về sự vô thường, khuyến tấn chúng ta siêng năng trên con đường giải thoát. Việc tu học và hiệu quả được bao nhiêu phụ thuộc ở bản lãnh và phước đức của chính mỗi người. Đức Phật không thể đi giúp được cho ai. Đức Phật có đại hùng, đại lực, đại từ bi, đại trí... nhưng không thể cứu độ chúng sanh bằng cách xia tay vớt ta lên. Trí huệ và từ bi của đức Phật ở chỗ khai phá con đường giải thoát và chỉ đường cho chúng ta đi.

Tiểu Lục Thần Phong

ĐƯỜNG THẾ NHÂN MUÔN THUỞ

*Tôi loay hoay giữa hai thái cực
Làm tay chơi mặc sức tung hoành
Hưởng lạc thú sớm tối nhất khoan
Hay du tử vương tròn đạo hạnh?*

*Đam mê nào cũng không đủ mạnh
Nên tiến lui cứ mãi loanh quanh
Bao mộng mơ đang dở không thành
Mây trắng bay trời xanh bất tận.*

*Đạo chẳng đáng mà đời lẩn thẩn
Toan tính hoài trời sụt lún khôn
Muốn đổi thay mở lối thanh tân
Ý chí yếu, tinh thần kém cỏi.*

*Muốn vượt thoát, tâm thường mong mỏi
Đời du phương rộng lối đường mây
Ngày tháng dài hành cước đó đây
Chẳng ràng buộc, vui thay du sĩ!*

*Tiếc một nỗi vì non ý chí
Đường quang minh không chịu bước đi
Để cho đời trầm trệ mê si
Quen sắc dục từ khi nhập cuộc.*

*Trong lục trần, thân tâm ràng buộc
Dòng tử - sanh quyền thuộc hợp - tan
Thăng hay đoạ, bất định lang bang
Kiếp nhân sinh vô vàn cười khóc*

*Lời hý luận tịnh thanh - ô trọc
Những hân hoan - phiền nhọc trong đời
Lý thuyết nhiều miệng lưỡi hao hơi
Duy dần bước, phương trời cao rộng.*

*Đời liên li thịnh - suy loạn động
Cuộc tuần hoàn có đó lại không
Tân trào tây, truyền thống phương đông
Đều luân hồi quay vòng vô tận*

*Đường không tiến nên đạo - đời lặn dận
Những cơ duyên đang dở đã bao lần
Muốn hay không vẫn phải phong trần
Giữa con đường thế nhân muôn thuở.*

thơ **THANH NGUYỄN**

Ất Lăng thành, 0423

ĂN CHAY CÓ LỢI LẮM PHÓNG SINH CỨU MẠNG, KHÔNG SÁT SANH

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Phần 1: Ăn chay có lợi lắm:

Được thân người khó biết bao!
Không tin Phật Pháp uống sao cuộc đời!
Không tin chết có luân hồi!
Không tin nhân quả, sống đời buông lung
Tạo bao nghiệp xấu vô cùng!
Cả ta, con cháu chịu chung quả này!
Để tiêu tội, phải ăn chay.
Lý do ăn mặn, hằng ngày sát sanh.

Vật nuôi vốn giống hiền lành,
Do người giết, hận trùm quanh đất trời!
Gây bao thảm họa khắp nơi:
Thiên tai, dịch bệnh,...người người khiếp kinh!

Súc sinh cũng có tánh linh,
Sống: Ham, Chết: Sợ như mình chẳng sai.
Giết, ăn chúng, thật ác thay!
Thân nhân đấy, Phật dạy bày, biết không?

Bởi do nghiệp chướng chất chồng,
Bị đầy làm kiếp có lông, có sừng...!
Biết rồi, giết vật phải ngưng.
Nếu không, nhân quả chẳng dừng lại đây :

Có ngày họ sẽ băm (phanh, xé...) thịt,
Ăn ta thỏa hận, những ngày bị ăn.
Sát sanh: què quặt tay chân,
Có người già cả: một thân một mình.

Mồ côi còn nhỏ, sợ sinh.
Chung quy chỉ bởi vô minh tạo thành.
Còn thêm, cũng phải biết rằng:
Cúng chay ngày giỗ được tăng phước nhiều:

Hương linh thân thuộc tiêu diêu,
Về nơi cảnh tốt là điều không ngoa.
Thịt thân nhân kiếp lâu xa,
Đem lên dâng cúng ông bà... đời nay.

Thật là quá trớ trêu thay!
Người làm mang tội, tới ngày nào thôi!?
Linh hồn thân thuộc nổi trôi,
Trong ba đường ác biết hồi nào ra.

Ăn chay, ít bệnh hơn mà,
Kiểm tra mình chứng, chắc là chẳng sai.
Lại thêm tuổi thọ kéo dài,
Thân tâm khỏe, gặp trường trai đợi gì.

Người làm: hiếu thảo nào bì.
Nghiệp tiêu trừ bớt, còn chi sướng bằng.
Lòng từ như Phật phát sanh.
Nguyện, Tin niệm Phật: điềm lành Tây phương./.

(Phần 2): Phóng sinh cứu mạng; không sát sanh

Một nhóm có lần đi phóng sanh:
Ếch, lươn mừng quá vội bơi nhanh.
Khoảng xa, chúng ngoảnh đầu nhìn lại.
Tỏ vẻ cảm ơn thật chí thành.

Chọn mua vật sắp bị phanh thây,
Rồi thả chúng ra nội một ngày.
Đừng giữ chúng lâu, lo bị giết.
Tâm từ như vậy, đáng mừng thay!

Chim cảnh có người mua phóng sanh.
Chúng chưa một bữa đi tìm ăn.
Tưởng làm như vậy là tăng Phước.
Nghĩ kỹ rõ ràng quá bất nhân.

Con vật bắt đem bán phóng sanh.
Mua rồi chớ thả chúng gần quan.
Chừng đôi ba bữa lại vào bẫy.
Nuôi kẻ hành nghề chẳng tốt lành.

Con vật mà ta đã phóng sinh.
Dáng hình chúng khác hẳn người mình.
Thật ra họ quyến thuộc ta đây.
Giết họ tránh đi: thương thật tình.

Sát sinh, hại vật cố tình làm:
Tuổi thọ giảm nhiều, tính tháng năm.
Dịch bệnh, Thiên tai... đồn dập đến.
Con người chịu khổ, bởi mê lầm.

Quả báo xảy ra: Tiệm Vịt Quay.
Hàng trăm con vịt giết thường ngày.
Thấy giàu, mở Quán thêm nhiều nữa.
Chủ tiệm khoe vàng đầy cổ tay.

Được vậy đã quay nhiều vịt lắm!
Tiền vào rủng rỉnh tưởng là hay.
Oan hồn vịt nhập, miệng quăm quặp.
Loài vật trả thù, đáng sợ thay!

Xin mời đọc đầy đủ câu chuyện Quả Báo ở đường
link dưới đây:
<https://www.hoiquanadida.com/dao-va-doi/quong-nhan-qua-qua-bao-kinh-doanh-vit-quay-2785.html>

Thành tâm kính mong quý bạn đạo hữu duyên hãy
cùng chúng tôi cố gắng thực hành những điều đã
trình bày ở trên cốt để thân tâm thanh tịnh và
tránh nghiệp ác sát sanh. Nếu được vậy, chúng tôi
xin đem công đức này hồi hướng cho tất cả pháp
giới chúng sanh tương lai đồng sanh về Tịnh độ.



TRẦN GIAN LÀ BỂ KHỔ HAY VUI?

*Đã từ lâu nhân gian thường tự hỏi,
Cõi trần này là bể khổ hay vui ?
Hoặc thế gian nơi thử thách trường đời
Để nhân loại dưỡng vun bồi công đức.*

*Người trần thế có muôn vàn nhận thức...
Đời khổ vui, gây tạo bởi vì đâu?
Chính loài người đã tạo khổ cho nhau
Vì vô minh, gây chiến tranh, dối gian...*

*Sao nhân loại rơi vào vòng lẩn quẩn?
Do Vô Minh chấp Ngã quá sâu dày
TÂM là nguồn ác nào có hại!
THÂN là rừng tội nào có biết!*

*Nếu có hỏi: Vô minh từ đâu đến?
Bởi con người tạo thế giới riêng mình
Kể từ đó chấp CÓ, chấp KHÔNG
Đời trôi lăn trong thất tình lục dục!*

*Do vô minh tạo biết bao nghiệp nặng!
Chìm đắm trong vòng sinh tử luân hồi
Nên trải qua muôn nghìn kiếp nổi trôi!
Đời nhân sinh vẫn phù du, ảo ảnh!*

*Chính vì thế cõi trần đầy thử thách
Cánh KHỔ là nấc thang bậc anh tài
Là thuốc đắng, giã tật kẻ nạn tại
Là giác ngộ cho người hiểu biết.*

*Vì vô minh, nên gắng bồi tuệ giác
Bậc đại nhân thường luôn nhân nhủ lòng
Lấy trí tuệ, làm sự nghiệp cho mình
Sống an vui chẳng cầu chút lợi danh
Nên cuộc sống không rơi vào bể khổ.*

*Vũ trụ này rộng bao la vô tận
Địa cầu xinh, đẹp nhất giải ngân hà
Biển sông hồ trên mặt đất bao la
Cảnh thiên nhiên núi đồi cao tuyệt tác*



*Địa cầu vẫn nuôi triệu tỷ sự sống
Cỏ cây xanh, hoa kết trái đơm bông,
Mưa vẫn rơi, nuôi dưỡng triệu cánh đồng,
Pháp thế gian vận hành luôn hoàn hảo.*

*Cõi trần thế vốn không là khổ ải,
Địa cầu này chính là cõi địa đàng
Nếu loài người cùng xây dựng nhân gian
Tâm từ bi, cùng ban vui cứu khổ...*

*Trên thế giới biết bao người đức độ,
Dem tình thương, trí tuệ hiến cho đời
Kỹ thuật, văn hóa, y tế khắp mọi nơi
Cho nhân loại được an vui cuộc sống.*

*Sống nhân ái, trần gian đầy hạnh phúc,
Tìm thiên đàng, kiếm mãi chẳng đâu xa
Hạnh phúc luôn có mặt trong tâm ta
Chân tâm ta, trong ta là tất cả
Chân tâm trùm muôn triệu tỷ thiên hà...*

thơ HOÀNG THỤC UYÊN

Cảm niệm về Ba

(Lời tiễn biệt của những đứa con trước linh cữu người cha yêu kính:
Ông Lê Văn Chiêu, Pháp danh Phước Kim, từ trần ngày 21 tháng 3 năm 2023
tại Reston, Virginia, hưởng thọ 84 tuổi)

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Ba ơi ba!

Trước hết chúng con xin tri ân Ba và Mẹ đã sinh dưỡng anh em chúng con và đã đem tất cả chúng con sang Mỹ quốc để có được đời sống tự do và nhiều cơ hội tiến thân.

Ba của chúng con vốn hiền lành, ít nói, nên chúng con ít có cơ hội lắng nghe, tìm hiểu. Nhưng qua một vài dịp hiếm hoi Ba kể lại, chúng con hiểu là cuộc đời Ba cũng lắm gian nan, khổ cực: Ba đi quân đội, làm sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng Hòa; sau đó bị tai nạn, cụt một chân, phải giải ngũ về nhà, tiếp tục làm việc cho chính phủ để lo cơm ăn áo mặc cho gia đình, cho anh em chúng con.

Lòng Ba rất từ bi, thương người, luôn cảm thông với những số phận neo đơn, hẩm hiu... nên nhà chật hẹp, kinh tế khó khăn sau năm 1975, mà Ba vẫn nhận nuôi thêm 3 người con nuôi trong hoàn cảnh mồ côi.

Với thân tật nguyên, Ba vẫn cam lòng, nhẫn nại, không ngại

đường xa, hằng tuần đạp xe từ Sài-gòn đi Mỹ Tho, Gò Công... để mua bán từng lọ thuốc mà nuôi con ruột, con nuôi. Những năm sau đó, sức khỏe không cho phép đi xa, Ba đổi qua bán vé số để chăm sóc Mẹ và đàn con thơ dại ở chung cư Phạm Thế Hiển.

Cả cuộc đời, Ba chỉ sống vì người khác, ít khi nào nghĩ đến bản thân. Mẹ vui là Ba vui, chúng con vui là Ba vui. Thân Ba yếu đuối, tật nguyên, sau này lại thêm tuổi già và bệnh hoạn mà Ba chưa một lần than thở.

Những năm cuối đời, Ba dành nhiều thời gian để tu niệm, sám hối và tìm hiểu Kinh Phật. Ba đã từng chia sẻ và nhắc chúng con theo lời Phật dạy: bản chất cuộc đời là Vô Thường, thân tứ đại cuối cùng cũng sẽ trả về tứ đại. Vì vậy, hôm nay chính Ba đã lấy thân tứ đại vô thường của Ba làm bài học cho chúng con: sống ở đời nên lấy tình thương làm chất

liệu, cố gắng làm người hữu ích cho gia đình và cho xã hội, để khi nằm xuống không hổ thẹn với con người và cuộc đời.

Ba đã có một cuộc đời cao đẹp, khiêm nhường. Ba đã thầm lặng làm những điều phước thiện và thường xuyên niệm Phật ở cuối đời, chắc hẳn Ba đã có đủ duyên lành và phước báo để về với Phật. Con cháu của Ba đã trưởng thành và sống vững mạnh nơi xứ người cũng như ở quê hương; Ba hãy yên tâm, đừng lo lắng nữa! Ba hãy buông xả tất cả để tâm được thanh thản, nhẹ nhàng, an vui đi về cõi Phật, Ba nhé.

Chúng con xin lạy tạ, tiễn biệt người Cha vô vàn yêu quý của chúng con.

(Con ruột: **Lê Nguyên Hùng; Lê Thị Chiêu Hoàng, Lê Thị Chiêu Hà, Lê Nguyên Trung Hưng, Lê Nguyên Trung Hiệp;**
Con nuôi: **Hồ Thị Phượng Liên, Hồ Văn Lộc, Hồ Thị Bích Lý và Lưu Thị Thanh Huệ**)



Cởi trời 1

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG BA

Đến ngày thứ mười tám, tôi cơ hồ không gượng dậy nổi. Tôi nằm liệt một chỗ. Đôi lúc tôi thử cử động tay chân để xem lại hơi sức của mình. Quả thật là tôi không nhắc nổi đôi chân. Ngay cả cánh tay gầy guộc cũng không rục rịch gì nữa. Toàn thân tôi có vẻ tê cứng. Hay đúng hơn, tôi không còn đủ sức lực để chuyển vận nữa. Phòng giam có hai cửa sổ và nhiều lỗ gió ở sát trần, chạy dọc theo hai chiều dài của phòng; nắng chiếu theo những khoảng trống ấy chiếu từng vệt sáng vào phòng giam, rọi ngay mặt tôi. Thường thường cứ đến giờ nắng chiếu vào phòng, các tù nhân nằm cùng dãy với tôi đều xê dịch xuống, hoặc tránh qua một bên. Nay tôi không rục rịch nổi, nên cứ để cho nắng rọi ngay vào mặt. Tôi nhắm mắt. Luồng nắng này cũng khó chịu lắm chứ chẳng êm ả gì. Tôi phải quán tưởng ánh

nắng ấy như một luồng hào quang ấm áp, êm dịu, từ bên ngoài tóa vào, từ bên trong phát ra, giao thoa với nhau, quyện vào nhau. Một chập, tôi không còn thấy có cái thân đón nhận luồng nắng, cũng chẳng có cảm giác khó chịu hay dễ chịu đối với luồng nắng. Chỉ có sự tỏa chiếu của ánh sáng...

"Thầy Khang, thầy Khang à, sao không dịch qua đây một chút mà tránh nắng? Dịch không nổi hả? Để tôi dịch thầy qua nhé?" tiếng anh Vận kể bên tôi nói.

Tôi mở mắt ra, mỉm cười với anh ấy, không nói gì. Anh nhìn tôi một lúc rồi không chờ tôi đồng ý hay không, tự động xích tôi qua phía không nắng. Tôi không phản đối làm gì. Đối với tôi lúc ấy, một cử chỉ xua tay từ chối, một lời nói không hay cảm ơn cũng không cất lên nổi. Dường như xác thân tôi đã không còn hiện hữu. Tôi có vẻ như chỉ có mặt bằng cái tâm chứ không phải bằng cái xác

thân rã bệu khô kiệt kia nữa. Xê dịch tôi xong, anh cũng nằm xuống kế bên tôi. Anh ấy cũng yếu người lắm, dù rằng chẳng bệnh hoạn gì—chỉ thiếu ăn thôi.

"Thầy Khang à, ráng lên nghe. Một thì nghỉ nhưng đừng có ngủ nhé," Vận nói nhỏ giọng bên tai tôi, "ngủ là đi luôn đó. Thầy Khang phải sống để còn tiếp tục đấu tranh cho đất nước nữa, phải không? Ráng lên."

Tôi mỉm cười đáp lời anh ấy. Tiếng nói cười lao xao của bạn tù trong phòng có vẻ như lắng xuống, hoặc âm thanh bên ngoài đang dần dần rời bỏ thính quan của tôi. Ánh nắng, luồng sáng cũng biến mất. Cảm giác trong thân cũng mất. Mùi hôi khai của nhà xí, mùi mồ hôi của tù nhân, cũng không còn. Vị đắng chát hay lạt lẽo trong lưỡi không có. Tất cả đều vắng mặt. Năm căn, năm trần đã vắng mặt. Không, hãy còn ý căn và thức trần. Hãy còn cái dòng ý thức đang tuôn chảy bất tận. Một người chỉ hiện hữu trên thế

gian bằng ý thức thì là loại chúng sinh nào nhỉ? Một loài tiên, một loài trời ở cõi Vô Sắc chăng?

Ta sắp chết rồi sao? Ông Vương nói vậy mà. Bệnh kiệt lý mười ngày chuyển sang trống tràng, không thuốc chữa thì chết chắc. Mới hai mươi sáu tuổi, chưa làm được gì cho đời, chưa đạt được những gì mình muốn với đến... Ờ, tại sao sinh ra ở đời thì phải làm một cái gì đó cho đời chứ hả? Tại sao sinh ra ở đời phải có một lý tưởng gì đó để đạt đến! Trật tự của thế gian, như người nào đó từng nói, vốn là như vậy, cần gì phải hì hục dẫn thân điều chỉnh, sửa đổi! Cái rối loạn bất an của thế gian này là như vậy. Rối loạn chính là dấu hiệu của một sự điều chỉnh, để tiến đến ổn định. Cứ để yên nó như vậy. Thế gian tự tạo ra rối loạn và tự ổn định lấy nó. Rối loạn là sự ổn định của nó. Ổn định là sự bất an của nó. Thật buồn cười. Có gì mà phải lo lắng, tân toan. Hãy để nó như vậy. Chỉ có sự rối loạn hay yên bình nơi chính ta mới là điều quan trọng thôi. Ta phải sống để thành tựu con đường giải thoát. Ta chưa giải thoát mà! Ha, ta còn gì để giải thoát nữa chẳng? Ta có vướng bận gì nữa đâu mà bảo cần giải thoát? Ta đâu còn vướng bận gì nữa đâu! Quốc gia, dân tộc, giáo hội, chùa chiền, ban bè, gia đình... và con người... Những thứ ấy có thực sự cần thiết để ta vướng bận chẳng? Ờ, tất cả, tất cả những thứ ấy, đều là mộng huyễn cả. Mình nghĩ chúng quan trọng thì chúng quan trọng. Quay lưng với chúng thì chúng chẳng là gì cả. Nhưng làm sao quay lưng được kia! Chúng đang sờ sờ ra đó. Mà có cần thiết phải quay lưng không? Quay lưng đi có phải là đã giải thoát được chẳng? Mà ai là kẻ quay lưng? Ai ở nơi cái xác thân rã rời vô cảm giác? Chỉ có cái dòng ý thức này. Chỉ có cái tâm này. Những hình ảnh, những đối tượng, những suy tưởng... chính là nó, vậy thì làm gì có sự quay lưng của nó đối với cái gì khác! Và lại, giải thoát đâu phải là một hành động quay lưng giữ bỏ! Giải thoát là không đắm trước, không cột trói mình vào đối tượng chứ có phải là chạy trốn hay quay lưng!

Mình hãi sợ, xua đuổi các hình ảnh thì chứng tỏ mình còn vướng bận. Không, thực ra giải

thoát cũng chẳng phải là không đắm trước, không cột trói vào đối tượng! Có đối tượng để không đắm trước, có hình ảnh để không cột trói, thì làm gì có giải thoát! Có sự giải thoát ra khỏi một đối tượng thì đâu phải là giải thoát! Ôi dào, nhà người chỉ quen lý luận! Phải nhìn tận mặt chúng. Đừng suy luận, đừng nhiều lời. Đừng phán đoán. Hãy nhìn, hãy ngắm. Hãy quan sát.

Coi nào, còn có cảnh trí hay con người thơ mộng nào trên cõi đời này lãng vãng lưu dấu trong ta? Có chăng một thứ ân tình nào níu kéo ta, ràng rịt ta ở lại với trần gian này? Ồi, có gì đâu, có gì đâu! Ta ra đi cũng đúng rồi, vừa rồi. Có ta, đời vẫn thế. Không có ta, đời vẫn thế. Hai triệu người hiệp đáp sáu mươi ba triệu người. Danh nghĩa tập thể hiệp đáp cá nhân thực tế. Thế giới đại đồng hủy diệt thế giới riêng tư. Báng súng đánh đập ngòi bút. Biểu ngữ và chính sách đè bẹp lời nói ngay thực. Nụ cười kiểu hãnh phũ lấp giết lệ hờn căm. Thù hận dìm chết thương yêu. Hoài nghi lẫn lút tin tưởng. Cái ác trên cười cái thiện... Vâng, đời sẽ như thế, dù có ta hay không có ta. Thực là điên khùng cái xã hội này! Ta nhỏ nhoi, tầm thường quá, chẳng làm sao chuyển vận nổi cái bầu trời đen tối nặng trĩu kia. Thôi thì cứ chết đi, nói như Hiền, ông anh ruột của tôi, tất cả cái thiện hãy chết đi, tự trầm đi, để cho cái ác tự do sinh sôi nảy nở tràn lan trên mặt đất, và rồi sau đó, chính cái ác sẽ tự hủy diệt nó. Sáu mươi ba triệu người hãy chết đi thì tự khắc hai triệu người nọ không còn đất sống.

Có thật thế chẳng? Có thật là ta nên chết chẳng? Có thể nào ta chết trong lúc này chẳng?

Chứ không phải là cùng với sự vươn dậy của ta, thế giới sẽ chuyển hóa ngay lập tức? Chứ không phải rằng hai vai của ta đã thế nguyên gánh cả trần gian thống khổ này sao? Tại sao phải chết! Tại sao phải chết chứ!

Tôi mở bừng mắt dậy. Những bạn tù chung phòng

giám đang tùm năm tụ ba dưới mấy ngọn đèn vàng tập trung ở khoảng lồng khung và nhà xí. Tôi nằm sát nhà xí. Không ai biết tôi sắp chết hay sẽ đứng dậy tiếp tục cuộc sinh tồn. Họ đang đánh cờ, chơi domino, ca hát, uống trà, tâm sự, nghe kể chuyện kiếm hiệp Kim Dung... Rõ ràng là không có tôi, đời vẫn thế.

Vận thấy tôi mở mắt, lấy tay khoèo, nói:

"Này, ráng thêm một đêm nữa đi. Ngày mai là ngày thăm nuôi, thế nào cũng có người có thuốc kiệt lý hay tiêu chảy. Để tôi hỏi xin người ta cho thầy thuốc nhé. Còn không thì báo cáo với y tá của trại. Không thể để mãi như vậy, chết mất!"

Nghe Vận nói vậy, tôi sức nhớ đến Phương, cô công an mang kiếng cận. Hơn nửa tháng trước, cô ấy có dặn tôi khi nào có chuyện cần hoặc bệnh hoạn gì thì cứ xin gặp cô. Hình như cô ấy đoán được rằng một lúc nào đó tôi sẽ ngã bệnh nặng. Phải chăng vì cán bộ trại cổ tình giấu nhem chuyện tôi bị vào tù, cắt đứt liên lạc giữa tôi với xã hội bên ngoài, nên cô ấy biết ngay trong tình trạng đó, thế nào tôi cũng phải bệnh. Làm y tá nhiều năm cho tù nhân của trại đã cho cô kinh nghiệm ấy thì phải. Và nếu tôi bệnh nặng, cầu cứu đến cô, tất nhiên cô sẽ có cơ hội thay mặt đảng và nhà nước, ban phát ân huệ chữa và điều trị, hay ban ân cứu tử cho tôi. Có lẽ là vậy. Hay là có một âm mưu gì khác? Một thứ âm mưu tình cảm để khai thác tin tức, hay một âm mưu điều trị để khai thác tình cảm? Ồi, cũng có thể cái tâm này đã quen lẽ thói nghi kỵ học được từ xã hội, nên đừng chuyện gì cũng này nghi vấn! Biết đâu chẳng có âm mưu gì cả ngoài một chút cảm tình thông thường của phụ nữ đối với phái nam, đối với một nhà tu khờ khạo chưa biết gì về đời như tôi? Ha, bạn tâm làm gì chuyện đó chứ. Dù có âm mưu hay thực tình chăm sóc thì cũng chẳng lay chuyển gì được cái thân và cái tâm bất động này. Cô ấy không cứu nổi tôi đâu. Cũng không có bất cứ thứ thuốc của tù nhân nào có thể cứu được tôi đâu. Cái bệnh này, đã mười tám ngày không có thuốc rồi, bây giờ đã qua khỏi giai đoạn can thiệp của thầy thuốc và dược liệu. Chỉ có tôi mới vượt qua nổi nó mà thôi. Tôi biết vậy. Tôi chấp nhận chết thì tôi sẽ chết. Tôi quyết

định sống thì tôi sẽ sống. Lúc này, trong cái khoảng thời gian vất vưởng la đà của tâm thức trước hai bờ sinh tử, không có cái lực nào có thể khủng bố đe dọa tôi được.

"Tôi không sao đâu, anh Vận à. Cảm ơn anh nghe, anh đừng xin thuốc làm gì mất công, tôi tự lo được mà," tôi cố gắng thì thào với Vận.

"Đừng nói vậy. Bệnh nước này thì phải trị. Thực ở đây tệ quá! Nằm liệt mấy ngày mà chẳng chịu báo cáo. Thằng trưởng phòng mỗi ngày ra gặp cán bộ quân giáo bộ hẳn chẳng biết nói giùm một tiếng là ông thầy bệnh sao chứ! Cái quân giết người."

Tôi muốn nói thêm vài lời với Vận nhưng một quá, miệng lưỡi tôi cứng đờ, chẳng buồn nhếch được đôi môi. Tôi lại nhắm mắt. Chẳng cố gắng tập trung tư tưởng hay niệm Phật gì. Tôi chỉ nằm im đó. Cái gì hiện ra trong tâm tưởng thì cứ tha hồ.

Chùa Long Quang, ngôi chùa tranh vách đất trên kinh tế mới. Đó là ngôi chùa thờ Phật xiêu vẹo nhất của Việt Nam, chắc là vậy. Nhưng dù sao thì đất cũng khá rộng, có dãy nhà kho cùng hai phòng tắm, có dãy trai đường và một phòng nhỏ khác, có nhà bếp riêng, có ba cái am tranh nằm biệt lập. Có thư viện xây bằng đất sét đúc... tất cả đều có mái lợp bằng tranh, có nền và vách bằng đất, nằm rải rác trên một khu đất rộng khoảng năm mẫu tây. Cây vườn đã bắt đầu lớn và kết đợt trái lứa đầu. Ngôi chùa ấy bấp bênh, ẻo uột, tàn xiêu, vì người chủ của nó, hay đúng hơn, người chịu trách nhiệm chăm sóc nó—người ta gọi là thầy trụ trì—lông bông và có khuynh hướng không vụ hình thức. Chỉ có những cây vườn chung quanh là vươn lên, tạo cảnh đẹp mát mẻ và yên tĩnh. Gió thổi qua vườn rì rào suốt ngày đêm. Chạy dọc theo chiều dài phía đông của đất chùa là đồng ruộng bao la với những ngọn lúa xanh mơn mớn chỗ cao chỗ thấp nhấp nhô giạt theo chiều gió. Cây tràm cổ thụ khô trụi sừng sững bên mé ruộng như một cụ già loạn tưởng bị quan, đứng run rẩy ở đầu sông bến nước. Sau lưng và dọc theo chiều dài phía tây của vườn chùa

là rừng tre gai và cỏ tranh mọc um tùm, từ xa nhìn chỉ thấy như một dãy liên sơn trùng trùng điệp điệp. Vườn chùa yên tĩnh, hiu quạnh kinh khiếp. Đôi khi tôi có cảm giác bùng nổ tại vì cái vắng lặng không một tiếng động đó. Nhất là vào mỗi trưa, khi trời đứng bóng, thế giới này trở thành một thế giới không có âm thanh; có chăng một thứ tiếng động nhỏ nào thì đó là tiếng gió lùa qua cây nghe xào xạc, xào xạc thật nhẹ, thật nhỏ, như thể được vọng đến từ một cõi trời xa vắng lắt nhắt nơi đâu. Ban đêm thì rộn ràng hơn, ngoài tiếng lá xào xạc, có thể nghe tiếng ếch nhái kêu oàm oạp, tiếng côn trùng rúc rích, tiếng chim đêm chiu chít và thỉnh thoảng, một tiếng chó hay chồn tru lên u ừ, tưởng chừng rừng đêm lúc ấy là một sân khấu rộng cho dàn nhạc đại hòa tấu của muôn thú. Nhưng vào những đêm mà ánh trăng dịu dàng choàng lớp áo sáng mỏng của nó xuống khắp ruộng đồng và rừng sâu, vạn vật bỗng ngưng trở thành tĩnh vật. Chim muông như thành khán ngược cổ lên mà lắng nghe tấu khúc vô thanh của trăng vàng. Không có tiếng kêu tằm thường bé mọn nào thấy cần thiết cất lên vào những đêm trăng ấy. Và tôi, khi đứng lặng một mình dưới rừng trăng, thường cảm thấy rằng mọi thứ khát dục như gọi rửa bởi những giọt trăng thuần khiết sáng trong vô ngần.

Và nếu sau đó có trở lại với thực tế rằng đất nước cần sự góp mặt của mình, tôi vẫn thường tự hèn rằng, mai sau thái bình tôi sẽ trở lại ẩn cư nơi thảo am và vui vầy với thế giới hoang sơ cô tịch nơi đây... Tôi sẽ trở lại. Đất nước yên bình, tôi sẽ trở lại...

Tôi lại mở mắt. Tiếng keng báo nghiêm vừa dứt. Mọi người trong phòng giam lúc tục thay nhau vào nhà xí. Tiếng những vòi nước thiếu oai nghi, tỏ rõ rót xuống lỗ cầu giống như ai đang châm nước sôi vào bình thủy. Có tiếng ai sụt sịt bảo ngồi xuống mà rót cho khỏi vắng và khỏi kêu. Tiếng dội nước nhẹ nhẹ. Tiếng những bước chân trần lẳng xằng trở về chỗ nằm. Mọi người phải im

lặng vào mùng dù chưa muốn ngủ. Tôi và một số người khác vì chưa có thăm nuôi nên chẳng có mùng mà treo. Cũng may phòng giam bít bùng, ít muỗi. Vận cũng không có mùng, nhưng có tấm chăn mỏng để đắp. Anh ngăn ngừa hỏi tôi:

"Đắp chăn không? Đắp chung với tôi nhé?"

"Thôi, cảm ơn. Anh đắp một mình đi," tôi xua tay nói với giọng hơi, chỉ từ chối chứ không đủ sức giải thích lý do.

Tôi không quen đắp chung chăn với người khác đâu. Nếu giải thích, tôi sẽ giải thích như thế. Từ ngày đi tu, tôi chưa đắp chăn chung với ai, ngoại trừ Mộng Huyền.

"Nhớ nghe ông thầy. Ráng thêm một đêm, ngày mai là ngày thăm nuôi rồi," Vận nhắc tôi.

Tôi gật nhẹ. Nhắc vậy là sao, nghĩa là muốn tôi đừng ngủ đây à? Ngủ thì sẽ không thức dậy nữa? Sao vậy? Tại bệnh nặng, nhịn đói, kiệt sức, nằm chờ chông dưới nền đất lạnh không mùng màn? Từ nhân chỉ có một cách chống lại cái chết là đừng ngủ mê thôi à? Cảm ơn anh bạn tù tốt bụng. Tôi không dễ chết đâu anh ạ. Tâm ý tôi hãy còn tỉnh táo, sáng suốt lắm. Những ảnh tượng trôi trong dòng ý thức của tôi cũng còn rõ ràng, thứ lớp lắm. Tôi có hôn mê tán loạn gì đâu mà bảo tôi chết!

Tôi ngồi ngả lưng nơi chiếc xa lông. Mộng Huyền đánh đàn dương cầm, một bản nhạc quen thuộc của Schubert hay Beethoven, tôi không dám chắc lắm. Mặc dù thích nghe nhạc cổ điển Tây phương, tôi chưa có cơ hội học cho biết tên các nhạc phẩm, chỉ biết ngồi thưởng thức. Thực ra cũng chẳng phải là thưởng thức nữa. Tâm tôi lúc ấy không được thanh thản. Tôi ngồi đó không phải để nghe nhạc mà để nhìn, để ngắm Mộng Huyền, hay để trải nghiệm tình cảm của tôi. Ngưng bản nhạc, Mộng Huyền tiến đến ngồi sát bên tôi, gạn hỏi thêm về chuyện đời tư của tôi. Té ra trước lúc chúng tôi ngồi nơi xa-lông ấy nàng đã được mẹ nàng cho biết rằng tôi là tu sĩ, tôi chính là ông thầy tu đi trong chuyển vượt biên của nàng. Nhưng nàng lại nghịch ngợm giả lơ cái thực tế đó. Tôi

không tự nói mình là tu sĩ thì nàng cứ tiếp xử với tôi như một chàng trai thế tục, hay như một tình nhân trong mắt nàng.

"Anh có tin rằng tụi mình có cái duyên gì đó với nhau không? Em thấy lạ lắm. Tại sao hôm ấy mình nằm chung với nhau ngoài trời, rồi lại đắp chung chăn trên giường của chị Thu..."

"Thôi, nói chuyện đó làm chi nữa. Tại vì có một cái chăn thì phải đắp chung chứ có chi đâu. Với lại... vượt biên đồ bể phải nương nhau mà trốn tránh công an thôi."

"Sao không chứ! Nam nữ thọ thọ bất thân. Anh với em đắp chung chăn, nằm ngủ chung một giường suốt một đêm thì không phải có duyên gì với nhau sao! Hi hi..."

"Có duyên anh em với nhau đó. Anh thấy em giống như đứa em gái của anh vậy."

"Không. Em nghĩ không phải vậy đâu," nàng vừa nói vừa đưa tay vờ về cánh tay áo sơ mi ngăn tay của tôi. "Anh chỉ tự dối lòng mà thôi. Em biết anh sẽ không chịu nói ra sự thực của lòng anh đâu. Ừ thì lý do nào đó, em chẳng biết, nhưng em biết là nếu yêu, anh sẽ biểu lộ tình yêu của anh một cách thụ động, thụ động hơn cả con gái nữa."

Tôi giạt mình nhìn thẳng vào mắt nàng. Mẹ nàng nói nàng đại khờ, nhút nhát, vô tư như con nít. Tôi không nghĩ vậy. Nàng đã hai mươi bốn tuổi, không thể còn con nít được. Thấy tôi im lặng không nói gì, nàng đan hai bàn tay tì lên vai tôi, đặt cái cằm nhỏ của nàng lên ấy, nhỏ nhẹ nói:

"Nếu anh không nói gì, hoặc nếu anh là một người tình câm em cũng vui nữa. Em sẽ nói thay cho anh tất cả những gì anh muốn nói mà không nói ra được."

Tôi cúi mặt, bẻ nắn mấy ngón tay của mình. Hai bàn tay tôi run run. Tim tôi đập mạnh từng hồi. Nàng đưa một bàn tay lên ngực trái của tôi:

"Đây nè, trái tim của anh, nó đang nói gì đó. Để em xem... à nghe rồi, hiểu rồi, em biết tim anh nói gì rồi. Anh muốn em dịch lại cho anh nghe không?"

Tôi bật cười không đáp. Nàng cười theo. Đôi mắt nàng long lanh như ướt lệ. Nàng ngả đầu vào vai tôi, hai tay ôm choàng lấy tôi, một tay vòng qua vai, một tay ngang ngực.

Chúng tôi im lặng một lúc. Một phía ngực của nàng áp vào cánh tay tôi nóng ran. Và nàng hôn nhẹ vai tôi:

"Anh sẽ nói em lắng mạn. Anh sẽ đánh giá rằng em vội vàng quá, mới quen nhau chưa đầy nửa tháng, hay đúng hơn, mới quen nhau, gần nhau qua một đêm vượt biên... nhưng em mặc kệ anh nghĩ gì. Em biết đôi mắt anh, trái tim anh, không bao giờ từ chối em cả. Chỉ có thứ lý tưởng nào đó mà anh hằng ôm ấp mới từ chối em mà thôi. Nhưng anh nghĩ xem có đúng không, dù anh đeo đuổi thứ lý tưởng nào đi nữa thì bên cạnh em, anh vẫn cứ là một chàng trai độc thân... đâu có gì ngăn cản em yêu anh..."

Nói đến đó, nàng ngược mặt lên nhìn vào mắt tôi để xem phản ứng của tôi. Tôi nhắm mắt, chẳng nói gì. Tôi bỗng nhớ lời dạy của Thượng tọa Đức Nhân qua lời nhắn của Túu, bạn thân tôi: "Nói chú Khang rằng chuyện chú bị công an ruồng bắt phải bỏ chùa đi cũng là cái duyên mới, cứ vui vẻ chấp nhận. Lâu nay chú ấy đã có tâm nguyện dẫn thân thì nay đã đến lúc cho chú thực sự dẫn thân rồi đây. Nếu chú Khang cần xả giới tỳ kheo để thuận lợi vào đời thì bảo chú cứ đứng trước bàn Phật, tự xả bỏ, rồi đem pháp y đến đây thầy cắt cho, sau này muốn phục giới, sẽ có thầy chứng minh." Sau đó, nơi bàn thờ Phật nhà bà Bằng, tôi đã tự xả giới, phát nguyện dẫn thân hành đạo bằng con đường nhập thế. Trên hình thức cũng như trên mặt giới luật, tôi không còn là tăng sĩ nữa. Nhưng trên thực tế, tâm tư và hành động của tôi kể từ ngày ấy vẫn chẳng có vẻ gì thay đổi. Tôi không thấy có sự khác biệt nào trong tôi giữa hai giai đoạn giữ giới và xả giới. Hình như tôi vẫn cứ như vậy, chẳng thêm chẳng bớt gì cả. Cho nên, đáng ra lúc gần gũi Mong Huyền, rung động trước sắc đẹp và tình yêu chân tình của nàng, tôi có quyền tự do yêu đương và biểu lộ khát dục của tôi; nhưng tôi vẫn không làm được. Không phải vì giới luật. Cũng không phải vì lý tưởng đấu tranh đòi hỏi đời sống độc thân để dốc toàn thời gian vào. Có lẽ chỉ vì một thứ linh cảm mơ hồ nào đó chen vào ngăn trở. Cái linh cảm bất

ra từ duyên nợ bể bàng ngăn ngai giữa hai chúng tôi. Cũng có thể vì một thứ nghiệp dĩ hay nguyên lực của chính tôi đã đẩy tôi tách khỏi nàng ngay từ lúc này.

Nàng ngả đầu nằm xuống hai bắp vế tôi, ngửa mặt nhìn lên, mỉm cười. Một lúc sau, nàng đưa hai tay bá lấy cổ tôi, vừa kéo tôi xuống vừa kéo người nàng lên. Nàng hôn môi tôi. Rồi hôn tới tấp trên mặt, trên cổ tôi.

"Khang ơi, em yêu anh. Em biết anh cũng yêu em mà. Nói đi, nói anh yêu em đi. Khang ơi, yêu em, yêu em đi anh!"

Tôi run người bần bật. Hai chân tôi giật bắn lên từng hồi. Cả người tôi rung lên từng cơn. Tôi sắp sa ngã. Tôi gần như không tự kềm chế được nữa. Nhưng tại sao phải kềm chế kia! Lý do gì? Không có lý do gì cả. Vậy mà bỗng dưng tôi lại kềm chế. Tôi đỡ nàng dậy, và tôi đứng lên, bước đến bên khung cửa sổ lộng kính. Nàng bước theo, đến phía sau tôi. Tì bàn tay nhỏ trên vai tôi.

"Anh sợ hả?"

Tôi không nói. Chỉ quay lại, đưa một tay vuốt nhẹ trên má nàng. Tôi gỡ mấy sợi tóc mai của nàng trong im lặng.

"Anh phải về," tôi nói.

Nàng xụ mặt xuống, giọng buồn bã:

"Thôi cũng được. Hẹn gặp anh trọng chuyển tới."

"Ừ, chỉ vài ngày nữa thôi, phải không?"

"Đa, anh nhớ đi, chuyển này tốt lắm, chắc thành công."

Chúng tôi chia tay. Và mãi mãi chia tay. Khi biết nàng bỏ thân trên biển, tôi luôn nhớ đến nàng ở hình ảnh cuối cùng trên chiếc xa-lông ấy. Nàng bá lấy cổ tôi, níu kéo, biểu lộ khát khao chinh phục và được chinh phục. Người nàng như oằn lên. Giống như kẻ bị đắm, nhào lặn để cầu cứu. Tôi đã không cứu nàng.

Chuyến đi ấy không tốt, không thành công. Nếu hôm ấy tôi ôm nàng và sẵn sàng nhập cuộc yêu đương với nàng, có thể tôi sẽ không bị bắt vào tù. Nếu tôi và nàng yêu nhau, tôi đã có mặt trên cùng một chuyến tàu của nàng, và tôi sẽ chìm sâu theo nàng trong lòng biển rộng. Những trường hợp giả sử ở trên đều không xảy ra.

Thực tế là tôi đang ở tù, và sắp chết vì bệnh kiết lỵ tiêu chảy, một cái bệnh có tên gọi và

nội dung không mấy đẹp đẽ. Tại sao tôi phải chọn một cái chết ít thơ mộng như vậy nhỉ? Chỉ sĩ thì chết trong ngục tù. Ừ, cũng xứng đáng lắm, nhưng tôi đâu cần cái xứng đáng ấy. Tôi không phải chỉ là một chí sĩ có mặt trong tù để bảo vệ lý tưởng và sự liêm sỉ. Tôi còn là một đạo sĩ—dù giữ giới hay đã xả giới—có mặt nơi đây để vun trồng và khai mở hạt giống bồ đề, biến địa ngục thành tịnh độ niết bàn. Tôi chưa kịp làm gì cả, lý đầu lại nằm ỉ ra rồi chết một cách đơn giản. Tôi phải phấn đấu. Không thể gục ngã dễ dàng như vậy! Một căn bệnh thì nghĩa lý gì! Muốn triệu ma chướng, muốn triệu ác nghiệp, muốn triệu nổi thống khổ đớn đau của trần gian có chụp phủ lên đầu cũng phải đứng thẳng mà chống đỡ, mà chịu đựng, không thể quy ngã. Tôi phải sống.

Tôi gượng ngồi dậy. Đêm đã khuya lắm rồi. Cứ nhìn cảnh bạn tù nằm im, ngáy pho pho là biết. Tôi gắng lần dò vào nhà xí rồi trở ra, ngồi xếp bằng thế hoa sen. Từ ngày vào trại giam này, tôi đã tránh không ngồi thiền hay niệm Phật một cách lộ liễu trước mặt mọi người—các bạn tù chính trị vào trước đã nhắc tôi biết điều đó. Nhưng hôm nay, trong khi mọi người đang ngon giấc, và trong trường hợp thật cần thiết đối với tôi, tôi muốn ngồi thiền trong suốt đêm nay. Bằng tất cả sự dũng mãnh quyết tâm, bằng sức tập trung tư tưởng thuần thực sẵn có, tôi lại lần nữa, đạt đến trạng thái nhất tâm bất loạn, vắng bật tất cả mọi động dụng vận chuyển của bản ngã và khát dục.

Buổi khuya, khi có người lục tục trở dậy, tôi xả thiền, rồi nằm xuống ngủ.

Sáng ra, người tôi thấy khỏe lắm. Tôi biết tôi không thể nào chết. Tôi có thể đi lại chậm chạp trong phòng. Nhưng một lúc thì cũng thấm mệt, bèn trở về chỗ nằm. Ông Vương thấy tôi lại nằm ỉ như mọi hôm thì trở tới, vỗ vai tôi, hỏi nhỏ:

“Hỏi thật, có khi nào ông thấy cần rửa tội không nhỉ?”

Tôi ngạc nhiên và cũng thật buồn cười ngược nhìn ông:

“Tại sao bác hỏi vậy?”

“Thì... ở đời ai lại chẳng có lúc thấy cần nường tựa, cần

được ơn trên cứu rỗi. Khi nào ông muốn rửa tội, cứ nói tôi biết, tôi sẽ có cách, nhé.”

Tôi cười. Định nói với ông vài câu, nhưng thấy không cần thiết lắm, bèn lăm bắm với chính mình: “Nếu thật là tôi có cái tội gì đối với thế gian này, cũng chẳng con người nào hay bất cứ thần linh nào đủ thẩm quyền cứu rỗi tôi được, ngay cả đức Phật mà tôi hằng kính ngưỡng. Còn nếu cần phải

nường tựa ai, nường tựa cái gì để đứng lên, để tồn tại, tôi nghĩ chỉ có mảnh đất đầy đau thương và máu lệ của trần gian mới đủ sức chịu đựng nổi cái chống tay gượng dậy của tôi!”

Nói theo cách người xưa, tôi đã té xuống đất này thì tôi phải chống tay nơi đất này mà gượng dậy.

(Mời đọc tiếp Chương 4, kỳ báo sau)

TỰ TÁNH

*Mới hôm qua tưởng chừng còn lạc lõng
Mà hôm nay tự đứng thấy an lòng
Tâm con chừ đã không còn vọng tưởng
Bất chợt, con ngộ được tánh sắc-không*

*Lạy Từ Phụ ánh quang Ngài sáng tỏ
Ngài chỉ con tự tánh của chính mình
Và niềm tin từ lâu đã đánh mất
Chừ thân tâm, đã hết mọi ưu phiền*

*Lạy Từ Phụ bậc đại trí đại giác
Mãi hôm nay con mới quay trở về
Về nơi đây quỳ lạy dưới chân Ngài
Nghe Thấy giảng, hầu xa lánh mù mê*

*Con về đây mong tìm thấy nguồn đạo
Qua Phật pháp, thật sáng ngời chân phương
Cho tâm con thôi không còn vọng ảo
Cho mầm Đạo tỏa sáng đến muôn phương.*

*Con về đây để tìm nơi nương tựa
Bên Sư Phụ thật độ lượng bao dung
Và huynh đệ... Ôi chao vui sướng quá
Ấn tình này con nguyện khắc vào lòng.*

Liên Hoa, January-28, 2023
Đầu Xuân Quý Mão

thơ **TÂM TƯỜNG - LÊ ĐÌNH CÁT**

